



NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên) – ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên)
PHẠM THỊ THU HIỀN – NGUYỄN VĂN LỘC

Ngữ văn

7

TẬP MỘT

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN MINH THUYẾT (Tổng Chủ biên) – ĐỖ NGỌC THỐNG (Chủ biên)
PHẠM THỊ THU HIỀN – NGUYỄN VĂN LỘC

Ngữ văn

7

TẬP MỘT

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH

nguvanthcs.com



nguvanthcs.com

Lời nói đầu

Các thầy, cô giáo thân mến!

Sách giáo khoa *Ngữ văn 7* (bộ Cánh Diều) có nhiều thay đổi so với sách *Ngữ văn* (Chương trình 2006): yêu cầu cần đạt, mục tiêu và nội dung thay đổi dẫn tới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá cũng phải thay đổi cho phù hợp. Chính vì thế, sau sách giáo khoa, chúng tôi biên soạn sách giáo viên nhằm giúp các thầy, cô giáo có thêm nguồn tư liệu tham khảo để dạy tốt sách giáo khoa *Ngữ văn 7*.

Sách giáo viên *Ngữ văn 7* gồm các nội dung chính sau đây:

Phần một tập trung giới thiệu một số thông tin tổng quát về sách *Ngữ văn 7* như: cấu trúc sách, cấu trúc bài học, những điểm đổi mới, định hướng về phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu phát triển năng lực, gợi ý hướng dẫn tổ chức dạy học theo hoạt động,...

Phần hai (trọng tâm) hướng dẫn dạy học sách giáo khoa *Ngữ văn 7* theo từng bài cụ thể. Phần này nêu lên gợi ý dạy học cho các bài trong sách giáo khoa với cấu trúc nội dung chính gồm: Yêu cầu cần đạt; Kiến thức ngữ văn; Hướng dẫn tổ chức dạy phần Đọc hiểu văn bản; Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành tiếng Việt; Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành đọc hiểu; Hướng dẫn tổ chức dạy phần Viết; Hướng dẫn tổ chức dạy phần Nói và nghe; cuối cùng là Hướng dẫn phần Tự đánh giá.

Mỗi phần lớn chủ yếu cung cấp các thông tin liên quan, giúp giáo viên soạn giáo án. Phần quan trọng nhất là gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học; ví dụ, với tiết dạy đọc hiểu, cần tổ chức theo bốn hoạt động sau:

Hoạt động 1. Khởi động

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản (trọng tâm)

Hoạt động 4. Tổng kết

Sách giáo viên không phải là giáo án mà chỉ là tài liệu tham khảo thiết yếu, cung cấp các thông tin và gợi ý cách tổ chức dạy học theo định hướng mới, phù hợp với sách giáo khoa. Từ các nội dung và gợi ý trong sách giáo viên, các thầy cô căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của mình để biên soạn giáo án dạy học cho phù hợp và có hiệu quả.

Do tính chất là một tài liệu tham khảo, một số nội dung và cấu trúc bài soạn trong sách giáo viên này được nêu lên linh hoạt, nhiều yêu cầu giống nhau được nêu chung ở *Phần một* hoặc ở bài đầu tiên của mỗi tập sách, không nhắc lại ở các bài sau. Tính chất của các phần trong bài học cũng có khác nhau nên cách hướng dẫn cũng không nhất nhất theo một cấu trúc cứng cố định. Tuy nhiên, các nội dung chính, quan trọng thì các bài đều được trình bày thống nhất.

Chúng tôi mong các thầy cô sử dụng sách giáo viên một cách chủ động, sáng tạo và hiệu quả.

Thay mặt Nhóm biên soạn
NGUYỄN MINH THUYẾT
ĐỖ NGỌC THÔNG

Cánh Diều

PHẦN MỘT

NHỮNG HIỂU BIẾT CHUNG VỀ SÁCH NGỮ VĂN 7

Sách giáo viên (SGV) *Ngữ văn 7* được biên soạn nhằm giúp giáo viên (GV) dạy sách giáo khoa (SGK) *Ngữ văn 7* viết theo *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018* đúng phương pháp và có hiệu quả, không áp đặt, khuyến khích GV sáng tạo,... Để đạt được mục tiêu ấy, SGV được biên soạn gồm hai phần:

Phần một: Giới thiệu SGK *Ngữ văn 7* và nêu một số định hướng chung về phương pháp dạy học theo yêu cầu của Chương trình (CT) *Ngữ văn 2018*.

Phần hai: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể.

I. THÔNG TIN CHUNG

Bộ SGK *Ngữ văn Trung học cơ sở (THCS)* được thiết kế theo mô hình tích hợp, bám sát các yêu cầu của CT *Ngữ văn 2018*; lấy hệ thống thể loại có kết hợp với chủ đề / đề tài (nhất là các văn bản thông tin và nghị luận) làm chỗ dựa để phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học (các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe), các năng lực chung và các phẩm chất chủ yếu cho học sinh (HS).

II. CẤU TRÚC CHUNG CỦA SGK *NGỮ VĂN 7*

1. Tổng thời lượng học

SGK *Ngữ văn 7* thực hiện đúng quy định của CT *Ngữ văn 2018*, được dạy và học trong 35 tuần, trung bình mỗi tuần 4 tiết, tổng thời lượng là 140 tiết.

2. Cấu trúc sách

Thể loại và kiểu văn bản được hiểu theo các cấp độ sau:

Loại văn bản gồm: văn bản văn học, văn bản nghị luận và văn bản thông tin.

– Thể loại: chỉ những thể loại của văn bản văn học, gồm các thể loại lớn học lặp lại ở tất cả các lớp: truyện, thơ, kí, kịch.

– Tiểu loại: là các thể loại nhỏ trong mỗi thể loại lớn; mỗi lớp học một số tiểu loại này. Ví dụ: Lớp 7 học truyện gồm *truyện ngụ ngôn*, *truyện khoa học viễn tưởng*, *truyện ngắn*, *tiểu thuyết hiện đại*.

– Kiểu văn bản chỉ các kiểu trong loại văn bản nghị luận và thông tin.

Ở mỗi lớp, mỗi thể loại và kiểu văn bản lớn được triển khai thành một bài lớn (unit) gồm 12 tiết; trong đó tích hợp cả bốn kĩ năng (đọc hiểu, viết, nói và nghe).

Mỗi kĩ năng có thể có một hay nhiều bài học (lesson) tùy vào khối lượng nội dung của kĩ năng ấy trong từng bài lớn.

a) Cấu trúc chung

SGK *Ngữ văn 7* được thiết kế theo cấu trúc như sau:

- Bài Mở đầu: 4 tiết.
- Từ bài 1 đến bài 10: mỗi bài 12 tiết.
- Ôn tập và tự đánh giá định kì: 8 tiết.
- Cả năm có 8 tiết dự trữ.
- Tổng 140 tiết. Cụ thể:

+ *Bài Mở đầu*: nêu thông tin khái quát về các nội dung chính và cấu trúc sách *Ngữ văn 7*.

+ Ngoài *Bài Mở đầu*, số lượng bài Đọc hiểu phân bố như sau:

Lớp	Truyện	Thơ	Kí	Nghị luận	Thông tin
7	3	2	1	2	2

+ Các nội dung về tiếng Việt bám sát quy định của CT Ngữ văn 2018 để phân bổ và tích hợp vào 10 bài học chính.

+ Các nội dung về kĩ năng viết, nói và nghe bám sát quy định của CT, được tổ chức biên soạn theo hướng dựa vào ngữ liệu của phần đọc hiểu để biên soạn và thực hành viết, nói và nghe.

b) Cấu trúc cụ thể

10 bài học chính trong sách *Ngữ văn 7*

Bài	Thể loại / kiểu văn bản	Tiểu loại	Chủ đề / đề tài chính
1	Truyện	Truyện ngắn và tiểu thuyết hiện đại	Lòng yêu nước
2	Thơ	Thơ bốn chữ, năm chữ	Tình cảm gia đình
3	Truyện	Truyện khoa học viễn tưởng	Trí tưởng tượng kì diệu
4	Văn bản nghị luận	Nghị luận văn học	Vẻ đẹp của tác phẩm văn học
5	Văn bản thông tin	Giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi	Giá trị của các di sản văn hoá
6	Truyện	Truyện ngụ ngôn và tục ngữ	Những bài học cuộc sống
7	Thơ	Thơ	Ước mơ và giá trị nhân văn

8	Văn bản nghị luận	Nghị luận xã hội	Tinh thần yêu nước và đức tính giản dị
9	Kí	Tuỳ bút và tản văn	Con người và văn hoá Việt
10	Văn bản thông tin	Cách triển khai ý tưởng	Phương tiện vận chuyển và an toàn giao thông

c) Giải thích thêm về cấu trúc sách

– Với cấu trúc mỗi bài 12 tiết, không thể tách ra thành hai bài *Truyện ngụ ngôn* và *Tục ngữ* riêng. Vì các văn bản truyện ngụ ngôn và tục ngữ đều rất ngắn gọn, chỉ cần 2 – 3 tiết đọc hiểu cho mỗi thể loại là đủ. Ngoài ra, sách *Ngữ văn 7* kết hợp hai thể loại (truyện ngụ ngôn và tục ngữ) trong Bài 6 là còn có ý kết hợp nội dung đề tài, ý nghĩa: cả hai thể loại này đều tập trung nêu lên các bài học và kinh nghiệm sống của người xưa để lại. Sự kết hợp này cũng giống như Bài 6 (*Ngữ văn 6*, tập hai) với hai thể loại: Truyện đồng thoại và truyện của Pu-skin, An-đéc-xen.

– CT 2018 quy định Ngữ văn lớp 7 chỉ học đọc hiểu về thơ nói chung, nhưng trong yêu cầu viết lại có nội dung: “Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của mình sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.”, vì thế, trong phần đọc hiểu cần có thơ bốn chữ, năm chữ để thực hiện yêu cầu đọc hiểu gắn với viết. Ngoài ra, cần có các bài *thơ tự do* để đáp ứng yêu cầu của CT: “Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.”

– Văn bản nghị luận văn học, chúng tôi tiếp tục chủ trương: chọn các bài viết phân tích các tác phẩm đang học trong *Ngữ văn 7* để tích hợp đọc. Cách tích hợp này nhằm củng cố các bài học trước và “dễ hoá” việc đọc văn bản nghị luận văn học, một cách giảm tải cho việc dạy và học. Văn bản nghị luận xã hội, chúng tôi kế thừa các văn bản có nêu trong CT 2018 và đã có trong SGK *Ngữ văn 7 – CT 2006* (*Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* – Hồ Chí Minh; *Đức tính giản dị của Bác Hồ* – Phạm Văn Đồng và *Sự giàu đẹp của tiếng Việt* – Đặng Thai Mai).

– Văn bản thông tin trong CT Ngữ văn 2018 quy định lớp 7 học: văn bản giới thiệu một quy tắc, luật lệ trong hoạt động, trò chơi và đáp ứng các yêu cầu: “Nhận biết và hiểu được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.”, “Nhận biết được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản.”. Vì thế, *Ngữ văn 7* chia làm hai bài: Bài 5 học văn bản thông tin về quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi; Bài 10 học văn bản thông tin triển khai theo cách phân loại đối tượng và có cước chú, tài liệu tham khảo. Việc chọn văn bản thông tin có ghi tài liệu tham khảo là rất khó. Đề tài và chủ đề của Bài 5 tập trung về văn hoá và Bài 10 tập trung về các phương tiện vận chuyển, tích hợp giáo dục an toàn giao thông.

Ngoài những điểm lưu ý nêu trên, các bài khác hoàn toàn theo yêu cầu của CT Ngữ văn 2018.

III. CẤU TRÚC BÀI HỌC TRONG SGK NGỮ VĂN 7

Trong sách *Ngữ văn 7*, trừ *Bài Mở đầu*, 10 bài học còn lại đều được tổ chức theo các phần, mục như sau:

YÊU CẦU CẦN ĐẠT (HS xem ở nhà)

Nêu lên yêu cầu mà các em cần đạt được sau khi học bài. Nội dung gồm: mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học; phát triển phẩm chất và năng lực chung. Vì phẩm chất và năng lực chung đều thông qua năng lực đặc thù của môn học, cụ thể là đều phải thông qua đọc, viết, nói và nghe; vì thế, cần tập trung vào mục tiêu năng lực đặc thù trước.

KIẾN THỨC NGỮ VĂN (HS xem ở nhà và vận dụng trên lớp)

Nêu các kiến thức, hiểu biết chung về văn học và tiếng Việt theo yêu cầu cần đạt của bài học đó một cách ngắn gọn, phù hợp với nhận thức của HS lớp 7.

* Phần chính của bài học gồm các phần lớn sau đây:

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Mỗi bài học lớn thường có hai văn bản đọc hiểu chính và một văn bản thực hành đọc hiểu. Cả ba văn bản đều dạy trên lớp; tuy nhiên văn bản đọc chính được dạy kĩ hơn, nhiều thời gian hơn (học kĩ), văn bản thực hành đọc hiểu chủ yếu để HS tự thực hiện với sự tổ chức, hướng dẫn của GV, ít thời gian hơn. Các phần, mục được trình bày như sau:

Văn bản 1

Tên văn bản (chữ màu)

Tên tác giả (nếu có)

1. Chuẩn bị

- Lưu ý về thể loại và các thông tin liên quan.
- Tác giả, tác phẩm, bối cảnh lịch sử.

2. Đọc hiểu

Sách trình bày văn bản theo hai cột (bên trái và bên phải) với nội dung mỗi cột như sau:

<i>Văn bản</i>	<i>Hướng dẫn đọc</i>
– Nội dung văn bản	– Hướng dẫn cách đọc (chiến lược đọc).
– Minh họa	– Chỉ dẫn HS chú ý các từ ngữ, câu văn, đoạn văn có liên quan đến kiến thức ngữ văn đã nêu.
– Chú thích chân trang	

Câu hỏi sau khi đọc (logo): tuy không ghi rõ trong sách nhưng các câu hỏi đọc hiểu sau mỗi văn bản gồm 3 loại với 3 mức độ sau:

- Hiểu.
- Phân tích và nhận xét (đánh giá).
- Mở rộng, nâng cao.

Số lượng câu hỏi mỗi bài đọc hiểu tối đa là sáu câu. Câu hỏi cho văn bản đọc chính có thể nhiều hơn văn bản thực hành đọc hiểu.

Văn bản 2. Cấu trúc và nội dung tương tự.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Do định hướng thực hành nên nội dung các bài tiếng Việt chủ yếu nêu lên các bài tập để HS thực hành, nhằm củng cố các kĩ năng tiếng Việt. Li thuyết về các đơn vị ngôn ngữ được nêu ngắn gọn ở phần *Kiến thức ngữ văn*; các bài tập là sự cụ thể hoá của li thuyết ấy với ba dạng:

- Nhận biết các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt.
- Phân tích tác dụng của các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt.
- Tạo lập đơn vị tiếng Việt.

THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

– Trình bày văn bản, chỉ dẫn minh hoạ và chú thích như văn bản học chính.
 – Hướng dẫn đọc hiểu: có thể ít câu hỏi hơn, chỉ tập trung vào các yêu cầu cần đạt đã nêu ở đầu bài học.

VIẾT

Phần *Viết*, sách nêu hai mục lớn: một là *Định hướng*, nêu ngắn gọn lí thuyết và những lưu ý, hướng dẫn về kĩ thuật viết gắn với nội dung bài học cụ thể; hai là *Thực hành* viết nhằm vận dụng những hiểu biết ở mục *Định hướng*. Để rèn luyện HS viết theo quy trình, sách bám sát bốn bước với một số gợi ý cụ thể: chuẩn bị; tìm ý và lập dàn ý; viết; kiểm tra và chỉnh sửa.

NÓI VÀ NGHE

Tương tự phần *Viết*, *Nói và nghe* cũng có hai mục: một là *Định hướng*, nêu ngắn gọn lí thuyết và những lưu ý, hướng dẫn về nghe – nói gắn với nội dung bài học cụ thể; hai là *Thực hành*, luyện tập nhằm vận dụng những hiểu biết ở mục *Định hướng*.

TỰ ĐÁNH GIÁ

Phần này giúp HS tự đánh giá kết quả học bài. Nội dung: kiểm tra kết quả đọc hiểu thông qua một đoạn văn bản ngắn có thể loại và kiểu văn bản tương tự văn bản đã học, với các câu hỏi tập trung vào các đơn vị kiến thức trọng tâm nêu ở

phần *Kiến thức ngữ văn*. Hình thức: kết hợp cả trắc nghiệm và tự luận (trắc nghiệm đọc hiểu và tự luận viết câu trả lời ngắn hoặc viết đoạn văn).

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC (HS xem ở nhà)

Nêu gợi ý các văn bản đọc thêm, địa chỉ các trang web (nếu có) và hướng dẫn HS cách tìm, thu thập, lựa chọn các tư liệu liên quan đến bài học.

IV. NỘI DUNG CỤ THỂ VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

Dựa vào yêu cầu cần đạt của CT và tổng thời lượng cả năm cho môn Ngữ văn lớp 7 (140 tiết), chúng tôi đã thiết kế hệ thống bài học với sự gợi ý phân bổ thời lượng cụ thể. Tuy nhiên, đó chỉ là những gợi ý; còn việc vận dụng thời lượng cho mỗi bài, mỗi phần, mục,..., GV cần linh hoạt trong quá trình thực hiện (xem phần *VI. Một số lưu ý chung*, mục 5. *Về phân bổ thời lượng trong các bài*, trang 19).

TẬP MỘT

Bài Mở đầu: 4 tiết

Giới thiệu nội dung và cấu trúc để HS làm quen với sách *Ngữ văn 7*.

Bài 1. Tiểu thuyết và truyện ngắn

1. Đọc hiểu (7 tiết):

– Đọc chính:

+ *Người đàn ông cô độc giữa rừng* (trích tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam* – Đoàn Giỏi).

+ *Buổi học cuối cùng* (An-phông-xơ Đô-đê).

– Thực hành đọc hiểu: *Độc đường xứ Nghệ* (trích tiểu thuyết *Búp sen xanh* – Sơn Tùng).

2. Thực hành tiếng Việt (1 tiết): Ngôn ngữ các vùng miền.

3. Viết (3 tiết): Viết bài văn kể về một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

4. Nói và nghe (1 tiết): Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu *Bố của Xi-mông* (Guy đơ Mô-pa-xăng).

Bài 2. Thơ bốn chữ, năm chữ

1. Đọc hiểu (5 tiết):

– Đọc chính:

+ *Mẹ* (Đỗ Trung Lai).

+ *Ông đồ* (Vũ Đình Liên).

– Thực hành đọc hiểu: *Tiếng gà trưa* (Xuân Quỳnh).

2. Thực hành tiếng Việt (2 tiết): Các biện pháp tu từ.
3. Viết (3 tiết):
 - Tập làm thơ bốn chữ, năm chữ.
 - Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.
4. Nói và nghe (2 tiết): Trao đổi về một vấn đề.
5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu *Một mình trong mưa* (Đỗ Bạch Mai).

Bài 3. Truyện khoa học viễn tưởng

1. Đọc hiểu (6 tiết):
 - Đọc chính:
 - + *Bạch tuộc* (trích *Hai vạn dặm dưới đáy biển* – Giuyn Véc-nơ).
 - + *Chất làm gì* (Rây Brét-bơ-ry).
 - Thực hành đọc hiểu: *Nhật trình Sol 6* (trích *Người về từ Sao Hỏa* – En-đi Uya).
2. Thực hành tiếng Việt (2 tiết): Số từ và phó từ.
3. Viết (3 tiết): Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.
4. Nói và nghe (1 tiết): Thảo luận nhóm về một vấn đề.
5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu *Một trăm dặm dưới mặt đất* (trích *Cuộc du hành vào lòng đất* – Giuyn Véc-nơ).

Bài 4. Nghị luận văn học

1. Đọc hiểu (7 tiết):
 - Đọc chính:
 - + *Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam”* (Bùi Hồng).
 - + *Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa”* (Đinh Trọng Lạc).
 - Thực hành đọc hiểu: *Sức hấp dẫn của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển”* (Lê Phương Liên).
2. Thực hành tiếng Việt (tích hợp): Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị.
3. Viết (3 tiết): Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật.
4. Nói và nghe (2 tiết): Thảo luận nhóm về một vấn đề.
5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu *Về bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên* (Vũ Quần Phương).

Bài 5. Văn bản thông tin (Giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi)

1. Đọc hiểu (6 tiết):
 - Đọc chính:

+ *Ca Huế* (Theo dsvh.gov.vn).

+ *Hội thi thổi cơm* (Theo dulichvietnam.org.vn).

– Thực hành đọc hiểu: *Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang* (Theo Phi Trường Giang).

2. Thực hành tiếng Việt (2 tiết): Mở rộng trang ngữ.

3. Viết (3 tiết): Viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi.

4. Nói và nghe (1 tiết): Giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi.

5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu *Trò chơi dân gian của người Khmer Nam Bộ* (Theo baocantho.com.vn).

Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì I: 4 tiết.

TẬP HAI

Bài 6. Truyện ngụ ngôn và tục ngữ

1. Đọc hiểu (7 tiết):

– Đọc chính:

+ *Ếch ngồi đáy giếng* và *Đẽo cày giữa đường*.

+ *Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội* (1).

– Thực hành đọc hiểu:

+ *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân* (Ê-dốp).

+ *Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội* (2).

2. Thực hành tiếng Việt (1 tiết): Biện pháp tu từ nói quá, nói giảm – nói tránh.

3. Viết (3 tiết): Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật.

4. Nói và nghe (1 tiết): Kể lại một truyện ngụ ngôn.

5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu truyện ngụ ngôn *Thầy bói xem voi* và một số câu tục ngữ.

Bài 7. Thơ

1. Đọc hiểu (6 tiết):

– Đọc chính:

+ *Những cánh bướm* (Hoàng Trung Thông).

+ *Mây và sóng* (R. Ta-go).

– Thực hành đọc hiểu: *Mẹ và quả* (Nguyễn Khoa Điềm).

2. Thực hành tiếng Việt (2 tiết):

– Công dụng của dấu chấm lửng.

– Các biện pháp tu từ.

– Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh.

3. Viết (3 tiết): Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.

4. Nói và nghe (1 tiết): Trao đổi về một vấn đề.

5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu *Rời ngày mai con đi* (Lò Cao Nhum).

Bài 8. Nghị luận xã hội

1. Đọc hiểu (6 tiết):

– Đọc chính:

+ *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh).

+ *Đức tính giản dị của Bác Hồ* (Phạm Văn Đồng).

– Thực hành đọc hiểu: *Tương đài vĩ đại nhất* (Uông Ngọc Dậu).

2. Thực hành tiếng Việt (2 tiết): Liên kết và mạch lạc của văn bản.

3. Viết (3 tiết): Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

4. Nói và nghe (1 tiết): Thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống.

5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu *Sự giàu đẹp của tiếng Việt* (Đặng Thai Mai).

Bài 9. Tuỳ bút và tản văn

1. Đọc hiểu (7 tiết):

– Đọc chính:

+ *Cây tre Việt Nam* (tuy bút – Thép Mới).

+ *Người ngồi đợi trước hiên nhà* (tản văn – Huỳnh Như Phương).

– Thực hành đọc hiểu: *Trưa tha hương* (tuy bút – Trần Cư).

2. Thực hành tiếng Việt (1 tiết): Từ Hán Việt.

3. Viết (3 tiết): Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc.

4. Nói và nghe (1 tiết): Trao đổi về một vấn đề.

5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu *Tiếng chim trong thành phố* (tản văn – Đỗ Phấn).

Bài 10. Văn bản thông tin (Triển khai ý tưởng và thông tin)

1. Đọc hiểu (6 tiết):

– Đọc chính:

+ *Ghe xuồng Nam Bộ* (Theo Minh Nguyên).

+ *Tổng kiểm soát phương tiện giao thông* (Theo infographics.vn).

– Thực hành đọc hiểu: *Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa* (Theo Trần Bình).

2. Thực hành tiếng Việt (1 tiết):

– Thuật ngữ.

– Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu.

3. Viết (3 tiết):

– Tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.

– Viết bản tường trình.

4. Nói và nghe (2 tiết): Nghe và tóm tắt ý chính của bài nói.

5. Tự đánh giá (làm ở nhà): Đọc hiểu *Một số phương tiện giao thông của tương lai* (Theo Văn Biên – Dân Việt).

Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì II: 4 tiết.

Phản phụ lục cuối sách.

V. NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH

SGK Ngữ văn 7 có các điểm mới sau:

1. Thiết kế bài học theo thể loại và kiểu văn bản

CT Ngữ văn 2006 xây dựng các bài học theo tiến trình lịch sử văn học (từ lớp 6 đến lớp 9: bắt đầu từ văn học dân gian đến văn học trung đại và hiện đại). CT Ngữ văn 2018 thiết kế theo đặc điểm thể loại và kiểu văn bản. Việc thay đổi này nhằm dạy cách đọc hiểu và tiếp nhận văn bản theo đặc điểm thể loại và kiểu văn bản; khắc phục áp lực do phải chạy theo nội dung, số lượng tác phẩm đồ sộ và ngày càng tăng trong kho tàng văn học dân tộc và nhân loại.

Bám sát yêu cầu của CT Ngữ văn 2018, sách lấy mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực của HS làm căn cứ để lựa chọn, tổ chức nội dung học tập và hoạt động học tập của HS; cụ thể là:

– Lấy việc rèn luyện các kĩ năng ngôn ngữ (đọc, viết, nói và nghe) làm trục phát triển của cuốn sách để phục vụ mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ và văn học cho HS.

– Thống nhất nội dung rèn luyện các kĩ năng ngôn ngữ trong mỗi bài học theo hệ thống thể loại và kiểu văn bản kết hợp với các chủ đề / đề tài để phục vụ mục tiêu bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng sống và các phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

– Tích cực hoá hoạt động học tập của người học để HS phát triển toàn diện về phẩm chất và năng lực một cách vững chắc.

2. Bám sát đối tượng học và giảm tải

Việc biên soạn được tiến hành theo hướng lựa chọn, tổ chức nội dung học tập và các hoạt động học tập cho phù hợp với tâm sinh lý, trình độ nhận thức và điều kiện học tập của HS. Cụ thể là:

– HS là người nói tiếng Việt, do đó, nhiệm vụ trọng tâm của môn Ngữ văn ở lớp 7 là tiếp tục củng cố và phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe mà HS đã được hình thành ở các lớp Tiểu học, đồng thời dạy phát triển các kĩ năng nghe và nói ở mức độ cao hơn (từ giao tiếp thông thường đến giao tiếp văn hoá).

– HS đang ở cấp THCS với độ tuổi 12 – 13, do đó, cần chú ý đến tính vừa sức và tâm lý lứa tuổi.

– HS là đối tượng rất đa dạng và học tập trong những điều kiện khác nhau, nên cần thiết kế nội dung mở để thực hiện giáo dục phân hoá, nhằm khơi dậy tiềm năng ở mỗi HS và để phù hợp với điều kiện dạy, học ở từng địa bàn.

– Sách *Ngữ văn 7* có thời gian dự phòng (8 – 12 tiết); cho phép GV vận dụng linh hoạt thời gian trong mỗi bài học, có thể chỉ dạy hai văn bản chính và hướng dẫn đọc hiểu; tích hợp các bài nghị luận văn học với các bài đọc hiểu trước đó (tích hợp đọc) để củng cố lẫn nhau,... Tất cả đều giúp cho việc dạy học nhẹ nhàng, không chịu áp lực về khối lượng nội dung và thời gian dạy học.

3. Tạo điều kiện đổi mới cách dạy, cách học

Đổi mới phương pháp dạy học cần tiến hành đồng bộ. Trước hết, SGK cần thay đổi. *Ngữ văn 7* giúp GV và HS thay đổi cách dạy, cách học từ một số đổi mới sau:

– Cấu trúc sách và cấu trúc bài học khác hẳn SGK CT 2006: mỗi bài lớn chia theo thể loại và kiểu văn bản được quy định trong CT. GV hoàn toàn tự chủ trong việc xác định thời gian và các hình thức tổ chức dạy học, miễn là đạt được mục tiêu bài học.

– Chú trọng kênh chữ và kênh hình, đặc biệt, sách được in 4 màu (khác với in đen trắng hiện hành) với nhiều đổi mới về minh hoạ, maket; vừa bảo đảm tính thẩm mỹ, vừa đáp ứng yêu cầu dạy học văn bản đa phương thức,...

– HS phải tự đọc, tự tra cứu, tìm kiếm, thu thập, lựa chọn, đánh giá tư liệu và tự liên hệ các phân, mục trong bài,...; tự kiểm tra kết quả học bài.

– Biên soạn theo hướng mở, khuyến khích GV vận dụng các phương pháp, phương tiện và kĩ thuật dạy học, đưa ra nhiều hướng, nhiều giải pháp thực hiện,

chỉ gợi mở, không làm thay HS; khuyến khích HS tự học, tự tìm kiếm và giải quyết vấn đề,... Khuyến khích HS phát biểu suy nghĩ riêng; chấp nhận các câu trả lời khác nhau;...

4. Tăng cường yêu cầu thực hành

Các bài học trong *Ngữ văn 7* tạo điều kiện cho GV và HS tăng cường thực hành tìm kiếm, vận dụng vào thực tế cuộc sống.

– Các yêu cầu lớn đọc hiểu, viết, nói và nghe đều theo hướng giảm lí thuyết tăng thực hành: thực hành đọc hiểu, thực hành viết, thực hành nói và nghe.

– Các nội dung tiếng Việt cũng không biên soạn bài học lí thuyết mà tập trung yêu cầu HS làm bài tập thực hành.

– Các bài đọc hiểu đều có yêu cầu HS liên hệ với thực tiễn và kinh nghiệm, vốn sống của bản thân để hiểu bài học và vận dụng vào thực tế.

5. Bảo đảm yêu cầu kế thừa và phát triển

a) Sách *Ngữ văn 7* kế thừa nhiều đơn vị kiến thức cơ bản về văn học, tiếng Việt, tập làm văn trong CT 2006, kế thừa hệ thống văn bản đọc, lấy lại nhiều tác phẩm đã học trong CT 2006. Ví dụ:

– Truyện: *Buổi học cuối cùng* (A. Đô-đê), *Bổ của Xi-mông* (G. Mô-pa-xăng) *Ếch ngồi đáy giếng*, *Đẽo cày giữa đường*, *Thầy bói xem voi*.

– Thơ: *Tiếng gà trưa* (Xuân Quỳnh), *Ông đồ* (Vũ Đình Liên), *Mây và sóng* (R. Ta-go).

– Kí: *Cây tre Việt Nam* (Thép Mới).

– Văn bản nghị luận: *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh), *Đức tính giản dị của Bác Hồ* (Phạm Văn Đồng), *Sự giàu đẹp của tiếng Việt* (Đặng Thai Mai).

b) Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu mới, *Ngữ văn 7* cũng có nhiều đơn vị kiến thức ngữ văn và hệ thống văn bản – tác phẩm mới.

– Các văn bản thông tin (Bài 5 và Bài 10) theo yêu cầu mới của CT 2018: *Ca Huế*, *Hội thi thổi cơm*, *Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang*, *Ghe xuồng Nam Bộ*, *Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa*,...

– Thể loại truyện khoa học viễn tưởng lần đầu tiên có trong CT, cấp THCS: *Hai vạn dặm dưới đáy biển* (Giuy-néc-nơ), *Chất làm gỉ* (Rây Brét-bơ-ry), *Người về từ Sao Hoả* (En-đi Uya),...

– Văn bản nghị luận: nghị luận văn học có các văn bản phân tích *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi (Bùi Hồng), phân tích giá trị nghệ thuật bài thơ

Tiếng gà trưa của Xuân Quỳnh (Đinh Trọng Lạc), phân tích *Hai vạn dặm dưới đáy biển* của Giuyn Véc-nơ (Lê Phương Liên) và nghị luận xã hội có văn bản *Tượng đài vĩ đại nhất* (Uông Ngọc Dậu).

– Văn bản truyện: *Độc đường xứ Nghệ* (trích *Búp sen xanh* – Sơn Tùng), *Người đàn ông cô độc giữa rừng* (trích *Đất rừng phương Nam* – Đoàn Giỏi).

– Thơ: *Mẹ* (Đỗ Trung Lai), *Những cánh buồm* (Hoàng Trung Thông), *Rời ngày mai con đi* (Lò Cao Nhum), *Một mình trong mưa* (Đỗ Bạch Mai).

– Kí: *Người ngồi đợi trước hiên nhà* (Huỳnh Như Phương), *Trưa tha hương* (Trần Cư), *Tiếng chim trong thành phố* (Đỗ Phấn).

VI. MỘT SỐ LƯU Ý CHUNG

1. Quan niệm về SGK

SGV không phải là giáo án của GV hay sách thiết kế bài học. SGV chỉ bám sát SGK của HS, mở rộng, giải thích, làm rõ thêm các nội dung trong đó. Hai nội dung lớn mà SGV cần tập trung là:

- Gợi ý cho GV cách thức tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp.
- Gợi ý các nội dung cần làm rõ qua các câu hỏi, bài tập trong SGK.

Như thế, để có một giáo án cụ thể, GV tham khảo SGV; từ đó, hiểu đúng mục tiêu, các yêu cầu của bài học; căn cứ vào đối tượng, điều kiện dạy học và năng lực của chính mình để soạn ra một giáo án cụ thể. Không ai thay thế được người GV trong việc soạn ra một giáo án cho mình. Hơn nữa, CT và SGK lần này theo định hướng mở, đề cao và khuyến khích GV tự chủ, tự lựa chọn và quyết định nội dung, cách thức dạy học cụ thể; vì thế, SGV chỉ có thể nêu lên các gợi ý để GV tham khảo; kể cả các gợi ý về nội dung trả lời các câu hỏi trong SGK. Các gợi ý trả lời câu hỏi trong SGV chỉ nêu ý chính, để thống nhất chung về phương hướng; còn nội dung cụ thể, GV hoàn toàn có thể thêm, bớt, miễn là có lí, có cơ sở và có sức thuyết phục.

Trong khi chuẩn bị giáo án, GV nên tìm kiếm thêm tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau, nhất là bằng Internet, thống kê, lựa chọn các thông tin quan trọng, liên quan đến tác giả và văn bản sẽ dạy để phục vụ cho việc tổ chức dạy học và hướng dẫn HS tự học, tự tìm kiếm tư liệu.

2. Về tiến trình dạy học

Tiến trình tổ chức tiết học theo yêu cầu hình thành và phát triển năng lực cho người học đòi hỏi cần thông qua các hoạt động học tập. Các hoạt động chính của tiết học Ngữ văn thường qua các bước lớn: khởi động, hình thành tri thức mới,

luyện tập và vận dụng. Mỗi hoạt động thường qua các việc: a) giao nhiệm vụ; b) tổ chức cho HS làm việc; c) trình bày, trao đổi và tự rút ra kết luận.

3. Về sự khác biệt giữa *Đọc hiểu*, *Thực hành đọc hiểu* và *Tự đánh giá*

CT Ngữ văn 2018 chủ trương hình thành năng lực đọc; vì thế, cần theo quy trình sư phạm từ việc hướng dẫn chi tiết cho HS đọc hiểu văn bản theo thể loại ở hai văn bản đọc chính; sau đó chuyển sang *Thực hành đọc hiểu* có hướng dẫn của GV và cuối cùng là *Tự đánh giá* (Ở đó, HS tự đọc hiểu một văn bản mới không có hướng dẫn của GV). *Thực hành đọc hiểu* nhằm rèn luyện kỹ năng đọc hiểu đã hình thành bước đầu qua hai văn bản đọc chính. Do thời gian và tính chất thực hành nên tiết học này không cần đầy đủ các bước và các hoạt động như bài học chính mà tập trung vào hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản luận. Nghĩa là có thể bắt đầu tổ chức Hoạt động 2 hoặc Hoạt động 3 luôn, tùy vào thời lượng dành cho bài học này. Trong các hoạt động đó, hoạt động bắt buộc là HS phải đọc văn bản; còn lại không nhất thiết phải tìm hiểu tất cả các câu hỏi nêu trong SGK. GV có thể lựa chọn một số câu quan trọng để hướng dẫn HS tìm hiểu hoặc củng cố lại các kỹ thuật đọc từ các văn bản đã học. Ở bước *Tự đánh giá*, HS phải tự mình đọc văn bản mới và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm để tự kiểm tra xem mình có hiểu văn bản ấy không, trong đó có tích hợp kiểm tra kiến thức tiếng Việt gắn với văn bản đọc hiểu. Một số câu cuối thường yêu cầu thực hành viết ngắn, nhưng cũng là kiểm tra kết quả đọc, không phải viết bài luận.

4. Về việc ghi bảng

4.1. Tiết đọc hiểu văn bản

GV linh hoạt trong việc ghi bảng ở mỗi bài, nhưng cần chú ý các thông tin sau:

Tên văn bản đọc hiểu

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả và tác phẩm; thể loại, kiểu văn bản
2. Những điểm cần lưu ý khi đọc

II. Đọc hiểu văn bản

1. Nội dung của văn bản
2. Hình thức của văn bản

III. Tổng kết

1. Giá trị về nội dung
2. Giá trị về hình thức
3. Cách đọc văn bản

4.2. Tiết thực hành tiếng Việt

Cần chú ý các thông tin sau:

- I. Yêu cầu cần đạt
- II. Kiến thức cơ bản
- III. Thực hành

4.3. Tiết viết, nói và nghe

Cần chú ý các thông tin sau:

- I. Yêu cầu cần đạt
- II. Kiến thức cơ bản
- III. Thực hành

5. Về phân bổ thời lượng trong các bài

Như đã nêu trong phần *Cấu trúc chung của SGK “Ngữ văn 7”*, tổng thời lượng cho môn Ngữ văn lớp 7 là 140 tiết / năm. Ngoài *Bài Mở đầu* 4 tiết, 8 tiết *Ôn tập và tự đánh giá (cuối học kì I và cuối học kì II)*; các bài còn lại (từ 1 đến 10) đều 12 tiết; có 8 tiết dự trữ.

Trong mỗi bài 12 tiết, thường phân bổ như sau:

STT	Nội dung dạy học	Thời lượng (tiết)
1	Đọc hiểu văn bản	4 – 5
2	Thực hành tiếng Việt	1 – 2
3	Thực hành đọc hiểu	2
4	Viết	3
5	Nói và nghe	1 – 2

Mặc dù SGK đã có gợi ý về việc phân chia thời lượng cho các nội dung học tập, nhưng nhìn chung, GV vẫn toàn quyền quyết định trong việc phân bổ thời gian cho các bài học và các phần trong mỗi bài. Có thể điều chỉnh thời lượng một cách linh hoạt và phù hợp với đối tượng, điều kiện dạy học của mỗi GV trên hai bình diện: các bài và các phần trong bài. Chẳng hạn, với *Bài Mở đầu*, theo phân bổ là 4 tiết, nhưng nếu GV thấy lớp mình dạy, HS nắm vấn đề nhanh, đã đạt yêu cầu mà không cần tới 4 tiết thì có thể chuyển sang học bài tiếp theo (Bài 1). Hoặc nếu Bài 2 thấy phần nội dung đọc hiểu hay nội dung viết có thể rút ngắn 1 – 2 tiết mà vẫn đạt được yêu cầu, mục tiêu bài học thì hoàn toàn có quyền chuyển sang nội dung phần khác, học bài khác. Các tiết bớt được sẽ thành thời lượng dự trữ và

tăng thêm cho các bài cần nhiều thời gian hơn, những nội dung cần củng cố, ưu tiên thực hành rèn luyện nhiều hơn ở lớp đó. Dĩ nhiên, việc thêm, bớt nên trao đổi trong tổ khi thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

Cũng cần lưu ý về số lượng văn bản dạy đọc hiểu. Mặc dù mỗi bài trong SGK nêu lên 3 văn bản đọc hiểu, nhưng GV hoàn toàn có thể chỉ chọn 1 – 2 văn bản để dạy HS đọc hiểu kĩ về thể loại và kiểu văn bản ấy; không nhất thiết là phải dạy tất cả 3 văn bản. Nên tập trung vào các văn bản đọc chính để HS biết cách đọc hiểu thể loại và kiểu văn bản tiêu biểu. Các văn bản còn lại chỉ cần hướng dẫn HS đọc hiểu, thậm chí để HS tự đọc ở nhà. Việc đưa nhiều văn bản cùng thể loại và kiểu văn bản nhằm cung cấp ngữ liệu cho HS với những định hướng sự phạm về cách đọc; giúp các em có văn bản để tự đọc và rèn luyện cách đọc; không yêu cầu GV dạy tất cả trên lớp theo kiểu nhồi nhét, chạy theo nội dung. Mặt khác, những văn bản có trong SGK nhưng không dạy trên lớp chính là nguồn ngữ liệu dùng để kiểm tra, đánh giá năng lực đọc của HS sau khi học bài học ấy.

6. Về đánh giá

Có nhiều yêu cầu về đánh giá, CT yêu cầu cần “hướng dẫn cho HS mục tiêu, phương pháp và các tiêu chí đánh giá”, vì thế, SGK cần hiện thực hoá yêu cầu này. Đánh giá kết quả thường xuyên được gắn với các bài học cụ thể. Trong SGK, cuối mỗi bài học lớn có phần *Tự đánh giá* để HS sau khi học hết một bài có thể tự đánh giá xem mình có nắm được yêu cầu của bài học không; từ đó, củng cố và điều chỉnh cách học. Căn cứ vào yêu cầu cần đạt và định hướng đánh giá của CT, sách nêu lên các bài đánh giá với yêu cầu đọc hiểu và viết kết hợp hình thức trắc nghiệm và tự luận. Trắc nghiệm để quét được nhiều đơn vị kiến thức, phù hợp với đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản; các câu tự luận (làm văn) nhằm đánh giá năng lực viết bài văn, đoạn văn. Các ngữ liệu đánh giá đọc hiểu là ngữ liệu mới, tương đương với các văn bản đã học cả về thể loại và độ khó.

Tự đánh giá cuối học kì I và học kì II, cũng theo tinh thần nêu trên, nhưng nội dung phong phú và toàn diện hơn phần *Tự đánh giá* cuối mỗi bài. Tất cả các bài đánh giá chỉ là để HS tự kiểm tra, làm ở nhà và GV tham khảo trong việc đánh giá kết quả học *Ngữ văn 7*.

VII. VỀ YÊU CẦU TỔ CHỨC DẠY HỌC THEO HOẠT ĐỘNG

Dạy học sách *Ngữ văn 7*, dù theo thể loại nào cũng vừa khuyến khích GV sáng tạo, vừa phát huy hết năng lực sở trường của mỗi người. Tuy nhiên, để bảo đảm các yêu cầu cần đạt cơ bản, thống nhất cũng như hình thành cho HS cách học, GV cần tuân thủ một số yêu cầu tối thiểu. Định hướng chung là: Hạn chế việc GV

thuyết giảng theo cách hiểu của mình; tổ chức để HS tự khám phá, tìm ra kết quả thông qua các hoạt động học tập; chú ý không chỉ hiểu nội dung mà còn nắm được cách thức, phương pháp,...

Sau đây là gợi ý về cách tổ chức dạy học một số phần lớn trong mỗi bài học.

1. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học đọc hiểu

Hoạt động 1. Khởi động

Nội dung dựa vào phần *Chuẩn bị* đã nêu trong SGK, GV có thể bắt đầu bài học bằng nhiều cách khác nhau. Nhìn chung nhiệm vụ của phần mở đầu hướng tới:

- Tạo không khí cho tiết học (kể chuyện, chiếu video clip, tranh ảnh, bài hát,...).
- Huy động kiến thức nền của HS về đề tài sẽ học (nêu câu hỏi).
- Giới thiệu bài học (dẫn dắt, nêu vấn đề, giới thiệu).

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

Tổ chức cho HS đọc văn bản; tìm hiểu tác phẩm và những điểm cần lưu ý khi đọc văn bản theo các thể loại và kiểu văn bản.

– GV yêu cầu HS đọc hoặc kiểm tra việc đọc văn bản ở nhà; nêu những từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng, điển tích,... khó, cần chú ý và giải thích; hướng dẫn cách đọc diễn cảm;...

– Dựa vào một số câu hỏi hướng dẫn cách đọc (cột bên phải văn bản) để kiểm tra việc đọc của HS. Từ đó, lưu ý HS vì sao khi đọc văn bản cần chú ý các hướng dẫn ở cột bên phải.

– Trước khi đọc hiểu văn bản, các em cần lưu ý một số điểm mà SGK đã nêu lên trong mục *Chuẩn bị* (gọi 1 HS nêu hoặc đọc mục *Chuẩn bị*).

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

a) SGK đã nêu lên các câu hỏi cốt lõi nhằm giúp HS tìm hiểu, khám phá văn bản theo 3 lớp: i) *hiểu*; ii) *phân tích, nhận xét*, iii) *mở rộng, nâng cao*.

Các câu hỏi đầu i) thường thể hiện yêu cầu hiểu về nội dung cụ thể cũng như ấn tượng khái quát về nội dung của văn bản. Các câu hỏi ii) yêu cầu phân tích, đánh giá, hướng vào việc tìm hiểu sâu hơn nội dung và hình thức văn bản. Và các câu hỏi cuối iii) yêu cầu HS mở rộng, nâng cao bằng việc liên hệ, so sánh, giải các vấn đề của văn bản với cuộc sống và những trải nghiệm của HS để hiểu văn bản, giúp HS hiểu chính bản thân mình khi đọc tác phẩm. Vì thế, GV có thể dựa vào hệ thống câu hỏi cốt lõi của SGK để tổ chức các hoạt động tìm hiểu văn bản bằng cách thêm, bớt các câu hỏi dẫn dắt, gợi mở tùy vào đối tượng cụ thể của tiết học. Sau đây là một số gợi ý cách tổ chức và nội dung dạy học cần chú ý.

– GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm tìm hiểu một câu hỏi trong SGK (GV có thể chỉ định hoặc cho các nhóm bắt thăm câu hỏi chuẩn bị).

– HS làm việc theo nhóm (có thể nhóm đôi, 2 HS cùng bàn).

– Trình bày ý kiến mỗi nhóm và trao đổi, rút ra kết luận; HS tự ghi chép nội dung các câu hỏi đã trao đổi theo cách hiểu của mình sau khi nghe trao đổi.

b) SGK đã nêu lên hệ thống câu hỏi và các nội dung cần lưu ý. GV lựa chọn, kết hợp bổ sung các câu hỏi khác nếu thấy cần thiết và phù hợp với đối tượng HS. Tuy nhiên, không nên làm cho nội dung tiết học bị nặng (quá tải). GV cần bám sát các câu hỏi trong SGK cuối văn bản đọc để tổ chức cho HS tìm hiểu; mỗi bài đọc chính thường có 6 câu hỏi.

Hoạt động 4. Tổng kết

– GV yêu cầu HS nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và nghệ thuật theo nhận thức của HS.

– GV có thể nêu ý kiến của mình nhằm khái quát và tổng hợp đầy đủ hơn, sâu sắc hơn.

– GV nêu những lưu ý về cách / chiến thuật đọc văn bản theo thể loại hoặc kiểu văn bản mà HS cần chú ý.

– GV hướng dẫn đọc mở rộng và chuẩn bị bài tiếp theo.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học thực hành tiếng Việt

a) Những điều cần lưu ý

– Tiếng Việt trong CT và SGK *Ngữ văn* có những thay đổi lớn: không nhằm mục đích cung cấp, trang bị lí thuyết mà chủ yếu là thực hành vận dụng; giúp cho các hoạt động đọc hiểu, viết và nói – nghe có hiệu quả hơn.

– Theo định hướng đó, sách *Ngữ văn* không trình bày bài học tiếng Việt thành lí thuyết hàn lâm mà chủ yếu tập trung yêu cầu HS làm bài tập thực hành. Một số kiến thức tiếng Việt cần trang bị và vận dụng được nêu ngay ở phần *Kiến thức ngữ văn*; nhưng chỉ để HS đọc ở nhà và khi làm bài tập trên lớp, gặp các câu hỏi liên quan đến các đơn vị kiến thức ấy thì HS và GV xem lại để vận dụng giải bài tập. Cũng từ đó mà nắm được những kiến thức tiếng Việt này.

b) Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học

Việc tổ chức thực hành rèn luyện tiếng Việt trong mỗi bài học nhìn chung cần linh hoạt. Tùy theo mỗi GV với những bối cảnh và điều kiện khác nhau, hoạt động chính vẫn là tổ chức cho HS làm các bài tập có trong SGK. GV cũng có thể mở rộng thêm hoặc thay thế các ngữ liệu khác cho phong phú; nhưng cần bám sát yêu

cầu cần đạt, bám sát các văn bản đọc hiểu trong bài học và trong sách *Ngữ văn 7* trước khi lấy rộng ra các văn bản khác.

3. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học thực hành đọc hiểu

Thực hành đọc hiểu được tiến hành sau bài đọc hiểu chính, nhằm rèn luyện kĩ năng đọc hiểu đã hình thành bước đầu qua 2 văn bản đọc chính. Như đã nói ở trên, do thời gian và tính chất thực hành nên tiết học này không cần đầy đủ các bước và các hoạt động như bài học chính mà tập trung vào hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản luôn, quan trọng nhất và bắt buộc là HS phải đọc văn bản. Nếu có đủ thời gian thì có thể tiến hành các bước như dạy văn bản chính.

4. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học viết

a) Lưu ý

Dạy viết chủ yếu là rèn luyện kĩ năng viết. Kĩ năng viết cần được hình thành và rèn luyện dần, từ các mẫu trong SGK (các văn bản đọc hiểu chính là mẫu của yêu cầu viết) đến các yêu cầu sáng tạo khác cả về ý tưởng và cách thể hiện. Nhìn chung về ngữ liệu, HS đã được học ở phần đọc hiểu văn bản. Phần viết được dành 3 tiết, GV tổ chức cho HS tìm hiểu định hướng và nên dành nhiều thời gian để hướng dẫn HS thực hành viết.

b) Gợi ý tổ chức dạy viết

Hoạt động 1. Định hướng

GV cho HS đọc mục 1. *Định hướng* trong SGK. Sau đó, tổ chức cho HS tìm hiểu các điểm cần chú ý khi viết, đặc biệt lưu ý mục b) (Để viết được kiểu văn bản ấy, HS phải làm gì?). GV cho HS trao đổi về từng yêu cầu nhỏ trong đó.

Hoạt động 2. Thực hành

GV hướng dẫn HS thực hành theo quy trình 4 bước: *Chuẩn bị, Tìm ý và lập dàn ý, Viết, Kiểm tra và chỉnh sửa* như SGK đã nêu lên.

Trong 4 bước thì bước *Tìm ý và lập dàn ý, Viết* là chính, cần dành nhiều thời gian hơn. Tìm hiểu cách tìm ý và lập dàn ý, cách viết mà SGK đã gợi ý với các phần *mở bài, thân bài* và *kết bài* để hình dung và biết cách viết bài văn.

Bước thực hành viết nên thực hiện linh hoạt, phụ thuộc vào kế hoạch luyện viết của 5 bài trong một học kì để xác định nhiệm vụ cho từng bài. Có thể yêu cầu HS tập trung vào hoạt động nào là chính cho mỗi bài học. Ví dụ, có thể yêu cầu viết cả bài, nếu ít thời gian có thể chỉ yêu cầu viết một phần theo dàn ý đã làm. Sau đó, HS phải thực hành kiểm tra, chỉnh sửa “sản phẩm” vừa tạo ra của mình. GV cũng có thể yêu cầu HS về nhà hoàn chỉnh bài viết.

5. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học nói và nghe

a) Lưu ý

Thời lượng *Nói và nghe* ít hơn *Đọc hiểu và Viết* (CT quy định chỉ chiếm 10%). Nghĩa là mỗi bài chỉ khoảng 1 – 2 tiết. Nội dung nói và nghe lại dựa trên ngữ liệu phần *Đọc hiểu và Viết*. Vì thế, GV cho HS tìm hiểu nhanh mục *Định hướng*, sau đó, chủ yếu cho HS thực hành nói và nghe.

b) Gợi ý tổ chức dạy nói và nghe

Hoạt động 1. Định hướng

Phần này thường nêu hai nội dung: yêu cầu đối với người nói và yêu cầu với người nghe. Yêu cầu về cả nội dung nói – nghe và kĩ thuật nghe – nói; cả thái độ, tình cảm khi nghe và nói. Nội dung nói và nghe thường gắn với đọc hiểu và viết nên ở mục *Định hướng* về nội dung, nhiều bài chỉ yêu cầu HS dựa vào dàn ý đã làm ở phần học viết. GV chỉ lưu ý HS cách trình bày bằng lời (ngôn ngữ nói) khác với trình bày bằng viết (ngôn ngữ viết) như thế nào.

Hoạt động 2. Thực hành

Sau mục *Chuẩn bị*, GV yêu cầu HS thực hành trình bày miệng nội dung đã chuẩn bị. Các HS khác nghe, nhận xét, bổ sung hoặc nêu câu hỏi chất vấn.

Cánh Diều

PHẦN HAI

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

BÀI MỞ ĐẦU

Cũng như sách *Ngữ văn 6*, sách *Ngữ văn 7* có *Bài Mở đầu*. Bài học được phân bổ thời lượng để GV hướng dẫn HS học trên lớp, nhằm nắm được những thông tin khái quát về nội dung, hình thức của sách và biết cách sử dụng sách.

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Phần này HS đọc ở nhà; tuy nhiên, đây là mục đích cần đạt của bài học nên GV cần hiểu rõ để hiện thực hoá các nội dung của mục tiêu vào các hoạt động dạy học.

Khác với 10 bài học trong sách *Ngữ văn 7*, *Bài Mở đầu* chủ yếu giúp HS làm quen với sách này nên hướng tới các mục tiêu cơ bản là giúp HS nắm được:

1. Những nội dung chính của sách *Ngữ văn 7*.
2. Cấu trúc của sách và các bài học trong sách *Ngữ văn 7*.
3. Cách sử dụng sách *Ngữ văn 7*.

Thực chất là nhằm trả lời các câu hỏi quan trọng:

– Sách *Ngữ văn 7* học những gì (Đọc, viết, nói và nghe những gì? Rèn luyện tiếng Việt ra sao?)?

– Sách *Ngữ văn 7* có cấu trúc như thế nào (Có bao nhiêu bài học? Mỗi bài học có những phần nào?...)?

– Sử dụng sách *Ngữ văn 7* như thế nào (Phần nào học ở nhà? Nội dung nào học trên lớp?)?

Là bài mở đầu, vì thế, việc tìm hiểu các nội dung trong bài học này không cần nặng nề, không cần yêu cầu HS phải giải quyết và làm hết tất cả các bài tập; nội dung trả lời cũng không nhất thiết phải đầy đủ, chính xác và trọn vẹn tất cả;... mà cần tổ chức tìm hiểu bài học sao cho nhẹ nhàng, vui vẻ, gây được ấn tượng về môn học; tạo hứng thú cho HS.

II. KIẾN THỨC NGŨ VĂN

Bài Mở đầu chưa cần đề cập đến kiến thức ngữ văn nào nên GV chưa cần yêu cầu HS lưu ý gì về các kiến thức tiếng Việt hay văn học, chỉ tập trung vào các yêu cầu đã nêu.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY BÀI MỞ ĐẦU (trọng tâm)

1. Lưu ý

– Cách trình bày của *Bài Mở đầu* khác các bài học khác ở chỗ, sau một hoặc một số phần nội dung, sách nêu lên các câu hỏi, bài tập. Toàn bộ bài học nêu lên sâu cùm bài tập. HS làm các bài tập ấy sẽ nắm được yêu cầu và đạt được mục tiêu của bài học. Chính vì thế, GV cần nhắc nhở HS đọc và tìm hiểu bài tập ở nhà trước. Trong trường hợp HS chưa đọc và chưa chuẩn bị làm các bài tập này thì GV tổ chức cho HS thực hiện trên lớp luôn. *Bài Mở đầu* được thực hiện trong 4 tiết (1 tuần) nhưng không nhất thiết phải dạy cả 4 tiết (có thể chỉ 2 tiết). Việc phân chia thời gian và nội dung dạy học cần linh hoạt, nhưng nếu 4 tiết, có thể phân bổ như sau:

Tiết	Nội dung
1	Tìm hiểu chung về hình thức, bố cục và các nội dung lớn của cuốn sách
2	Đọc hiểu văn bản văn học: truyện, thơ, kí
3	Đọc hiểu văn bản nghị luận, văn bản thông tin và thực hành tiếng Việt
4	Học viết, nói – nghe và tìm hiểu cấu trúc bài học

– Dù ở trên đã nêu hướng phân bổ thời lượng nhưng GV tùy vào bối cảnh và điều kiện cụ thể để thực hiện một cách linh hoạt. Ví dụ, nếu đối tượng HS khá giỏi, việc tìm hiểu các nội dung bài học có thể nhanh hơn (chỉ cần 2 tiết; thậm chí, GV có thể yêu cầu HS đọc ở nhà bài học này nhưng cần để thời gian 1 – 2 tiết để kiểm tra việc đọc ở nhà của HS). Số thời gian thừa ra của *Bài Mở đầu*, GV có thể chuyển sang Bài 1 hoặc dành cho các bài có nhiều nội dung hơn, nhất là việc thực hành đọc hiểu và luyện viết.

– Về phương pháp: GV tiến hành dạy *Bài Mở đầu* hoàn toàn như dạy đọc hiểu một văn bản thông tin, nhằm giúp HS nắm được các nội dung và cấu trúc của cuốn sách *Ngữ văn 7* trước khi đi vào học các bài cụ thể.

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

Tiết 1: Tìm hiểu chung về hình thức, bố cục và các nội dung của cuốn sách

Với tiết mở đầu, GV giúp HS có cái nhìn bao quát chung về cuốn sách và bài học này; nên cần tập trung vào các nội dung sau:

Nội dung 1: Giới thiệu ý nghĩa của việc tìm hiểu, làm quen với sách *Ngữ văn 7*. Tức là trả lời câu hỏi: Sách *Ngữ văn 7* có hình thức và bố cục như thế nào? Tại sao HS phải làm quen với sách này? Làm quen sẽ có tác dụng gì cho việc học tập?

Trước hết, GV yêu cầu HS quan sát toàn bộ cuốn sách từ bìa, đến *Lời nói đầu*, sau đó, lướt nhanh các bài học bên trong và xem phần cuối sách, nhất là *Mục lục*. Ví dụ, GV có thể cho HS tìm hiểu ý nghĩa của tranh vẽ trên bìa. Bìa sách *Ngữ văn 7*, tập một vẽ minh hoạ hình ảnh rừng U Minh với hai nhân vật (ông Hai bán rần và cậu bé An) trong tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi. Bìa tập hai minh hoạ hình ảnh mẹ và con trong bài thơ *Mây và sóng* nổi tiếng của Ta-go. Như thế, bìa sách *Ngữ văn 7* vừa có minh hoạ cho tác phẩm văn xuôi, vừa có minh hoạ cho tác phẩm thơ, vừa có văn học Việt Nam, vừa có văn học nước ngoài; tập một tập trung vào nhân vật nam, tập hai tập trung vào nhân vật nữ (để bảo đảm tính bình đẳng giới ngay cả trong minh hoạ).

Nội dung 2: Yêu cầu HS quan sát nhanh *Bài Mở đầu* và xác định bài học có những đề mục lớn, nhỏ nào. Từ bố cục ấy, yêu cầu HS nhận xét bài học này sẽ cung cấp cho người học những nội dung lớn nào. HS có thể trả lời đầy đủ hoặc không, nhưng sau tiết này, cần nhận biết được bài học có một số nội dung lớn sau:

I. Nội dung sách *Ngữ văn 7*

1. Học đọc

1.1. Đọc hiểu văn bản văn học

- Đọc hiểu văn bản truyện
- Đọc hiểu văn bản thơ
- Đọc hiểu văn bản kí

1.2. Đọc hiểu văn bản nghị luận

1.3. Đọc hiểu văn bản thông tin

1.4. Thực hành tiếng Việt

2. Học viết

3. Học nói và nghe

II. Cấu trúc của sách *Ngữ văn 7*

Giới thiệu cấu trúc mỗi bài học trong sách *Ngữ văn 7*

Như thế, công việc của GV là cần hình dung và chia nội dung các tiết cho phù hợp. Xem xét, nghiên cứu kĩ các bài tập nêu trong *Bài Mở đầu*, sau đó, phân bổ nội dung cho 4 tiết học. Định hướng chung cho bài học này là giúp HS làm quen với sách *Ngữ văn 7*, chưa cần đi sâu và tìm hiểu kĩ về nội dung các bài học.

Tiết 2: Đọc hiểu văn bản văn học

a) Lưu ý chung: GV có thể tổ chức tiết học theo hướng sau:

- Bước 1: cho HS đọc, tìm hiểu từng phần và dừng lại trước mục bài tập.

– Bước 2: tổ chức cho HS làm bài tập theo hướng: nếu mục nào bài tập nêu nhiều câu, nhiều yêu cầu thì chia nhóm để có nhiều thời gian, nhằm giải quyết hết các câu hỏi trong bài tập ấy.

– Bước 3: cho HS trao đổi và chốt lại các nội dung thông tin trong phần, mục ấy.

Các tiết tiếp theo làm tương tự cách làm ở tiết này. Tuy nhiên, GV cần lưu ý HS đọc *Bài Mở đầu* và làm bài tập trước ở nhà để trên lớp có nhiều thời gian trao đổi hơn.

b) Với tiết hướng dẫn đọc hiểu văn bản văn học: GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu từ phần *Học đọc*, bắt đầu từ *Đọc hiểu văn bản truyện* đến hết *Đọc hiểu văn bản kí*. Cả ba thể loại đều đã học ở lớp 6, vì thế các khái niệm về truyện, thơ, kí, sách không cần cấp lại mà chỉ tập trung vào nội dung chính của các văn bản được học trong sách *Ngữ văn 7*.

Nội dung chính của phần này tập trung vào bài tập nêu ở cuối mục 3. *Đọc hiểu văn bản kí: Sách “Ngữ văn 7” hướng dẫn em đọc hiểu văn bản văn học thuộc những thể loại nào chưa được học ở lớp 6? Với nội dung chính của mỗi văn bản đã nêu trong các mục đọc hiểu truyện, thơ và kí, em thấy văn bản nào hấp dẫn với mình? Vì sao?*

Như thế, ở câu hỏi này có hai nội dung lớn cần làm rõ: i) Lớp 7 học văn bản văn học thuộc những thể loại nào và thể loại nào mới so với lớp 6?; ii) Từ nội dung chính của các văn bản nêu trong mỗi thể loại, xác định văn bản em thấy hấp dẫn nhất và giải thích lí do.

Để làm rõ nội dung thứ nhất (i), GV có thể nêu vấn đề các thể loại lớn *truyện, thơ, kí* đều đã học ở lớp 6, nhưng lên lớp 7, các tiểu loại trong những thể loại lớn ấy là khác biệt. GV yêu cầu HS liên hệ với các thể loại này đã học ở lớp 6 để nhận biết sự khác biệt của các thể loại nhỏ trong mỗi thể loại lớn được học ở hai lớp khác nhau. Cụ thể, có thể nêu lên bảng so sánh sau:

<i>Ngữ văn 6</i>	<i>Ngữ văn 7</i>
<i>Truyện:</i> – Truyền thuyết và cổ tích – Truyện đồng thoại – Truyện ngắn	<i>Truyện:</i> – Tiểu thuyết và truyện ngắn – Truyện khoa học viễn tưởng – Truyện ngụ ngôn
<i>Thơ:</i> – Thơ lục bát – Thơ có yếu tố tự sự, miêu tả	<i>Thơ:</i> – Thơ bốn chữ, năm chữ – Thơ (tự do)

Kí:	Kí:
– Hồi kí	– Tùy bút
– Du kí	– Tản văn

GV có thể cho HS điền các văn bản – tác phẩm cụ thể của mỗi thể loại nhỏ đã học ở lớp 6 vào bảng. Ví dụ: Truyện đồng thoại có *Dế Mèn phiêu lưu kí* (Tô Hoài); Thơ lục bát có *Về thăm mẹ* (Đinh Nam Khương); Hồi kí có *Trong lòng mẹ* (Nguyễn Hồng);...

Nội dung thứ hai là: “Với nội dung chính của mỗi văn bản đã nêu trong các mục đọc hiểu truyện, thơ và kí, em thấy văn bản nào hấp dẫn với mình? Vì sao?”. Cần hiểu các nội dung chính ở đây chỉ là thông tin tóm tắt về các văn bản mà sách đã nêu lên. Ví dụ, nội dung chính của văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng* (trích tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam*) của nhà văn Đoàn Giỏi là *kể về một nhân vật đặc sắc – Võ Tòng*. Hoặc nội dung chính của truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* là *kể về một con ếch đã kém hiểu biết lại tự kiêu, tự phụ*. Nội dung chính trong bài thơ *Mẹ* của Đỗ Trung Lai là *thể hiện những xúc động, băng khuâng khi tác giả nghĩ về người mẹ*,... Nghĩa là các nội dung chính của mỗi văn bản trong mỗi thể loại đã được nêu lên trong SGK. HS chỉ cần tìm hiểu các nội dung ấy. Từ đó, HS nêu ra văn bản mà mình cảm thấy hấp dẫn nhất và giải thích vì sao lại thích văn bản đó.

Về cách tổ chức tiết học này, nếu HS chưa làm ở nhà, GV có thể chia thành ba nhóm. Mỗi nhóm tìm hiểu một thể loại mà câu hỏi đã nêu:

– Nhóm 1: Sách *Ngữ văn 7* hướng dẫn em đọc hiểu những thể loại truyện nào chưa học ở lớp 6? Em thấy văn bản truyện nào hấp dẫn nhất với mình? Vì sao? Nhận xét khái quát chung về đề tài, chủ đề của cả nhóm bài thể loại truyện.

– Nhóm 2: Sách *Ngữ văn 7* hướng dẫn em đọc hiểu những thể loại thơ nào chưa học ở lớp 6? Em thấy văn bản thơ nào hấp dẫn nhất với mình? Vì sao? Nhận xét khái quát chung về đề tài, chủ đề của cả nhóm bài thể loại thơ.

– Nhóm 3: Sách *Ngữ văn 7* hướng dẫn em đọc hiểu những thể loại kí nào chưa học ở lớp 6? Em thấy văn bản kí nào hấp dẫn nhất với mình? Vì sao? Nhận xét khái quát chung về đề tài, chủ đề của cả nhóm bài thể loại kí.

Nhiệm vụ của mỗi nhóm: chỉ ra các thể loại được học trong sách *Ngữ văn 7* không khó; nhưng các em cần dựa vào nội dung chính của mỗi văn bản trong mỗi thể loại, nêu lên quan điểm cá nhân của mình và nhất là nêu nhận xét về đề tài, chủ đề chung cho cả cụm bài theo thể loại. GV cần cho HS tìm hiểu thật kĩ phần nội dung trong mỗi thể loại mới rút ra được câu trả lời.

Ví dụ, nội dung đọc thơ trong sách *Ngữ văn 7*, GV hướng dẫn để HS tìm và rút ra được chủ đề chính của các bài thơ là:

– Tình cảm gia đình sâu nặng giữa cha mẹ và con cái, tình bà cháu,... là thiêng liêng, quý giá nhất, không có gì đánh đổi được (qua các bài thơ *Mẹ, Tiếng gà trưa, Mây và sóng, Những cánh buồm, Mẹ và quả, Một mình trong mưa, Rồi ngày mai con đi*).

– Ngoài nội dung đề tài, chủ đề chính nêu trên, còn có bài thơ viết về tâm trạng đầy buồn bã, xót xa, thảng thốt của cả một thế hệ nhà nho sắp bị quên lãng hồi đầu thế kỉ XX như bài *Ông đồ* của Vũ Đình Liên.

GV cần cho HS chỉ ra mỗi chủ đề được thể hiện qua các văn bản nào trong SGK. Tương tự như thế, yêu cầu HS tìm hiểu mục đọc truyện và đọc kĩ.

Tuỳ vào thời gian, GV có thể yêu cầu HS liên hệ với một tác phẩm đã học hoặc đã đọc ở các lớp dưới để chỉ ra một số nội dung đề tài, chủ đề giống nhau, như tình mẫu tử sâu nặng là một chủ đề đã học rất đậm nét ở *Ngữ văn 6* với các văn bản như: *Về thăm mẹ* (Đinh Nam Khương), *A ơi tay mẹ* (Bình Nguyên), Ca dao về tình cảm gia đình, *Trong lòng mẹ* (Nguyễn Hồng),...

Tiết 3: Đọc hiểu văn bản nghị luận, văn bản thông tin và thực hành tiếng Việt

Các bước tổ chức tiết học, thực hiện như đã nêu ở trên. GV cho HS đọc và tìm hiểu các câu hỏi. Khi đọc, lưu ý HS văn bản nghị luận và văn bản thông tin đã được học ở lớp 6, vì thế, ở đây chỉ tập trung tìm hiểu nội dung chính của các văn bản nghị luận và văn bản thông tin trong *Ngữ văn 7* là những gì.

Phần câu hỏi chung của hai mục này có các yêu cầu: Nêu đặc điểm nổi bật của các văn bản nghị luận và văn bản thông tin trong sách *Ngữ văn 7*. Điểm giống nhau của các văn bản nghị luận và điểm khác biệt giữa các văn bản thông tin trong SGK *Ngữ văn 7* và *Ngữ văn 6* là gì?

Cách tiến hành tổ chức cho HS thực hiện bài tập này cũng giống như ở tiết dạy đọc hiểu văn bản văn học (truyện, thơ, kí). GV có thể yêu cầu HS tóm tắt các mục trong mỗi loại văn bản bằng một sơ đồ. Nội dung, chủ đề chính của mỗi loại văn bản cũng đã nêu rõ trong bài học. Cũng có thể lập bảng so sánh nội dung và kiểu văn bản của hai loại này như tiết dạy đọc hiểu văn bản văn học.

Kiểu văn bản	<i>Ngữ văn 6</i>	<i>Ngữ văn 7</i>
Văn bản nghị luận	– Nghị luận văn học: vẻ đẹp của tác phẩm văn học. – Nghị luận xã hội: đề tài cây xanh, nước sạch, vật nuôi,...	– Nghị luận văn học: vẻ đẹp của tác phẩm văn học – Nghị luận xã hội: đề tài lòng yêu nước và đức tính giản dị.

Văn bản thông tin	– Văn bản thuật lại một sự kiện theo trật tự thời gian. – Văn bản thuật lại một sự kiện theo quan hệ nguyên nhân – kết quả.	– Văn bản giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi. – Văn bản triển khai ý tưởng và thông tin; có tài liệu tham khảo,...
-------------------	--	---

* Hướng dẫn dạy phần *Thực hành tiếng Việt*

Phần *Thực hành tiếng Việt* cần làm rõ hai câu hỏi:

a) Bốn nội dung lớn về tiếng Việt trong sách “Ngữ văn 7” là gì? Mỗi nội dung lớn có các nội dung cụ thể nào?

b) Hệ thống bài tập tiếng Việt trong sách “Ngữ văn 7” có những loại cơ bản nào?

GV cho HS đọc và tìm hiểu từng câu hỏi. Trong mỗi nội dung, GV có thể chọn một vài hiện tượng và đơn vị tiếng Việt, yêu cầu HS liên hệ với những gì đã học ở *Ngữ văn 6* để minh họa và nêu lên những gì HS đã biết về hiện tượng và đơn vị ấy.

Hai câu hỏi của phần này không khó, GV hướng dẫn để HS biết tìm thông tin trong bài học và trả lời:

Nội dung câu hỏi a) đã được nêu rõ trong bảng bốn nội dung lớn học về tiếng Việt. Nội dung câu hỏi b) đã nêu rõ ở phần các loại bài tập tiếng Việt:

- Bài tập nhận biết các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt.
- Bài tập phân tích tác dụng của các hiện tượng và đơn vị tiếng Việt.
- Bài tập tạo lập đơn vị tiếng Việt.

GV nhắc nhở HS:

– Khi làm bài tập trong phần *Thực hành tiếng Việt* ở các bài học lớn, cần dựa vào những lưu ý về đơn vị kiến thức tiếng Việt được nêu trong phần *Kiến thức ngữ văn* ở đầu mỗi bài học để có hướng làm bài và hệ thống lại những hiểu biết của mình sau khi làm bài tập.

– Thực hành vận dụng kiến thức tiếng Việt trong các tiết đọc hiểu, viết, nói và nghe cũng như trong tiết học các môn học khác, trong sinh hoạt và giao tiếp với nhiều hình thức khác nhau.

Tiết 4: Dạy viết, nói – nghe và tìm hiểu cấu trúc sách

(1) Hướng dẫn dạy phần Học viết

Cách dạy phần này cũng giống như các phần trên. GV cho HS đọc, tìm hiểu nội dung từng mục, sau đó trả lời câu hỏi nêu cuối phần II. *Học viết*.

a) Sách “Ngữ văn 7” rèn luyện cho các em viết những kiểu văn bản nào? Nội dung cụ thể của mỗi kiểu văn bản là gì?

b) Những yêu cầu về quy trình và kiểu văn bản nào tiếp tục được rèn luyện ở lớp 7?

Hai câu hỏi đều không khó, chỉ cần HS tìm, quan sát trong mỗi mục là có thể trả lời được. Ví dụ với câu hỏi:

a) Sách “Ngữ văn 7” rèn luyện cho các em viết những kiểu văn bản nào? Nội dung cụ thể của mỗi kiểu văn bản là gì?

Nội dung này đã được bài học nêu lên rất rõ trong bảng hai cột (SGK *Ngữ văn 7*, tập một, trang 10); các kiểu văn bản nêu ở cột bên trái. Nội dung cụ thể của mỗi kiểu văn bản đã nêu ở cột bên phải của bảng. GV lưu ý HS đọc mục nội dung cụ thể (ở cột bên phải) gắn với mỗi kiểu văn bản tương ứng (ở cột bên trái).

Tuy SGK *Ngữ văn 7* không nêu lên mối quan hệ giữa các kiểu văn bản luyện viết và các loại văn bản trong đọc hiểu, nhưng GV cần cho HS tìm hiểu về mối quan hệ giữa hai kiểu văn bản (tự sự, biểu cảm) tương ứng với loại văn bản văn học (truyện, thơ, kí,...); nghĩa là văn bản văn học thường vận dụng các phương thức tự sự, miêu tả và biểu cảm. HS cần vận dụng những hiểu biết này vào đọc hiểu cũng như khi viết bài.

b) Những yêu cầu về quy trình và kiểu văn bản nào tiếp tục được rèn luyện ở lớp 7?

GV yêu cầu HS đọc kĩ lại phần *Học viết*, từ đó, liên hệ với những gì mình đã học ở lớp 6 để xác định quy trình và kiểu văn bản nào tiếp tục được rèn luyện ở sách *Ngữ văn 7*.

(2) Hướng dẫn dạy phần Học nói và nghe

Cách dạy tiến hành giống như dạy phần kĩ năng viết đã trình bày ở trên. GV hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu để nắm được các nội dung chính của mỗi mục. Sau đó làm bài tập bằng cách trả lời các câu hỏi ở cuối phần *III. Học nói và nghe*:

a) Các nội dung rèn luyện kĩ năng nói và nghe là gì?

b) So với các yêu cầu cụ thể về kĩ năng nói và nghe, em còn những hạn chế nào?

Cả hai câu hỏi này đều không khó, đều đã nêu rõ ở bài học. Tuy nhiên, câu a), GV cần giải thích cho HS *nói nghe tương tác* là thế nào; làm rõ các hành động nói và nghe có thể độc lập (một mình nói và một mình nghe); còn *nói nghe tương tác* là giao tiếp có đi có lại, trao đổi bằng các lượt lời như thảo luận, tranh luận, trao đổi ý kiến,...; câu b) yêu cầu liên hệ với bản thân để chỉ ra các yêu cầu đã học và rút kinh nghiệm về các yêu cầu em còn hạn chế.

(3) Hướng dẫn dạy phần Cấu trúc của sách “Ngữ văn 7”

Phần này đã được trình bày bằng bảng trong bài học, nêu rõ các phần lớn của mỗi bài học trong sách *Ngữ văn 7*. Vì thế, GV chỉ cần cho HS quan sát và trả lời câu hỏi đã nêu trong bài tập:

a) Mỗi bài học trong sách “Ngữ văn 7” có những phần chính nào? Nhiệm vụ mà các em cần làm ở lớp và ở nhà là gì?

b) Theo em, tại sao cần biết cấu trúc sách trước khi học?

GV cần để HS trao đổi và phát biểu theo nhận thức của mỗi HS; thực chất là phân tích tác dụng của việc nắm vững cấu trúc bài học.

Với các HS khá, giỏi, GV có thể nêu thêm yêu cầu: Đọc toàn bộ *Bài Mở đầu* để nắm được các nội dung lớn của bài học; sau đó, trình bày các nội dung ấy bằng một biểu đồ hoặc sơ đồ tư duy. Bài tập này có thể giao cho HS làm ở nhà.

Bài 1

TIỂU THUYẾT VÀ TRUYỆN NGẮN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

– Yêu cầu cần đạt chính là mục tiêu bài học. Nội dung này HS đọc ở nhà. Tuy nhiên, đây là đích cần đạt của bài học nên GV cần hiểu rõ để hiện thực hoá các nội dung của mục tiêu vào các hoạt động dạy học; đồng thời, nhắc nhở HS chú ý trong và sau khi học xong cả bài học lớn. Yêu cầu cần đạt thường hướng tới mục tiêu chung của cả môn học là phát triển năng lực đặc thù của môn Ngữ văn và góp phần phát triển các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung.

– Tuy phần *Yêu cầu cần đạt* trong mỗi bài học của SGK không nói rõ từng năng lực và phẩm chất nhưng các nội dung đều hướng tới năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học (đọc, viết, nói và nghe; trong trường hợp nội dung viết và nghe – nói giống nhau thì chỉ nêu thành một yêu cầu). Yêu cầu nêu cuối phần này ở mỗi bài học thường hướng tới phẩm chất và năng lực chung. Dưới đây là sự cụ thể hoá, diễn giải để hiểu rõ hơn về các yêu cầu cần đạt.

1. Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học

– Nêu được ấn tượng chung về các văn bản đọc hiểu; nhận biết được một số yếu tố hình thức (bối cảnh, nhân vật, ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể, ngôn ngữ vùng miền,...) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của văn bản.

– Nhận biết được từ ngữ địa phương và những nét đặc sắc của ngôn ngữ vùng miền trong các văn bản đã học.

- Viết được bài văn kể về sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

2. Góp phần phát triển phẩm chất và năng lực chung

Có tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và ý thức về trách nhiệm công dân đối với đất nước; có tình yêu thương con người, biết chia sẻ, cảm thông với người khác và những cảnh ngộ éo le trong cuộc sống.

II. KIẾN THỨC NGŨ VĂN

Bài học cung cấp cho HS bốn kiến thức ngữ văn chính về *tiểu thuyết và truyện ngắn; tính cách nhân vật, bối cảnh; tác dụng của việc thay đổi ngôi kể; ngôn ngữ các vùng miền*.

– Với *tiểu thuyết và truyện ngắn*, HS cần nắm được:

+ Tiểu thuyết là tác phẩm văn xuôi cỡ lớn, có nội dung phong phú, cốt truyện phức tạp; phản ánh nhiều sự kiện, cảnh ngộ; thường miêu tả nhiều tuyến nhân vật, nhiều quan hệ chông chéo với những diễn biến tâm lý phức tạp, đa dạng. Trong nhà trường phổ thông, HS chỉ đọc hiểu các đoạn trích từ tiểu thuyết.

+ Truyện ngắn là khái niệm các em đã được học ở SGK *Ngữ văn 6*, tập hai.

– Với *tính cách nhân vật, bối cảnh*, HS cần nắm được:

+ Tính cách nhân vật trong truyện (tiểu thuyết và truyện ngắn) thường được thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ của chính nhân vật; qua nhận xét của người kể chuyện và các nhân vật khác;... Ví dụ: Nhân vật Võ Tòng trong văn bản *Người dân ông cô độc giữa rừng* (trích tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam* – Đoàn Giỏi) không chỉ được mô tả, thể hiện qua ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, suy nghĩ của nhân vật này mà còn được hiện lên qua lời của người kể chuyện xưng “tôi” và lời của các nhân vật khác trong truyện.

+ Bối cảnh trong truyện thường chỉ hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử nói chung (bối cảnh lịch sử); thời gian và địa điểm, quang cảnh cụ thể xảy ra câu chuyện (bối cảnh riêng);... Ví dụ: Bối cảnh lịch sử của câu chuyện *Buổi học cuối cùng* (Đô-đê) là thời kì sau chiến tranh Pháp – Phổ (1870 – 1871), hai vùng An-dát và Lo-ren của Pháp bị nhập vào nước Phổ. Các trường học thuộc hai vùng này phải bỏ tiếng Pháp, chuyển sang học tiếng Đức. Bối cảnh riêng của câu chuyện là quang cảnh và diễn biến của buổi học tiếng Pháp cuối cùng.

– Với *tác dụng của việc thay đổi ngôi kể*, HS cần nắm được:

Trong truyện, ngôi kể có thể thay đổi để nội dung phong phú hơn và cách kể linh hoạt hơn. Ví dụ: Phần mở đầu đoạn trích *Người dân ông cô độc giữa rừng* được kể theo lời cậu bé An (ngôi thứ nhất, xưng “tôi”), kể về những gì cậu bé đã

chứng kiến khi gặp chú Võ Tòng ở căn lều giữa rừng U Minh. Nhưng khi muốn nói về cuộc đời trước đây của Võ Tòng thì tác giả không thể kể theo lời câu bé An được nữa mà phải chuyển sang kể theo ngôi thứ ba, bắt đầu bằng câu: “Không ai biết tên thật của gã là gì.”. Đến phần cuối đoạn trích, tác giả lại chuyển về kể theo ngôi thứ nhất: “Chú Võ Tòng vẫn ngồi đó, đối diện với tia nuôi tôi, bên bếp lửa.”.

– Với ngôn ngữ các vùng miền, HS cần nắm được:

Tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia của Việt Nam, vừa có tính thống nhất cao, vừa có tính đa dạng. Tính đa dạng của tiếng Việt thể hiện chủ yếu ở các mặt ngữ âm và từ vựng:

+ Về mặt ngữ âm: Một từ ngữ có thể được phát âm không giống nhau ở các vùng miền khác nhau. Ví dụ, mặc dù cùng viết là *ra* nhưng người ở phần lớn các tỉnh miền Bắc phát âm giống như *da*, còn người miền Trung và miền Nam phát âm là *ra*; cùng viết là *vui* nhưng người miền Nam phát âm giống như *dui*, còn người miền Bắc và miền Trung phát âm là *vui*,...

+ Về mặt từ vựng: Các vùng miền khác nhau đều có những từ ngữ mang tính địa phương (từ ngữ địa phương). Ví dụ: *thầy, u* (từ dùng ở một số tỉnh miền Bắc); *bọ, mạ* (từ dùng ở một số tỉnh miền Trung, tiêu biểu là Quảng Bình); *tía, má* (từ dùng ở nhiều tỉnh miền Nam) được dùng để gọi *cha, mẹ*. Trong tác phẩm văn học, việc sử dụng một số từ ngữ địa phương phản ánh cách nói của nhân vật ở một địa phương nhất định; đồng thời, tạo sắc thái thân mật, gần gũi, phù hợp với bối cảnh mà tác phẩm miêu tả. Tuy nhiên, việc sử dụng từ ngữ địa phương cũng cần có chừng mực; nếu không, sẽ gây khó khăn cho người đọc và hạn chế sự phổ biến của tác phẩm.

GV không dạy các kiến thức ngữ văn này như một nội dung độc lập mà yêu cầu HS tự đọc và nhận diện chúng trong quá trình đọc văn bản. Khi cần vận dụng trực tiếp một kiến thức nào đó, GV sẽ gợi cho HS trở lại với nội dung kiến thức ấy và vận dụng nó vào việc đọc, viết hoặc nói, nghe.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẢN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (trọng tâm)

Văn bản 1

Người đàn ông cô độc giữa rừng

(Trích tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam*)

(ĐOÀN GIỚI)

1. Lưu ý

GV vận dụng phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản truyện ở lớp 6 để dạy các văn bản truyện trong CT và SGK *Ngữ văn 7*. Ngoài ra, cần bám sát vào đặc trưng

của các thể loại truyện được dạy ở lớp 7 và yêu cầu cần đạt của CT để hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản.

Văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng* trích từ chương X, tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam*. Đây là tác phẩm rất nổi tiếng của nhà văn Đoàn Giỏi. Trong CT và SGK 2006 cũng có học tác phẩm này với đoạn trích *Sông nước Cà Mau* (*Ngữ văn 6*, tập hai). Tuy nhiên, trích dẫn đoạn văn nói về sự hùng vĩ của sông Năm Căn đoạn đó ra biển là nhằm mục đích tích hợp với yêu cầu viết văn miêu tả ở đầu tập hai, lớp 6 theo CT 2006. Với CT 2018, *Đất rừng phương Nam* được học lại nhưng với yêu cầu đọc hiểu tác phẩm truyện. Cho nên, phải tập trung vào đoạn trích thể hiện rõ đặc điểm của truyện: nhân vật, sự kiện tiêu biểu để làm rõ tính cách nhân vật, bối cảnh, ngôi kể và sự chuyển đổi ngôi kể trong tác phẩm. Vì thế, chúng tôi đã chọn trích chương nói về nhân vật Võ Tòng – một nhân vật không thể không nhớ tới khi đọc tác phẩm này. Cũng qua nhân vật này để giáo dục lòng yêu nước, giúp HS hiểu đặc điểm tính cách con người Nam Bộ; để thấy đất rừng phương Nam đã sinh ra những con người như thế;...

Tên văn bản vốn nguyên là: *Trong lều người đàn ông cô độc giữa rừng*, nhưng khi đưa vào sách, chúng tôi chỉ lấy phần sau cho gọn hơn (*Người đàn ông cô độc giữa rừng*), tập trung vào nhân vật hơn, gây tò mò, hứng thú cho người đọc: Người đàn ông ấy là ai? Tại sao lại “cô độc giữa rừng”?... Một số chi tiết như: tương truyền Võ Tòng đã giết 20 con hổ và các chi tiết đặc tả căn lều chuyên treo các sản phẩm săn được của Võ Tòng cũng phải cắt bớt theo góp ý của Hội đồng quốc gia thẩm định vì tránh nói nhiều về bạo lực và để giáo dục ý thức bảo vệ động vật hoang dã.

Dạy bài này chủ yếu tập trung vào nhân vật Võ Tòng: đặc điểm, tính cách nhân vật tiêu biểu cho con người Nam Bộ; tức là chú ý vào phương diện con người Nam Bộ; cũng là để dạy cách viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật theo hướng tích hợp giữa đọc hiểu và viết.

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

Hoạt động 1. Khởi động

GV có thể tổ chức khởi động bài học bằng việc yêu cầu HS trao đổi, thảo luận nhóm về một trong số các vấn đề sau:

a) Nhân vật trong tác phẩm văn học nào khiến em yêu thích nhất? Nhân vật đó có tính cách như thế nào? Tính cách đó được thể hiện ở những khía cạnh nào?

b) Trong số những tác phẩm văn học mà em đã đọc, tác phẩm nào viết về một vùng đất xa lạ khiến em thích thú? Nêu tên tác phẩm và tác giả của tác phẩm đó. Trong tác phẩm, vùng đất được nói đến là vùng nào? Cảnh trí và con người ở đó có đặc điểm gì? Ngôn ngữ của tác phẩm có gì đặc sắc?

c) Em biết gì về vùng đất phương Nam của nước ta? Hãy giới thiệu ngắn gọn cho các bạn trong lớp cùng nghe.

Sau đó, GV có thể chiếu một video clip về vùng sông nước Cà Mau, rừng U Minh (lấy từ phim *Đất phương Nam*) để tạo không khí cho bài học.

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

– HS tìm hiểu và chia sẻ một số thông tin về nhà văn Đoàn Giỏi (tên khai sinh, bút danh, quê quán, năm sinh, các tác phẩm chính,...) và tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam* (thời điểm sáng tác, cốt truyện, nhân vật chính, giá trị của tác phẩm,...).

– GV hướng dẫn HS đọc văn bản, chia sẻ ấn tượng ban đầu về văn bản, xác định những từ ngữ mới hoặc từ ngữ mang màu sắc địa phương, các hình ảnh chưa hiểu hoặc các câu hỏi trong khi đọc chưa thực hiện được.

– GV cho HS xem lại những điểm cần chú ý khi đọc truyện để vận dụng vào đọc văn bản.

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

Sau khi HS đã đọc văn bản, GV linh hoạt hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi / thực hiện các nhiệm vụ trong SGK để tìm hiểu văn bản cả về nội dung và hình thức theo đặc trưng của văn bản. Dưới đây là hệ thống câu hỏi trong SGK và các nội dung cần lưu ý. GV lựa chọn, kết hợp bổ sung các câu hỏi khác nếu thấy cần thiết và phù hợp với đối tượng HS.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Văn bản <i>Người đàn ông cô độc giữa rừng</i> kể về việc gì? Đoạn trích có những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính? Nhan đề văn bản gợi cho em những suy nghĩ gì?	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp để trả lời. – Gợi ý: + Văn bản kể về cuộc gặp gỡ giữa An và tia nuôi với chú Võ Tòng ở căn lều của chú giữa rừng U Minh. + Đoạn trích có các nhân vật: An, tia nuôi của An, chú Võ Tòng. Trong đó, chú Võ Tòng là nhân vật chính. + HS nêu suy nghĩ gợi ra từ nhan đề của văn bản. Gợi ý: Nhan đề văn bản gợi lên hình ảnh chú Võ Tòng – người đàn ông sống một mình trơ trọi giữa rừng.

Câu 2. Đặc điểm tính cách nhân vật Võ Tòng được nhà văn thể hiện trên những phương diện nào? Hãy vẽ hoặc miêu tả bằng lời về nhân vật Võ Tòng theo hình dung của em.	– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm để trả lời. – Gợi ý: Nhân vật Võ Tòng hiện lên qua lời kể của nhân vật chú bé An, qua lời nhận xét của má nuôi An và qua các lời nói, hành động, cử chỉ của chính mình. Đặc điểm tính cách của nhân vật được thể hiện trực tiếp qua các phương diện sau: + Ngoại hình (ở đoạn “Chú cời trần ... nữa chứ!” và hàng sẹo chạy từ thái dương xuống cổ): thể hiện sự phong trần, “ki hình dị tướng”. + Lời nói: với An – thể hiện sự thân mật, suồng sã; với tia nuôi của An – thể hiện sự thân tình nhưng vẫn giữ được sự lễ độ. + Hành động: trước khi đi tù (hiền lành, yêu thương vợ, cương trực, khẳng khái), sau khi đi tù về và ở trong rừng (giỏi võ, mạnh mẽ, đứng cam; chất phác, thật thà, tốt bụng; căm thù giặc Pháp và lũ hèn nhát, đốn mạt). + Ngoài ra, tính cách nhân vật còn được thể hiện gián tiếp qua các phương diện: nơi ở và cách bài trí trong ngôi nhà, thói quen trong sinh hoạt,... Nhìn chung, Võ Tòng là người cương trực, đứng cam, hào hiệp.
Câu 3. Nêu tác dụng của việc kết hợp giữa lời kể theo ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) với lời kể theo ngôi thứ ba trong việc khắc họa nhân vật Võ Tòng.	– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm để trả lời. – Gợi ý: Xem lại mục 3. <i>Tác dụng của việc thay đổi ngôi kể ở phần Kiến thức ngữ văn</i>. Việc kết hợp giữa lời kể theo ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) với lời kể theo ngôi thứ ba không chỉ làm cho việc kể chuyện được linh hoạt hơn mà còn giúp cho việc khắc họa chân dung, tính cách nhân vật Võ Tòng được khách quan, chân thực hơn ở nhiều góc nhìn khác nhau (cả trực tiếp và gián tiếp).
Câu 4. Hãy nêu một số yếu tố (ngôn ngữ, phong cảnh, tính cách con người, nếp sinh hoạt,...) trong văn bản để thấy tiểu thuyết của Đoàn Giỏi mang đậm màu sắc Nam Bộ.	– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm để trả lời. – Gợi ý: Một số yếu tố mang đậm màu sắc Nam Bộ trong văn bản:

	+ Ngôn ngữ: dùng các đại từ xưng hô như <i>tia, má, anh Hai, chị Hai, bà</i>, cách nói khiêm tốn, thân mật của người Nam Bộ: <i>nhai bậy</i>; các từ ngữ chỉ vật: <i>heo, bếp cà ràng, xuống, mứt măng, khám, giãnm,...</i> + Phong cảnh: cây tràm, rừng nhiều hổ. + Tính cách con người: <i>chất phác, thật thà, can trường, gan dạ</i>. + Nếp sinh hoạt: xuống buộc lên một gốc cây tràm, nấu bằng bếp cà ràng, uống rượu với khô nường,...
Câu 5. Qua đoạn trích, em hiểu thêm được gì về con người của vùng đất phương Nam? Hãy nêu một chi tiết mà em thích nhất và lí giải vì sao.	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời. – HS tự làm.
Câu 6. Viết một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) nêu lên những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản <i>Người đàn ông cô độc giữa rừng</i> .	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời. – Gợi ý: + Đặc sắc về nội dung: khắc hoạ nhân vật Võ Tòng với tính cách cương trực, dũng cảm, hào hiệp. + Đặc sắc về nghệ thuật: phối hợp hai loại ngôi kể, sử dụng ngôn ngữ mang màu sắc Nam Bộ.

Hoạt động 4. Tổng kết

Sau khi hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi / thực hiện các nhiệm vụ ở *Hoạt động 3*, GV yêu cầu HS nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và hình thức theo nhận thức của HS bằng cách đặt câu hỏi hoặc nêu yêu cầu cho HS trả lời:

- Em hãy khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích.
- Điều gì ở nhân vật chú Võ Tòng khiến em thích nhất? Vì sao? Trong đời sống, em có gặp người nào có nét tương đồng như vậy không? Hãy giới thiệu ngắn gọn về người đó.

Sau đó, GV nhắc lại những lưu ý về cách đọc văn bản mà HS cần chú ý (như đã nêu ở mục *Chuẩn bị*).

Cuối cùng, GV yêu cầu HS chuẩn bị bài tiếp theo: đọc trước ở nhà văn bản *Buổi học cuối cùng* (Đô-đê) và thực hiện các nhiệm vụ nêu ở mục *Chuẩn bị*, trong và sau khi đọc văn bản.

Buổi học cuối cùng

(Chuyện kể của một em bé người An-dát)

(AN-PHÔNG-XƠ ĐÔ-ĐẾ)

1. Lưu ý

Xem lại mục *Lưu ý* khi dạy đọc hiểu văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng* (trích tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam* của nhà văn Đoàn Giỏi) ở trên và dựa vào đặc trưng của truyện để hướng dẫn HS đọc hiểu đoạn trích này.

Truyện *Buổi học cuối cùng* được nhà văn người Pháp An-phông-xơ Đô-đê viết từ thế kỉ XIX. Câu chuyện kể về buổi học bằng tiếng Pháp cuối cùng của một lớp học ở trường tiểu học trong một làng quê thuộc vùng An-dát, sau khi vùng này đã bị cắt về cho nước Phổ (vì Pháp thua trận trong cuộc chiến tranh Pháp – Phổ năm 1870 – 1871). Việc dạy và học bằng tiếng Pháp trong nhà trường các cấp ở nước Pháp vốn là việc hết sức bình thường, tự nhiên như việc dạy và học tiếng mẹ đẻ ở bất kì quốc gia nào. Nhưng điều không bình thường là: Đây là buổi học cuối cùng mà thầy, trò ở ngôi trường đó được dạy và học bằng tiếng Pháp – tiếng mẹ đẻ của họ. Sau buổi học đó, các trường học ở vùng này đều phải dạy bằng tiếng Đức – ngôn ngữ của kẻ chiếm đóng. Trong tình huống và thời điểm đặc biệt ấy, mỗi người có mặt trong lớp học, từ thầy giáo Ha-men đến các học trò khác và những người dân hay những cụ già đến dự buổi học này đều cảm thấy ý nghĩa đặc biệt của nó. Họ đều thấm thía điều hết sức quan trọng và thiêng liêng là phải biết yêu quý, trau dồi và gìn giữ tiếng Pháp – ngôn ngữ của dân tộc mình. Điều đó càng đặc biệt có ý nghĩa khi mà quê hương của họ đang bị kẻ khác chiếm đóng và có ý đồ “đồng hoá”, trước hết là đồng hoá bằng ngôn ngữ. Lòng yêu nước, tình cảm dân tộc ở đây đã được thể hiện cụ thể trong tình yêu và sự quý trọng tiếng nói của dân tộc mình.

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

GV tổ chức các hoạt động tương tự như đọc hiểu văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng* đã học.

Hoạt động 1. Khởi động

GV có thể tổ chức khởi động theo một số gợi ý dưới đây:

– Yêu cầu HS làm việc nhóm, trao đổi, thảo luận về ý nghĩa của việc gìn giữ ngôn ngữ dân tộc hoặc giải thích vì sao phải quý trọng tiếng nói của dân tộc mình.

– Yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ sau: Đọc thông tin về bối cảnh của truyện đã nêu trong mục *Chuẩn bị* (SGK *Ngữ văn 7*, tập một, trang 21), sau đó, hãy đóng vai một học sinh người Pháp sống vào thời điểm đó, nêu cảm nghĩ của mình về việc phải “bỏ tiếng Pháp, chuyển sang học tiếng Đức”.

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

Xem lại cách tổ chức hoạt động này đối với văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng* và thực hiện tương tự.

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

Xem lại cách tổ chức hoạt động này đối với văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng* và thực hiện tương tự.

Dưới đây là một số gợi ý về cách tổ chức cho HS trả lời câu hỏi / thực hiện nhiệm vụ.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Em hiểu thế nào về nhan đề <i>Buổi học cuối cùng</i> ? Người kể lại câu chuyện là ai? Chỉ ra tác dụng của ngôi kể này.	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời. – Về nhan đề: HS dựa vào thông tin về bối cảnh của truyện đã nêu trong mục <i>Chuẩn bị</i> để trả lời câu hỏi này. – Người kể lại câu chuyện xưng “tôi”, đó là chú bé Phrăng – một học sinh trong lớp học của thầy Ha-men. Phrăng vừa là người kể chuyện, vừa là nhân vật tham gia vào câu chuyện. Tác dụng của ngôi kể: giúp cho Phrăng vừa kể vừa bộc lộ được những thái độ, suy nghĩ, cảm xúc của mình về quang cảnh ngoài đường, trong trường và những sự việc xảy ra trong lớp học; góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm. Tư tưởng ấy đã được thể hiện trực tiếp qua lời của thầy Ha-men, nhưng nó trở nên thấm thía, gần gũi qua diễn biến nhận thức và tâm trạng của Phrăng.
Câu 2. Đặc điểm tính cách nhân vật thầy Ha-men được nhà văn khắc họa từ những phương diện nào? Hãy nêu một số biểu hiện cụ thể trong văn bản.	– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp để trả lời. – Tính cách của thầy Ha-men được nhà văn khắc họa qua các phương diện: trang phục, thái độ đối với học sinh, điều tâm niệm mà thầy nói trong “buổi học cuối cùng” và hình ảnh thầy ở những giây phút cuối của buổi học. + Trang phục của thầy trong “buổi học cuối cùng”: chiếc mũ lụa đen thêu, áo sơ-đan-gốt màu xanh lục, điềm lá sen gấp nếp mịn. Đó là những trang phục chỉ dùng vào những buổi lễ trang trọng. Qua cách ăn vận trang trọng như vậy, thầy Ha-men đã cho thấy ý nghĩa hệ trọng của “buổi học cuối cùng”.

	+ Thái độ của thầy đối với học sinh trong “buổi học cuối cùng”: thầy nói những lời dịu dàng, nhắc nhở nhưng không trách mắng học sinh đi muộn và không thuộc bài (Phrăng), nhiệt tình và kiên nhẫn giảng bài như muốn truyền hết mọi hiểu biết của mình cho học sinh. + Điều tâm niệm mà thầy muốn nói với học sinh và mọi người dân vùng An-dát (“thầy Ha-men nói với chúng tôi về tiếng Pháp, ... chốn lao tù”): hãy yêu quý, giữ gìn và trau dồi cho mình ngôn ngữ của dân tộc, vì ngôn ngữ không chỉ là tài sản quý báu của một dân tộc mà nó còn là “chìa khóa” để mở cửa ngục tù khi một dân tộc bị rơi vào vòng nô lệ. Đó cũng chính là một biểu hiện của tình yêu nước. + Hình ảnh thầy ở những giây phút cuối của buổi học (“Bỗng đồng hồ nhà thờ ... đi đi thôi!”): nỗi đau đớn, sự xúc động trong lòng thầy đã lên đến cực điểm và bộc lộ ra qua những cử chỉ, hành động khác thường: người tái nhợt, nghẹn ngào không nói được hết câu, dồn tất cả sức mạnh viết lên bảng câu “Nước Pháp muôn năm!”,...
Câu 3. Phân tích một số chi tiết cụ thể (suy nghĩ, cách nhìn nhận về thầy Ha-men và thái độ đối với việc học tiếng Pháp) để làm rõ diễn biến tâm trạng của nhân vật “tôi” trong “buổi học cuối cùng”.	– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm để trả lời. – Diễn biến tâm trạng của nhân vật “tôi” (Phrăng) trong “buổi học cuối cùng” được thể hiện qua các giai đoạn: + Trước buổi học: định trốn học vì đã trễ giờ và sợ thầy hỏi bài khó mà chưa thuộc, nhưng cậu đã cưỡng lại được ý định ấy và vội vã chạy đến trường. + Những điều khác lạ trên đường đến trường và quang cảnh ở trường (rất yên tĩnh, trang nghiêm khác ngày thường) khiến cậu bé ngạc nhiên. Hơn nữa, mặc dù vào lớp muộn nhưng cậu không bị thầy giáo quở trách mà thầy chỉ nói nhẹ nhàng, thậm chí dịu dàng với cậu. Tất cả những điều đó như báo hiệu về một cái gì đó nghiêm trọng, khác thường của ngày hôm ấy và buổi học ấy. + Diễn biến của “buổi học cuối cùng” và hình ảnh thầy Ha-men đã tác động sâu sắc đến nhận thức, tình cảm của cậu. Khi được thầy Ha-men nói cho biết đây là buổi học cuối cùng bằng tiếng Pháp, Phrăng thấy choáng váng, sững sờ và cậu đã hiểu ra nguyên nhân của mọi sự khác lạ trong buổi sáng hôm ấy ở lớp học, ở trụ sở xã và trên trang phục của thầy giáo. Cậu thấy nuối tiếc và ân hận về sự lười nhác học tập, ham chơi của mình lâu nay.

	Sự ân hận của cậu còn lớn hơn khi đến lượt mình đọc bài mà cậu không thuộc chút nào về quy tắc phân từ. Sự ân hận đã trở thành nỗi xấu hổ, tự giận mình. Chính tâm trạng ấy khiến cho cậu khi nghe thầy giáo giảng về ngữ pháp đã thấy thật rõ ràng, dễ hiểu. Ngoài ra, được chứng kiến những hình ảnh rất cảm động của các cụ già đến dự buổi học cuối cùng, nghe và hiểu được những lời nhắc nhở tha thiết nhất của thầy Ha-men và qua tất cả những gì đã diễn ra trong buổi học ấy, nhận thức và tâm trạng của Phrăng đã có những biến đổi sâu sắc. Cậu đã hiểu được ý nghĩa thiêng liêng của việc học tiếng Pháp và tha thiết muốn được trau dồi học tập, nhưng đã không còn cơ hội để tiếp tục học tiếng Pháp ở trường nữa.
Câu 4. Đọc phần (5) của văn bản <i>Buổi học cuối cùng</i>, liệt kê các chi tiết miêu tả thầy Ha-men (về hành động, ngôn ngữ, ngoại hình). Các chi tiết này đã giúp tác giả khắc họa được tâm trạng gì của thầy Ha-men?	– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp để trả lời. – Trong phần (5), phần cuối của truyện, có nhiều chi tiết miêu tả đặc sắc: thầy Ha-men “người tái nhợt”, “nghe ngào, không nói được hết câu”, “cầm một hòn phấn và dẫn mạnh hết sức, thầy cố viết thật to: NƯỚC PHÁP MUỐN NĂM!” và “đầu dựa vào tường”, “chẳng nói”, chỉ “giơ tay ra hiệu”,... Đây là những chi tiết rất cảm động về thầy Ha-men ở những giây phút cuối cùng của buổi học. Tiếng “đồng hồ nhà thờ điểm mười hai giờ” và “tiếng kèn của bốn lính Phổ đi tập về vang lên ngoài cửa sổ” như báo hiệu giờ phút kết thúc của buổi học, cũng là giờ phút chấm dứt việc dạy và học bằng tiếng Pháp ở cả vùng. Ở vào thời điểm ấy, nỗi đau đớn, sự xúc động trong lòng thầy Ha-men đã lên tới cực điểm và bộc lộ ra trong những cử chỉ, hành động khác thường. Nhưng chính vào giây phút ấy, cậu học trò Phrăng “chưa bao giờ cảm thấy thầy lớn lao đến thế”. Hành động ấy của thầy như muốn khẳng định nước Pháp không thể sụp đổ, tiếng Pháp không thể mất đi. Hành động ấy là sự thể hiện một cách sâu sắc nhất, thiêng liêng nhất tình yêu Tổ quốc thiết tha và sâu lắng của thầy Ha-men.
Câu 5. Câu chuyện đã gợi lên trong em những suy nghĩ và tình cảm như thế nào? Em rút ra bài học gì cho bản thân sau khi học xong truyện?	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời. HS có thể nêu quan điểm riêng nhưng cần hợp lí, có sức thuyết phục.

	– Trước hết, HS cần bám sát đề tài (truyện viết về buổi học tiếng Pháp cuối cùng) và chủ đề của câu chuyện (ngợi ca tình yêu nước của thầy Ha-men và cậu học trò Phrăng) để trả lời. Như thế, em cần phát biểu suy nghĩ và tình cảm của em về tình yêu tiếng mẹ đẻ, như một biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước. Bởi vì tiếng nói dân tộc có ý nghĩa thiêng liêng và sức mạnh to lớn trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do. Tiếng nói của mỗi dân tộc được hình thành và phát triển bằng sự sáng tạo của biết bao thế hệ qua hàng ngàn năm. Đó là thứ tài sản tinh thần vô cùng quý báu của mỗi dân tộc. Vì vậy, khi bị kẻ xâm lược đồng hoá về ngôn ngữ, tiếng nói của dân tộc bị mai một thì dân tộc ấy khó có thể giành được độc lập, thậm chí rơi vào nguy cơ bị diệt vong. Qua câu chuyện này, tác giả muốn gửi tới người đọc thông điệp: phải biết yêu quý, gìn giữ và học tập để nắm vững tiếng nói của dân tộc mình, nhất là khi đất nước rơi vào vòng nô lệ. – Sau đó, HS tự liên hệ và rút ra bài học từ câu chuyện. Ví dụ: bài học về tình yêu tiếng mẹ đẻ, bài học về lòng yêu nước.
Câu 6. Trong truyện <i>Buổi học cuối cùng</i>, em thích nhất nhân vật hoặc chi tiết, hình ảnh nào? Hãy viết một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) giải thích lí do vì sao em thích.	GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm để trả lời.

Hoạt động 4. Tổng kết

– Xem lại cách tổ chức hoạt động này đối với văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng* và thực hiện tương tự.

– GV yêu cầu HS chuẩn bị bài tiếp theo: đọc trước ở nhà phần *Thực hành tiếng Việt* và văn bản *Đọc đường xứ Nghệ* (trích tiểu thuyết *Búp sen xanh* – Sơn Tùng); thực hiện các nhiệm vụ trong và sau khi đọc văn bản.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẢN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Lưu ý

1.1. Yêu cầu chung

Nội dung của phần *Thực hành tiếng Việt* ở bài này là *ngôn ngữ các vùng miền*.

Khi dạy nội dung trên đây, GV cần lưu ý những điểm sau:

- Cần cho HS thấy rằng tiếng Việt là ngôn ngữ vừa có tính thống nhất cao, vừa có tính đa dạng (thể hiện ở những nét riêng của ngôn ngữ ở các vùng miền).
- Cần quán triệt quan điểm tích hợp giữa tiếng Việt và văn học cũng như quan điểm thực hành; theo đó, tập trung vào việc hướng dẫn HS phân tích ngữ liệu về ngôn ngữ các vùng miền được rút ra từ tác phẩm văn chương (hay từ ngôn ngữ sinh hoạt hằng ngày) để đạt được các kĩ năng cụ thể như chỉ ra dưới đây.

1.2. Yêu cầu cụ thể

Qua hệ thống bài tập, GV cần giúp HS đạt được các kĩ năng sau:

- Xác định, giải thích được nghĩa của các từ ngữ địa phương.
- Phân tích, chỉ ra được tác dụng của các từ ngữ địa phương đối với việc phản ánh con người, sự vật ở địa phương và thể hiện nội dung của tác phẩm.
- Phát âm và viết đúng một số từ ngữ dễ mắc lỗi khi sử dụng.

SGK cho 4 bài tập.

Các bài tập 1, 2 yêu cầu HS tìm, giải thích nghĩa các từ địa phương (trong các đoạn trích *Người dân ông cô độc giữa rừng* của Đoàn Giỏi và *Độc đường xứ Nghệ* của Sơn Tùng) và cho biết các từ đó được sử dụng ở vùng miền nào, có tác dụng gì đối với việc phản ánh con người, sự vật ở địa phương. Các bài tập này giúp HS rèn luyện kĩ năng nhận diện, xác định nghĩa và phân tích tác dụng của các từ địa phương. Bài tập không khó, GV có thể để HS thực hiện độc lập.

Bài tập 3 yêu cầu HS viết đúng và luyện phát âm một số từ dễ mắc lỗi khi sử dụng. Bài tập này giúp HS rèn luyện kĩ năng phát âm và viết một số từ khó. Bài tập gồm hai nội dung nên GV có thể chia nhóm và giao cho mỗi nhóm HS thực hiện một nội dung; sau đó, trình bày kết quả trước lớp.

Bài tập 4 yêu cầu HS viết một đoạn văn trình bày ý kiến về tác dụng của việc sử dụng các từ địa phương trong một văn bản đã học hoặc đã đọc. Bài tập này giúp HS rèn luyện kĩ năng phân tích vai trò của các từ địa phương đối với việc miêu tả con người, sự vật, sự việc. HS cần làm việc độc lập để thực hiện bài tập này.

2. Gợi ý tổ chức dạy thực hành tiếng Việt

Hoạt động 1. Xác định khái niệm ngôn ngữ các vùng miền

GV hướng dẫn HS nêu cách hiểu của các em về *ngôn ngữ các vùng miền* (qua phần *Kiến thức ngữ văn*): Tiếng Việt có tính thống nhất cao, vì vậy, mọi người nói tiếng Việt đều hiểu nhau. Nhưng mỗi vùng miền có thể có một số cách phát âm

riêng và một số từ ngữ mang tính địa phương. Những đặc điểm đó tạo nên ngôn ngữ các vùng miền, thể hiện sự đa dạng của tiếng Việt.

Hoạt động 2. Tìm, giải thích nghĩa, xác định nơi sử dụng và nêu tác dụng của các từ địa phương đối với việc phản ánh con người, sự vật

Hoạt động này được thực hiện qua các bài tập 1, 2.

Bài tập 1. GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu:

– Tìm và giải thích nghĩa của các từ địa phương trong những câu ở đoạn trích *Người dân cô độc giữa rừng* của Đoàn Giỏi: **tía:** cha; **má:** mẹ; **qua:** anh; **giùm:** giúp; **bà:** bà ấy.

– Xác định phạm vi dùng của các từ địa phương nói trên và chỉ ra tác dụng của chúng đối với việc phản ánh con người, sự vật: Từ những hiểu biết về đoạn trích và về tác giả Đoàn Giỏi, HS có thể hiểu những từ địa phương trên đây được dùng ở các tỉnh miền Nam. Việc sử dụng các từ này có tác dụng phản ánh cụ thể, sinh động, chân thực đặc điểm của con người và sự vật ở địa phương. (Đọc những câu có các từ địa phương trên đây, ta dễ dàng nhận ra con người, sự vật được nói đến là ở một tỉnh miền Nam.).

Bài tập 2. GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu:

– Tìm và giải thích nghĩa của các từ địa phương trong những câu ở đoạn trích *Đọc đường xứ Nghệ* của Sơn Tùng: **nớ:** ấy; **nhế:** nhí; **ni:** này; **mi:** mày; **dớ dận:** dở dãn, vớ vẩn.

– Xác định phạm vi dùng và nêu tác dụng của các từ địa phương đối với việc phản ánh con người, sự vật: Từ những hiểu biết về đoạn trích và về tác giả Sơn Tùng, HS có thể hiểu những từ địa phương trên đây được dùng ở các tỉnh miền Trung (tiêu biểu là Nghệ An). Việc sử dụng các từ này có tác dụng phản ánh cụ thể, chân thực, sinh động đặc điểm của con người và sự vật ở địa phương. (Đọc những câu có các từ địa phương trên đây, ta dễ dàng nhận ra con người, sự vật được nói đến là ở một tỉnh miền Trung.).

Hoạt động 3. Viết đúng và luyện phát âm một số từ dễ mắc lỗi khi sử dụng

Bài tập 3. GV hướng dẫn HS lần lượt viết đúng và luyện phát âm các từ sau:

a) Từ có tiếng chứa phụ âm đầu là **l, n, v**:

– **l:** *lạnh lùng, lạnh lẽo, lặc lè, le lói, li lẽ, lo lắng, lời lãi, lung lay, lũ lượt, lực lưỡng, ...*

– **n:** *nao núng, nắc nỏm, nặng nề, nói năng, nóng nực, nõn nức, nung nấu, nức nở, ...*

– **v**: vắng vẻ, vênh váo, ví von, vội vã, vội vàng, vẻ vang, vô vị, vu vạ, vũng vàng, ...

b) Từ có tiếng chứa vần với âm cuối là **n, t**:

– **n**: an bài, ăn năn, bàn bạc, bền bỉ, gán ghép, lan man, ngăn cản, phàn nàn, san sẻ, ...

– **t**: bắt bớ, buổi giá, chia cắt, chặt chui, đan lát, đất đỏ, gặt gồng, luật lệ ...

c) Từ có tiếng chứa **thanh hỏi** hoặc **thanh ngã**:

– **Thanh hỏi**: bắt bẻ, béo lẻo, bền bỉ, bổ sung, bưng beo, đả đảo, hỏi han, nghi ngại, tử tử, ...

– **Thanh ngã**: bỏ bã, lã chã, nữ miếu, nhã nhặn, nỡ nà, nghĩ ngợi, sa ngã, ...

Hoạt động 4. Thực hành viết đoạn văn trình bày tác dụng của từ ngữ địa phương trong một văn bản đã học hoặc đã đọc.

Bài tập 4. GV hướng dẫn HS dựa vào kết quả thực hiện yêu cầu thứ 2 (*chỉ ra tác dụng của các từ địa phương đối với việc phân ánh con người, sự vật*) ở các bài tập 1, 2 để thực hiện bài tập này.

V. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẢN THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

Văn bản

Đọc đường xứ Nghệ

(Trích tiểu thuyết *Búp sen xanh*)

(SON TÙNG)

1. Lưu ý

Xem lại mục *Lưu ý* khi dạy đọc hiểu văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng* (Đoàn Giỏi) và *Buổi học cuối cùng* (Đô-đê) ở trên. Ngoài ra, cần xem lại cách hướng dẫn HS thực hành đọc hiểu ở các bài học về truyện trong SGK *Ngữ văn 6*.

2. Gợi ý tổ chức dạy thực hành đọc hiểu

Hoạt động 2. Đọc và kiểm tra việc đọc văn bản của HS

GV dựa vào các nội dung nêu ở cột bên phải văn bản để kiểm tra việc đọc ở nhà của HS. Hoặc yêu cầu HS đọc lại văn bản và lưu ý HS quan sát, suy nghĩ các câu hỏi, yêu cầu ở cột bên phải.

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

Có thể chia nhóm tìm hiểu bốn câu hỏi trong SGK, sau đó trao đổi và nhận xét.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Câu chuyện được kể theo ngôi kể nào? Nêu tác dụng của việc sử dụng ngôi kể ấy trong văn bản <i>Độc đường xứ Nghệ</i> .	– Truyện được kể ở ngôi thứ ba – người kể chuyện tự giấu mình đi và gọi tên các nhân vật theo tên của họ. – Sử dụng ngôi kể này, tác giả có thể kể chuyện một cách linh hoạt, khách quan.
Câu 2. Những câu hỏi và cách lí giải về sự kiện lịch sử cho thấy Côn là cậu bé có tâm hồn, suy nghĩ như thế nào? Em có nhận xét gì về tính cách của nhân vật này?	– HS cần xác định được những câu hỏi của Côn và cách lí giải của cậu bé về các sự kiện và nhân vật lịch sử. – Có thể thấy, cậu bé rất quan tâm tới lịch sử của quê hương, đất nước; có những suy nghĩ khá già dặn và sâu sắc. Qua đó, nhân vật bộc lộ tình yêu nước, lòng căm thù giặc, trân trọng những người hiền tài, có cái nhìn lịch sử khách quan, tinh táo,...
Câu 3. Trong đoạn trích, quan Phó bảng đã giáo dục các con tu dưỡng làm người bằng cách kể cho các con nghe những câu chuyện về nhân vật và sự kiện lịch sử kèm theo những lời giải thích, bình luận cụ thể; từ đó, giúp các con thấy được ý nghĩa của các câu chuyện và tự rút ra cho mình những bài học làm người. Đồng thời, ông luôn khích lệ, động viên, tôn trọng những ý kiến của các con.	– HS nêu cảm nhận riêng về nhân vật quan Phó bảng. Cần nhận thấy đây là người có hiểu biết sâu rộng, có lòng yêu nước, biết cách giáo dục con cái và truyền cho các con lòng yêu nước, khơi dậy ở các con những tình cảm cao đẹp và ý thức trách nhiệm đối với đất nước, dân tộc.
Câu 4. Văn bản <i>Độc đường xứ Nghệ</i> gợi cho em những suy nghĩ gì?	HS nêu những suy nghĩ riêng nhưng cần hợp lí, có sức thuyết phục.

VI. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẦN VIẾT

Viết bài văn kể về một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử

1. Lưu ý

– Hoạt động hướng dẫn HS viết bài văn kể về một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được tiến hành trong 3 tiết. Nội dung bài học gồm 2 mục: *Định hướng* và *Thực hành*. GV có thể dạy mục *Định hướng* trong 1 tiết và mục *Thực hành* trong 2 tiết.

– Sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử có thể do HS nghe ai đó kể lại hoặc đọc được trong sách, báo,... Nhân vật và sự kiện lịch sử có thể có trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống: chiến đấu, lao động, học tập, nghiên cứu, thể thao, văn hoá nghệ thuật,... từ xưa đến nay, cả ở Việt Nam và nước ngoài,... HS kể về sự việc ấy có thể bằng nhiều cách, theo các ngôi kể khác nhau, miễn là phải giữ đúng nội dung chính của sự việc.

2. Gợi ý tổ chức dạy viết

Hoạt động 1. Định hướng

GV tổ chức cho HS tìm hiểu mục *Định hướng* trong SGK qua các nội dung:

– GV yêu cầu HS đọc ý a) của mục *Định hướng* để hiểu thế nào là sự việc có thật và nhân vật, sự kiện lịch sử.

Đặc biệt, GV yêu cầu HS đọc và phân tích văn bản *Nhạc sĩ Văn Cao sáng tác “Tiến quân ca”* bằng việc trả lời các câu hỏi bên dưới văn bản để nhận biết được hình thức và nội dung của bài văn kể về một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

– GV yêu cầu HS tiếp tục đọc ý b) của mục *Định hướng* để nắm được những điểm cần lưu ý khi viết bài văn kể về một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

Ngoài ra, GV cần yêu cầu HS xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* về tính cách nhân vật, bối cảnh, tác dụng của việc thay đổi ngôi kể để vận dụng vào làm bài văn kể về một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử (vì trong bài văn này, HS nhất thiết phải sử dụng được ngôi kể thích hợp, tái hiện được bối cảnh của câu chuyện và nhân vật với một số nét tính cách cụ thể).

Hoạt động 2. Thực hành

GV tổ chức cho HS làm các bài thực hành trong SGK theo gợi ý sau đây:

– GV lựa chọn một trong hai đề bài mà SGK đã nêu để yêu cầu HS thực hành (làm việc cá nhân) hoặc chia lớp thành nhiều nhóm, trong đó, một số nhóm làm *Đề 1* và một số nhóm làm *Đề 2* (làm việc nhóm). GV cũng có thể thay đề bài trong SGK bằng đề bài khác cho phù hợp với đối tượng HS và thực tiễn dạy học ở địa phương, miễn là đáp ứng yêu cầu thực hành của bài học.

– Với mỗi đề bài đã xác định, GV yêu cầu HS thực hành theo quy trình 4 bước: *Chuẩn bị, Tìm ý và lập dàn ý, Viết, Kiểm tra và chỉnh sửa*. Với cách tổ chức dạy học theo nhóm, GV yêu cầu HS làm việc nhóm ở bước 1, 2 và làm việc cá nhân ở bước 3 và 4. Sau khi HS làm xong, GV yêu cầu HS đọc bài văn của mình và nhận xét.

Tùy thuộc vào điều kiện và phương tiện dạy học, GV có thể cho HS viết tay hoặc tạo lập văn bản trên máy tính.

VII. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẦN NÓI VÀ NGHE

Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống

1. Lưu ý

Bài học này giúp HS biết cách trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.
Thời gian dạy học: 1 tiết.

2. Gợi ý tổ chức dạy nói và nghe

Hoạt động 1. Định hướng

GV yêu cầu HS đọc trước mục *Định hướng* ở nhà, ghi lại những thắc mắc về nội dung đã đọc để trao đổi với GV và các bạn.

Trên lớp, GV tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận để tổng kết lại cách trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống. Cần trả lời được hai câu hỏi: *Thế nào là trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống? Để trình bày, các em cần lưu ý những gì?*

Hoạt động 2. Thực hành

SGK cung cấp một bài tập để HS thực hành nói và nghe. Cũng như ở phần *Viết*, ngoài bài tập này, GV có thể tìm thêm hoặc thay thế bằng bài tập khác cho phù hợp với nhu cầu, khả năng của HS lớp mình. GV cũng có thể tổ chức cho HS

làm việc chung toàn lớp hoặc tổ chức cho HS làm việc theo nhóm, tùy theo điều kiện và mục đích dạy học cụ thể.

Quy trình thực hành nói – nghe diễn ra như sau:

(1) GV nêu bài tập.

(2) HS làm việc (nhóm hoặc toàn lớp) theo gợi ý của các mục *a) Chuẩn bị, b) Tìm ý và lập dàn ý, c) Nói và nghe và d) Kiểm tra và chỉnh sửa* trong SGK.

(3) GV nhận xét hoặc tổ chức cho HS nhận xét bài nói của nhau, rút kinh nghiệm về cách trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

VIII. HƯỚNG DẪN PHẦN TỰ ĐÁNH GIÁ

– Xem mục *Về đánh giá* trong *Phần một* (trang 20) và lưu ý thêm: SGK nêu đoạn trích ngữ liệu mới cho phần *Tự đánh giá* với hai mục đích: a) Cung cấp thêm cho HS một văn bản tương tự; b) Đưa ra một văn bản mới để HS vận dụng những điều đã học vào thực hiện đánh giá năng lực theo yêu cầu của CT 2018. Thực chất đây là đánh giá năng lực *tự đọc hiểu* của HS về một văn bản tương tự. HS làm ở nhà, nhưng nếu có thời gian, GV có thể cùng HS làm trên lớp để củng cố lại kĩ năng đọc hiểu truyện cổ tích.^(*)

– Gợi ý đáp án và trả lời các câu hỏi, bài tập trong SGK:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	D	B	A	B	D	C	C

Câu 9, 10. HS tự làm.

Bài 2

THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học

– Nhận biết được một số yếu tố hình thức của thơ bốn chữ, năm chữ (số tiếng ở mỗi dòng; vần, nhịp; từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...) và những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua bài thơ.

(*) Mục hướng dẫn HS tự đánh giá ở các bài khác, GV tham khảo nội dung này.

- Phân tích được tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ.
- Bước đầu làm được bài thơ bốn chữ, năm chữ, viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.
- Trao đổi được về một vấn đề.

2. Góp phần phát triển các phẩm chất và năng lực chung

Yêu thương những người thân trong gia đình; trân trọng các giá trị văn hoá của dân tộc.

II. KIẾN THỨC NGŨ VĂN

Bài học cung cấp cho HS hai kiến thức ngũ văn chính về *thơ bốn chữ, năm chữ* và *trải nghiệm trong cuộc sống và việc đọc hiểu thơ*.

– Với *thơ bốn chữ, năm chữ*, HS cần nắm được:

+ Thơ bốn chữ: thể thơ theo đó, mỗi dòng có bốn chữ (tiếng). Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 2/2 hoặc 1/3. Ví dụ nhịp 1/3:

Cau / ngày càng cao

Mẹ / ngày một thấp

Cau / gần với gò

Mẹ / thì gần đất!

(Đỗ Trung Lai)

+ Thơ năm chữ: thể thơ theo đó, mỗi dòng có năm chữ (tiếng). Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3, thậm chí ngắt nhịp 1/4 hoặc 4/1. Ví dụ nhịp 2/3 và 3/2:

Mỗi năm / hoa đào nở

Lại thấy / ông đồ già

Bày mực tàu, / giấy đỏ

Bên phố / đông người qua.

(Vũ Đình Liên)

+ Các dòng ở cùng một khổ trong bài thơ không nhất thiết phải ngắt nhịp giống nhau.

+ Bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ có thể gieo vần chân (vần được gieo ở cuối dòng thơ), vần lưng (vần được gieo ở giữa dòng thơ), vần liền (vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ), vần cách (vần không được gieo liên tiếp mà thường cách ra một dòng thơ) hay vần hỗn hợp (vần được gieo không theo trật tự nào). Bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ có thể có nhiều vần.

– Với *trải nghiệm trong cuộc sống và việc đọc hiểu thơ*, HS cần nắm được: Cùng đọc một bài thơ nhưng mỗi người đọc có thể có những cách hiểu và sự cảm nhận khác nhau. Sở dĩ như vậy vì việc hiểu văn bản còn phụ thuộc vào trình độ, hoàn cảnh và đặc biệt là những gì người đọc đã trực tiếp chứng kiến, đã làm và trải qua,... Ví dụ, những em đã từng có lần xa nhà, vắng mẹ; từng chứng kiến nỗi vất vả, lo lắng của mẹ đối với mình,... thì khi đọc bài thơ *Mẹ* của Đỗ Trung Lai, sẽ thấy xúc động, thấm thía hơn trước nỗi lòng của nhà thơ. Cũng như vậy, nếu có những kỉ niệm khó quên, có tình cảm sâu nặng với ông bà,... thì khi đọc bài thơ *Tiếng gà trưa*, sẽ thấy rung động sâu sắc hơn trước tình cảm thiêng liêng, cao quý và chân thành mà nhà thơ Xuân Quỳnh dành cho người bà của mình.

Cũng như các bài học khác, GV không dạy các kiến thức ngữ văn này như một nội dung độc lập mà khi nào HS cần vận dụng trực tiếp một kiến thức nào đó, GV sẽ gọi cho HS trở lại với nội dung kiến thức ấy và vận dụng nó vào việc đọc, viết hoặc nói, nghe.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẢN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (trọng tâm)

Văn bản 1

Mẹ

(ĐỖ TRUNG LAI)

1. Lưu ý

GV vận dụng phương pháp dạy học đọc hiểu văn bản thơ ở lớp 6 để dạy các văn bản thơ trong CT và SGK *Ngữ văn 7*. Ngoài ra, cần bám sát vào đặc trưng của các thể thơ được dạy ở lớp 7 và yêu cầu cần đạt của CT để hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản.

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

Hoạt động 1. Khởi động

GV có thể tổ chức khởi động bằng một trong các cách sau:

- Kể tên một số bài thơ bốn chữ mà em biết. Trong những bài thơ ấy, em ấn tượng hoặc thích nhất điều gì? Vì sao?
- Kể tên một số bài thơ viết về người mẹ mà em thích. Trong các bài thơ ấy, các tác giả thường thể hiện tình cảm gì với người mẹ?
- Mỗi khi nghĩ về mẹ, em thường có cảm xúc gì? Hãy chia sẻ cảm xúc đó của em với các bạn.

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

– HS chia sẻ thông tin về nhà thơ Đỗ Trung Lai, về tác phẩm dựa trên phần đã chuẩn bị, hoặc GV cung cấp trên bảng phụ / slide một số “mảnh thông tin” về tác giả, tác phẩm. Dựa trên phần đã tự chuẩn bị, HS có thể chọn được các thông tin đúng. Từ đó, kết nối thông tin để giới thiệu tác giả, tác phẩm một cách ngắn gọn (tên khai sinh, bút danh, quê quán, năm sinh, các tác phẩm chính,...).

– GV hướng dẫn HS đọc văn bản, chia sẻ ấn tượng ban đầu về văn bản, nêu những từ ngữ, hình ảnh chưa hiểu hoặc các câu hỏi, yêu cầu trong khi đọc chưa thực hiện được.

– GV cho HS nhìn lại sơ đồ hoặc phiếu học tập phần tự đọc *Kiến thức ngữ văn* về thơ bốn chữ để xác định trước cách đọc hiểu bài thơ bốn chữ.

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

Sau khi HS đã đọc văn bản, GV linh hoạt hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi / thực hiện các nhiệm vụ trong SGK để tìm hiểu văn bản cả về nội dung và hình thức theo đặc trưng của văn bản. Dưới đây là hệ thống câu hỏi trong SGK và các nội dung cần lưu ý. GV lựa chọn, kết hợp bổ sung các câu hỏi khác nếu thấy cần thiết và phù hợp với đối tượng HS.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Qua bài thơ <i>Mẹ</i> , chỉ ra đặc điểm của thể thơ bốn chữ thể hiện ở các yếu tố: số tiếng và nhịp ở các dòng thơ, vần của bài thơ.	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời. – HS dựa vào phần <i>Kiến thức ngữ văn</i> để thực hiện yêu cầu này.
Câu 2. Bài thơ <i>Mẹ</i> là lời của ai, bộc lộ cảm xúc gì? Nêu cảm nhận chung của em sau khi đọc bài thơ.	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời. – Bài thơ là lời của một người con, viết về mẹ, bộc lộ tình thương và nỗi xót xa khi nghĩ về mẹ.
Câu 3. Chỉ ra những từ ngữ được tác giả dùng để nói về “mẹ” và “cau” trong bài thơ. Để thể hiện hình tượng “mẹ” và “cau”, tác giả sử dụng những biện pháp tu từ nào? Hãy chỉ ra tác dụng của các biện pháp tu từ đó.	– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp để trả lời. – Hình tượng mẹ được khắc họa trong sự sống đôi với cau. + Biện pháp tu từ tương phản: • Mẹ: <i>lưng cong rồi, đầu bạc trắng, ngày một thấp, gần đất.</i> • Cau: <i>vân thẳng, ngọn xanh rờn, ngày càng cao, gần với trời.</i> + Biện pháp tu từ so sánh: <i>Mẹ khô gầy như miếng cau khô.</i>

	+ <i>Cau bồ tư – cau bồ tám – mẹ ngại to.</i> + Ngoài ra, tác giả còn sử dụng cặp câu thơ sóng đôi, biện pháp tu từ hoán dụ, ẩn dụ,... – Tác dụng: Cho thấy sự già nua của mẹ theo thời gian.
Câu 4. Chỉ ra và phân tích các từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm của người con dành cho mẹ ở hai khổ thơ cuối bài.	– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm để trả lời. – Các từ ngữ, hình ảnh: + So sánh “mẹ” và “miếng cau khô”: <i>Một miếng cau khô / Khô gầy như mẹ.</i> + Cử chỉ và cảm xúc của người con: <i>Con nâng trên tay / Không cảm được lẽ.</i> + Câu hỏi của người con: <i>Ngặng hỏi giờ vậy / Sao mẹ ta già?</i> – Tình cảm của người con với mẹ: + Thương mẹ, thổn thức, xót xa khi nghĩ đến người mẹ già nua “gần đất, xa trời”. + Nhận ra quy luật của cuộc đời: mẹ đã già, yếu. Một mặt, thăng thót ngỡ ngàng; mặt khác, chấp nhận quy luật đó.
Câu 5. Trong số những hình ảnh được tác giả dùng để khắc hoạ người mẹ, em có ấn tượng sâu sắc nhất với hình ảnh nào? Tại sao?	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm để trả lời. – Gợi ý: HS có thể thích hình ảnh cây cau. Cây cau là một loại cây quen thuộc trong vườn quê, gần gũi với những người già (ăn trầu). Chọn hình ảnh cây cau, tác giả thể hiện sự tinh tế trong cảm nhận của mình, không chỉ vẽ hình dáng bên ngoài mà còn là cả sự sâu lắng, bám đót thời gian thân phận của một đời người...
Câu 6. Quan sát người thân trong gia đình của mình qua năm tháng, em thấy người thân có những thay đổi như thế nào? Em có cảm xúc gì khi nhận ra những thay đổi ấy?	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời. – HS tự làm.

Hoạt động 4. Tổng kết

Sau khi hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi / thực hiện các nhiệm vụ ở *Hoạt động 3*, GV yêu cầu HS nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và hình thức theo nhận thức của HS bằng cách đặt câu hỏi hoặc nêu yêu cầu cho HS trả lời:

- Em hãy khái quát về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ.
- Bài thơ khơi gợi ở em tình cảm nào đối với người mẹ của mình? Khi nghĩ về mẹ, em thường nghĩ tới hình ảnh nào? Vì sao?

Sau đó, GV nhắc lại những lưu ý về cách / chiến thuật đọc văn bản thơ bốn chữ mà HS cần chú ý (như đã nêu ở mục *Chuẩn bị*).

Cuối cùng, GV yêu cầu HS chuẩn bị bài tiếp theo: đọc trước ở nhà văn bản *Ông đồ* (Vũ Đình Liên) và thực hiện các nhiệm vụ nêu ở mục *Chuẩn bị*, trong và sau khi đọc văn bản.

Văn bản 2

Ông đồ

(VŨ ĐÌNH LIÊN)

1. Lưu ý

Xem lại mục *Lưu ý* khi dạy đọc hiểu văn bản *Mẹ* (Đỗ Trung Lai) ở trên. Ngoài ra, cần dựa vào đặc trưng của thể thơ năm chữ để hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản này.

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

GV tổ chức các hoạt động tương tự như đọc hiểu văn bản *Mẹ* (Đỗ Trung Lai).

Hoạt động 1. Khởi động

GV có thể tổ chức khởi động bằng nhiều hình thức khác nhau. Dưới đây là một số gợi ý:

- Yêu cầu HS làm việc nhóm thực hiện nhiệm vụ sau: Chia sẻ những hiểu biết của em về chữ Nho và nghệ thuật viết chữ Nho (thư pháp).
- Yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ sau: Quan sát tranh minh họa của bài thơ và cho biết: Từ nhan đề bài thơ và tranh minh họa, hãy đoán xem người trong tranh là ai. Người đó đang làm việc gì? Em biết gì về công việc đó?

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

Xem lại cách tổ chức hoạt động này đối với văn bản *Mẹ* (Đỗ Trung Lai) và thực hiện tương tự.

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

Xem lại cách tổ chức hoạt động này đối với văn bản *Mẹ* (Đỗ Trung Lai) và thực hiện tương tự.

Dưới đây là một số gợi ý về cách tổ chức cho HS trả lời câu hỏi / thực hiện nhiệm vụ.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Bài thơ <i>Ông đồ</i> viết về ai và về việc gì? Ai là người bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ trong bài thơ? Đó là cảm xúc, suy nghĩ gì?	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời. – Bài thơ viết về ông đồ – người dạy chữ Nho ngày xưa. Tác giả là người bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ trong bài thơ. Qua bài thơ, nhà thơ thể hiện niềm cảm thương, nỗi tiếc nhớ ngậm ngùi của mình đối với cảnh cũ người xưa, gắn liền với một nét đẹp văn hoá cổ truyền của dân tộc.
Câu 2. Nội dung bài thơ được trình bày theo trình tự nào? Cách trình bày ấy có tác dụng gì?	– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp để trả lời. – Nội dung bài thơ trình bày theo trình tự thời gian: ông đồ thời còn đắc ý (khổ 1, 2) → ông đồ thời tàn (khổ 3, 4) → vắng bóng ông đồ (khổ 5). – Trình tự này đã làm nổi bật chủ đề của bài thơ, thể hiện sự thất thế, tàn tạ đáng buồn của ông đồ một cách đầy ám ảnh.
Câu 3. Chỉ ra và phân tích sự khác nhau của hình ảnh ông đồ ở các khổ thơ 1, 2 so với các khổ thơ 3, 4. Sự khác nhau ấy nói lên điều gì?	– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm để trả lời. – Hình ảnh ông đồ ở khổ 1, 2 (thời đắc ý): Hằng năm, mỗi khi Tết đến, xuân về, ông đồ lại bày “mực tàu”, “giấy dó” bên hè phố để viết chữ Nho, góp mặt vào cái đông vui, náo nhiệt của phố phường ngày Tết. “Bao nhiêu người thuê viết” chữ, viết câu đối đỏ để treo trong ngày xuân. Mọi người “tâm tặc ngợi khen tài” của ông, khen ông có “hoa tay”, khen chữ ông “như phượng múa, rồng bay”. Ở thời điểm này, ông đồ được mọi người chú ý, ngưỡng mộ. – Hình ảnh ông đồ ở khổ 3, 4 (thời tàn): Ông đồ vẫn xuất hiện bên hè phố ngày Tết nhưng tất cả đã khác xưa: người thuê viết nay vắng vẻ; ông đồ ngồi đấy nhưng chẳng cầm đến bút, chạm đến giấy. Vì thế mà “Giấy đỏ buồn không thắm; / Mực đọng trong nghiên sầu...”. Nỗi buồn tủi của ông đồ lan sang cả những vật vô tri vô giác, khiến cho chúng cũng phải “buồn”, “sầu”. Đường phố vẫn đông người qua lại nhưng không ai biết đến sự có mặt của ông đồ. Trời đất cũng âm ảm, lạnh lẽo như lòng ông. – Sự khác nhau của hình ảnh ông đồ ở hai thời điểm cho thấy sự tàn tạ, “hết thời” của những người như ông trong xã hội lúc bấy giờ.

Câu 4. Trong bài thơ, tác giả sử dụng những biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của những biện pháp đó.	– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp để trả lời. – Trong bài thơ, tác giả sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá, tương phản, câu hỏi tu từ. Trong đó, biện pháp tương phản được sử dụng thành công để khắc hoạ sự khác nhau của ông đồ ở hai thời điểm (thời đắc ý và thời tàn). HS tự nêu tác dụng của các biện pháp tu từ còn lại.
Câu 5. Theo em, những dòng thơ sau tả cảnh hay tả tình? Vì sao? – <i>Giấy đỏ buồn không thấm;</i> <i>Mực đọng trong nghiên sầu...</i> – <i>Lá vàng rơi trên giấy;</i> <i>Ngoài trời mưa bụi bay.</i>	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời. – Hai dòng thơ “Giấy đỏ ... sầu” sử dụng biện pháp tu từ nhân hoá để nhấn mạnh nỗi buồn tủi của ông đồ như lan sang cả giấy, mực. Giấy không được viết trở nên bẽ bàng, màu đỏ của nó trở thành vô duyên, không thấm lên được; mực không được dùng nên đọng lại bao nhiêu sầu tủi trong nghiên. Hai dòng thơ “Lá vàng ... bay” miêu tả ngoại cảnh – trời đất ảm đạm, lạnh lẽo như lòng ông đồ. – Những câu thơ trên được tác giả viết theo bút pháp tả cảnh ngụ tình (tả cảnh để nói lên nỗi lòng của con người). Cảnh phản chiếu tâm trạng của con người.
Câu 6. Qua bài thơ <i>Ông đồ</i>, em hiểu gì về tục “xin chữ” mỗi dịp Tết đến, xuân về? Nếu vẽ minh hoạ cho bài thơ, em sẽ vẽ hình ảnh nào?	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm để trả lời. – HS tự làm.

Hoạt động 4. Tổng kết

– Xem lại cách tổ chức hoạt động này đối với văn bản *Mẹ* (Đỗ Trung Lai) và thực hiện tương tự.

– GV yêu cầu HS chuẩn bị bài tiếp theo: đọc trước ở nhà phần *Thực hành tiếng Việt* và văn bản *Tiếng gà trưa* (Xuân Quỳnh); thực hiện các nhiệm vụ trong và sau khi đọc văn bản.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Lưu ý

1.1. Yêu cầu chung

Nội dung chủ yếu của phần *Thực hành tiếng Việt* ở bài này là các *biện pháp tu từ: tương phản (trái ngược), so sánh, câu hỏi tu từ*. Các biện pháp tu từ này được

dùng phổ biến trong văn chương, đặc biệt trong thơ. Khi dạy các nội dung trên đây, GV cần quán triệt quan điểm tích hợp giữa tiếng Việt và văn học cũng như quan điểm thực hành; theo đó, tập trung vào việc hướng dẫn HS phân tích các ngữ liệu được rút ra từ các tác phẩm được dạy học trong bài; qua đó, đạt được các kĩ năng phân tích một số biện pháp tu từ được sử dụng trong thơ.

1.2. Yêu cầu cụ thể

Qua hệ thống bài tập, GV cần giúp HS đạt được các kĩ năng sau:

– Xác định các biện pháp tu từ được sử dụng trong những bài thơ được học ở Bài 2.

– Phân tích, chỉ ra được tác dụng của mỗi biện pháp tu từ đối với việc miêu tả (khắc hoạ hình ảnh) và biểu cảm (thể hiện tình cảm của tác giả).

SGK cho 4 bài tập.

Bài tập 1 yêu cầu HS chỉ ra cách bố trí các dòng thơ thành từng cặp có ý nghĩa tương phản (trái ngược) ở hai khổ thơ đầu trong bài thơ *Mẹ* (Đỗ Trung Lai) và nêu tác dụng của cách bố trí như vậy. Bài tập này giúp HS rèn luyện kĩ năng nhận biết và phân tích tác dụng của một biện pháp tu từ được dùng phổ biến trong thơ: biện pháp tương phản. Bài tập có độ khó vừa phải, GV có thể cho HS làm việc độc lập hoặc theo nhóm để thực hiện.

Bài tập 2 yêu cầu HS nêu tác dụng miêu tả, biểu cảm của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong khổ thơ thứ tư của bài thơ *Mẹ* (Đỗ Trung Lai). Bài tập này giúp HS rèn luyện kĩ năng phân tích biện pháp tu từ so sánh (thể hiện ở tác dụng miêu tả và biểu cảm). GV nên cho HS làm việc độc lập để thực hiện bài tập này.

Bài tập 3 yêu cầu HS nêu tác dụng của câu hỏi (*Sao mẹ ta già?*) ở khổ thơ cuối trong bài thơ *Mẹ* (Đỗ Trung Lai) đối với việc thể hiện tình cảm của tác giả. Bài tập này giúp HS rèn luyện kĩ năng phân tích tác dụng của câu hỏi tu từ (kiểu câu hỏi không nhằm mục đích hỏi mà nhằm mục đích biểu cảm). Bài tập tương đối khó nên GV có thể cho HS làm việc theo nhóm để thực hiện.

Bài tập 4 yêu cầu HS tìm các câu hỏi trong bài thơ *Ông đồ* (Vũ Đình Liên) và cho biết tác giả sử dụng những câu hỏi đó để biểu thị điều gì. Bài tập này cũng giúp HS rèn luyện kĩ năng phân tích tác dụng của câu hỏi tu từ (kiểu câu hỏi nhằm mục đích biểu cảm). GV nên cho HS làm việc theo nhóm để thực hiện bài tập này.

2. Gợi ý tổ chức dạy thực hành tiếng Việt

Hoạt động 1. Xác định, phân tích tác dụng của biện pháp tu từ tương phản ở hai khổ thơ đầu trong bài thơ *Mẹ* (Đỗ Trung Lai)

Bài tập 1. GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu:

– Chỉ ra cách bố trí các dòng thơ thành từng cặp có sự tương phản (trái ngược) về nghĩa trong hai khổ thơ đầu của bài thơ *Mẹ* (Đỗ Trung Lai): Ở hai khổ thơ đầu, các dòng thơ được bố trí thành cặp (1 – 2, 3 – 4, 5 – 6, 7 – 8), các dòng trong từng cặp có sự tương phản (trái ngược) nhau về nghĩa. Sự tương phản về nghĩa này được thể hiện ở cả bộ phận chủ ngữ (các sự vật đối lập: *mẹ / lưng mẹ – cau*) lẫn bộ phận vị ngữ (các đặc điểm đối lập: *còng – thẳng, xanh rờn – bạc trắng, cao – thấp, gần với trời – gần với đất*).

– Nêu tác dụng của cách bố trí trên đây: Cách bố trí các dòng thơ thành từng cặp có sự tương phản về nghĩa như trên đây vừa có tác dụng miêu tả, vừa có tác dụng biểu cảm. Với cách bố trí này, tác giả đã thể hiện một cách chân thực, đậm nét hình ảnh người mẹ đã cao tuổi của mình; đồng thời, qua đó, biểu lộ nỗi xót xa, thương cảm sâu sắc khi nhận thấy sức khỏe ngày càng hao mòn, suy kiệt của người mẹ.

Hoạt động 2. Phân tích tác dụng miêu tả, biểu cảm của biện pháp tu từ so sánh

Bài tập 2. GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: nêu tác dụng miêu tả, biểu cảm của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong khổ thơ thứ tư ở bài thơ *Mẹ* của Đỗ Trung Lai (*Một miếng cau khô / Khô gầy như mẹ / Con nâng trên tay / Không cảm được lệ*):

– Tác dụng miêu tả: Việc so sánh *miếng cau khô (đã kiệt nước, quắt lại)* với *mẹ* đã làm nổi rõ thể trạng của người mẹ: *gầy đến mức người nhỏ hẳn lại, sức sống đã suy kiệt*.

– Tác dụng biểu cảm: Qua biện pháp tu từ so sánh trên đây, tác giả biểu lộ sự xúc động, niềm thương cảm sâu sắc đối với người mẹ đã cao tuổi và rất gầy yếu của mình. Sự xúc động, niềm thương cảm sâu sắc ấy biểu hiện qua những dòng nước mắt không sao kìm nén được.

Hoạt động 3. Phân tích tác dụng của câu hỏi tu từ (câu hỏi nhằm biểu cảm)

Bài tập 3. GV hướng dẫn HS phân tích tác dụng của câu hỏi (*Sao mẹ ta già?*) ở khổ thơ cuối của bài thơ *Mẹ* (Đỗ Trung Lai) đối với việc thể hiện tình cảm của tác giả.

Để thực hiện bài tập này, GV cần hướng dẫn để HS hiểu:

– Câu hỏi (câu nghi vấn) thường được dùng với mục đích tìm kiếm thông tin, tức là đòi hỏi câu trả lời. Tuy nhiên, cũng có những trường hợp câu có đặc điểm hình thức của câu hỏi nhưng không được dùng để hỏi mà được dùng với những mục đích khác (như cầu khiến, biểu cảm,...).

– Câu hỏi (*Sao mẹ ta già?*) ở khổ thơ cuối trong bài thơ *Mẹ* (Đỗ Trung Lai) mặc dù có đặc điểm hình thức của câu hỏi nhưng không được dùng để hỏi mà được dùng với mục đích biểu cảm. Qua câu hỏi này, tác giả muốn biểu lộ tình cảm đau đớn, xót xa của người con trước hình ảnh người mẹ đã cao tuổi, gần đất xa trời của mình.

Hoạt động 4. Tìm các câu hỏi trong bài thơ *Ông đồ* (Vũ Đình Liên) và cho biết mục đích sử dụng các câu hỏi đó

Bài tập 4. GV hướng dẫn HS lần lượt thực hiện các yêu cầu:

– Tìm các câu hỏi trong bài thơ *Ông đồ* (Vũ Đình Liên): Trong bài thơ này có hai câu hỏi: *Người thuê viết nay đâu?* (ở khổ 3); *Những người muôn năm cũ / Hồn ở đâu bây giờ?* (ở khổ cuối).

– Xác định mục đích sử dụng các câu hỏi: Mặc dù có đặc điểm hình thức của câu hỏi nhưng những câu hỏi trên đây không nhằm mục đích tìm kiếm thông tin (không phải hỏi để được trả lời) mà nhằm thể hiện tư tưởng, tình cảm của tác giả: *nỗi buồn trước tình cảnh của nền Nho học đã tàn lụi và sự cảm thương sâu sắc đối với lớp người cũ (những “ông đồ”) trước tình cảnh đó.*

V. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẢN THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

Văn bản

Tiếng gà trưa

(XUÂN QUỲNH)

1. Lưu ý

Xem lại mục *Lưu ý* khi dạy đọc hiểu văn bản *Mẹ* (Đỗ Trung Lai) và *Ông đồ* (Vũ Đình Liên) ở trên. Ngoài ra, cần xem lại cách hướng dẫn HS thực hành đọc hiểu ở các bài học về thơ trong SGK *Ngữ văn 6*.

2. Gợi ý tổ chức dạy thực hành đọc hiểu

Hoạt động 2. Đọc và kiểm tra việc đọc văn bản của HS

GV dựa vào các nội dung nêu ở cột bên phải văn bản để kiểm tra việc đọc ở nhà của HS. Hoặc yêu cầu HS đọc lại văn bản và lưu ý HS quan sát, suy nghĩ các câu hỏi ở cột bên phải.

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

Có thể chia nhóm tìm hiểu bốn câu hỏi trong SGK, sau đó trao đổi và nhận xét.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Cảm xúc nào xuyên suốt bài thơ <i>Tiếng gà trưa</i> ? Cảm xúc đó được khơi gợi từ điều gì? Em hiểu người xưng “cháu” trong bài thơ là ai?	– Bài thơ thể hiện nỗi nhớ của người cháu đối với bà. – Cảm xúc đó được khơi gợi từ tiếng gà nhảy ổ trong một buổi trưa khi người cháu hành quân qua một xóm nhỏ. – Người xưng “cháu” trong bài thơ là người chiến sĩ.
Câu 2. Dòng thơ “Tiếng gà trưa” được lặp lại mấy lần trong bài thơ? “Tiếng gà trưa” đã khơi gợi ở người cháu những hình ảnh và kỉ niệm gì của tuổi thơ? Em ấn tượng với hình ảnh hoặc kỉ niệm nào nhất? Vì sao?	– Dòng thơ “Tiếng gà trưa” được lặp lại 3 lần trong bài thơ. – “Tiếng gà trưa” đã khơi gợi ở người cháu những hình ảnh và kỉ niệm của tuổi thơ: + Hình ảnh những con gà mái mơ, mái vàng và ổ trứng hồng. + Hình ảnh người bà với lòng yêu thương, vất vả chăm lo cho cháu. + Niềm vui và mong ước của tuổi thơ: có được bộ quần áo mới từ tiền bán gà của bà. – HS tự xác định hình ảnh hoặc kỉ niệm em có ấn tượng và giải thích lí do.
Câu 3. Người bà hiện lên qua những hình ảnh, chi tiết nào? Qua đó, em có cảm nhận như thế nào về người bà và những tình cảm người cháu dành cho bà?	– Người bà hiện lên qua những hình ảnh, chi tiết: <i>Tay bà khuôn soi trứng / Dành từng quả chắt chiu / Cho con gà mái ấp; Khi gió mùa đông tới / Bà lo đàn gà to / Mong trời đừng sương muối / Để cuối năm bán gà / Cháu được quần áo mới.</i> – Qua đó, hình ảnh bà hiện lên với những phẩm chất tốt đẹp: + Tàn tảo, chắt chiu trong cảnh nghèo. + Chăm lo và dành trọn vẹn tình yêu thương cho cháu. – Tình cảm người cháu dành cho bà: nhớ bà, yêu thương, kính trọng và biết ơn bà.
Câu 4. Theo em, vì sao chúng ta luôn nghĩ về những người thân trong gia đình mỗi khi xa nhà hoặc gặp khó khăn?	Người thân sẽ luôn là chỗ dựa tinh thần cho mỗi chúng ta khi chúng ta xa nhà hoặc gặp khó khăn trong cuộc sống.

VI. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẦN VIẾT

1. Lưu ý

Phần *Viết* của bài học này có hai nội dung:

- Hướng dẫn HS tập làm thơ bốn chữ, năm chữ.
- Hướng dẫn HS viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.

Mỗi nội dung trên có hai mục: *Định hướng* và *Thực hành*. GV có thể dạy mỗi nội dung 1,5 tiết hoặc hướng dẫn HS tập làm thơ bốn chữ, năm chữ trong 1 tiết, hướng dẫn HS tập viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ trong 2 tiết.

2. Gợi ý tổ chức dạy viết

Tập làm thơ bốn chữ, năm chữ

Hoạt động 1. Định hướng

GV tổ chức cho HS tìm hiểu mục *Định hướng* trong SGK qua hai nội dung:

- Yêu cầu HS xem lại phần *Kiến thức ngữ văn*; đọc lại các bài thơ bốn chữ, năm chữ vừa học trong bài này và các bài *Lượm*, *Đêm nay Bác không ngủ* đã học ở lớp 6 để nhận diện thơ bốn chữ, năm chữ.

- Lưu ý HS khi làm bài thơ bốn chữ, năm chữ cần chú ý cách gieo vần trong bài thơ hoặc khổ thơ. Một bài thơ có thể có nhiều vần.

Hoạt động 2. Thực hành

GV tổ chức cho HS làm các bài thực hành trong SGK theo gợi ý sau đây:

Bài tập a): GV cho HS làm việc theo cặp.

Bài tập b): GV cho HS làm việc cá nhân theo quy trình đã hướng dẫn (*chuẩn bị* → *viết bài thơ* → *kiểm tra và chỉnh sửa*). Sau khi HS làm xong, GV yêu cầu HS đọc bài thơ đã viết và nhận xét.

Tuỳ thuộc vào điều kiện, phương tiện dạy và học, GV có thể cho HS viết tay hoặc tạo lập văn bản trên máy tính.

Có thể dạy HS tập làm thơ bốn chữ, năm chữ theo hình thức dạy học dự án, lấy sản phẩm HS đã làm được để chấm điểm.

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ

Hoạt động 1. Định hướng

GV tổ chức cho HS tìm hiểu mục *Định hướng* trong SGK bằng cách đọc nội dung của mục này, sau đó, HS nêu những thắc mắc và GV giải đáp (nếu có).

Hoạt động 2. Thực hành

GV tổ chức cho HS làm bài tập thực hành trong SGK theo quy trình bốn bước đã nêu.

GV có thể thu bài của HS để chăm lấy điểm đánh giá thường xuyên.

VII. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẢN NÓI VÀ NGHE

Trao đổi về một vấn đề

1. Lưu ý

Bài học này giúp HS biết cách trao đổi về một vấn đề trong đời sống hoặc trong văn học.

2. Gợi ý tổ chức dạy nói và nghe

Hoạt động 1. Định hướng

GV yêu cầu HS đọc trước mục *Định hướng* ở nhà, ghi lại những thắc mắc về nội dung đã đọc để trao đổi với GV và các bạn.

Trên lớp, GV tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận để tổng kết lại cách trao đổi về một vấn đề trong đời sống hoặc trong văn học.

Hoạt động 2. Thực hành

SGK cung cấp bài tập để HS thực hành nói và nghe. Cũng như ở phần *Viết*, ngoài bài tập này, GV có thể tìm thêm hoặc thay thế bằng bài tập khác cho phù hợp với nhu cầu, khả năng của HS lớp mình.

Quy trình thực hành nói – nghe diễn ra như sau:

- (1) GV nêu bài tập.
- (2) HS làm việc (cá nhân, cặp đôi hoặc nhóm) theo gợi ý của các mục *a) Chuẩn bị, b) Tìm ý và lập dàn ý, c) Nói và nghe và d) Kiểm tra và chỉnh sửa* trong SGK.
- (3) GV nhận xét hoặc tổ chức cho HS nhận xét bài nói của nhau, rút kinh nghiệm về cách trao đổi về một vấn đề trong đời sống hoặc trong văn học.

VIII. HƯỚNG DẪN PHẢN TỰ ĐÁNH GIÁ

Gợi ý đáp án và trả lời các câu hỏi, bài tập trong SGK:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đáp án	B	C	C	A	A	D	B	C	D

Câu 10. HS tự làm.

Bài 3

TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học

– Về yêu cầu đọc hiểu, SGK chỉ nêu rất khái quát: “Nhận biết được một số yếu tố hình thức (sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, bối cảnh,...) và nội dung (đề tài, chủ đề và ý nghĩa) của truyện khoa học viễn tưởng.”. Khi soạn bài và hướng dẫn HS đọc, GV cần cụ thể hoá yêu cầu ấy gắn với các văn bản truyện khoa học viễn tưởng. Ví dụ: Các yếu tố hình thức và nội dung nêu trên được thể hiện cụ thể trong mỗi văn bản đọc hiểu ở bài này như thế nào? Tham khảo phần *Kiểm thức ngữ văn* của bài này để vận dụng vào từng văn bản đọc hiểu.

– Về yêu cầu viết, Bài 3 tập trung viết kiểu văn bản biểu cảm, cụ thể: “Viết được bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc.”. Cũng như các bài khác, hoạt động rèn luyện viết gắn với đọc hiểu, vì thế yêu cầu ở phần này, HS cần biết ưu tiên khuyến khích việc viết bài văn biểu cảm về các sự việc, nhân vật có trong các văn bản truyện khoa học viễn tưởng được học trong bài.

– Về yêu cầu nói và nghe: “Biết thảo luận nhóm về một vấn đề còn gây tranh cãi.”. Nội dung, yêu cầu nói và nghe cũng liên quan đến đọc hiểu và viết. Ở bài này, phần *Nói và nghe* gắn với nội dung đọc hiểu, xuất phát từ một vấn đề của đọc hiểu để tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận. Nói và nghe khác viết ở phương tiện trình bày: ở tiết học nói và nghe là bằng ngôn ngữ nói (khác ngôn ngữ viết). Ngoài ra, nói và nghe còn phải kết hợp được giữa kĩ thuật nói – nghe và thái độ, tình cảm khi nghe – nói, kết hợp giữa lời nói và các phương tiện (kể cả phương tiện phi lời).

– Về tiếng Việt, yêu cầu: “Nhận biết và vận dụng được số từ, phó từ trong đọc hiểu, viết, nói và nghe có hiệu quả.”. Yêu cầu này được thực hiện ở cả khi dạy các

kĩ năng đọc hiểu, viết, nghe, nói và cả tiết học dành riêng cho nội dung tiếng Việt này. Tất cả đều theo yêu cầu tích hợp.

2. Góp phần phát triển phẩm chất và năng lực chung

Như đã nêu ở *Phần một*, các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được hình thành và phát triển thông qua các năng lực môn học; gắn với nội dung cụ thể của bài học. Các văn bản đọc hiểu về truyện khoa học viễn tưởng trong bài này như *Bạch tuộc*, *Chất làm gì*, *Nhật trình Sol 6*, *Một trăm dặm dưới mặt đất* đều tập trung vào chủ đề ngợi ca những con người có ý tưởng khoa học táo bạo; lòng dũng cảm, tình yêu thiên nhiên, thích khám phá, thích tưởng tượng và sáng tạo,... Vì thế, chỉ cần dạy tốt phần *Đọc hiểu văn bản* là đã góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung này.

II. KIẾN THỨC NGŨ VĂN

Phần này HS đọc ở nhà. Tuy vậy, trong quá trình dạy đọc hiểu văn bản, GV cần hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu các kiến thức ngữ văn đã có trong SGK với một số lưu ý:

– Các kiến thức về *sự kiện*, *tình huống*, *cốt truyện*, *nhân vật*, *bối cảnh*,..., *đề tài*, *chủ đề* và *ý nghĩa* của truyện khoa học viễn tưởng sẽ được làm sáng tỏ qua các văn bản ở tiết đọc hiểu truyện khoa học viễn tưởng trong Bài 3 này. GV cần lưu ý đây là kiến thức cho HS lớp 7 nên chỉ dừng lại ở cách hiểu chung, cơ bản, đơn giản,...; không nên “nhồi nhét” thêm cho HS những nội dung cao hơn, sâu hơn về các đơn vị kiến thức này theo hiểu biết và trình độ của GV.

– Những kiến thức tiếng Việt về *số từ*, *phó từ* vừa thực hành vận dụng trong tiết đọc hiểu, vừa dành một tiết cho nội dung luyện tập riêng. Ở tiết tiếng Việt này, GV không dạy lí thuyết mà chỉ thông qua thực hành làm các bài tập. HS cần đọc và dựa vào các kiến thức về *số từ*, *phó từ* nêu ở phần *Kiến thức ngữ văn* để làm các bài tập được tích hợp trong phần đọc hiểu, giúp củng cố và hiểu sâu hơn những kiến thức ấy.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẦN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (trọng tâm)

1. Lưu ý

– Truyện khoa học viễn tưởng đã có từ lâu, nhưng lần đầu tiên được đưa vào học chính thức trong nhà trường phổ thông như một thể loại truyện cần dạy cho HS cách đọc. Vì thế, khi dạy bài này, GV cần chú ý hai yêu cầu quan trọng của tiết đọc hiểu: một là giúp HS tìm hiểu và nhận biết được vẻ đẹp về nội dung, nghệ thuật cụ thể của các văn bản truyện khoa học viễn tưởng được học trong bài này

như *Bạch tuộc*, *Chất làm gì*, *Nhật trình Sol 6*,...; hai là biết cách đọc hiểu một truyện khoa học viễn tưởng dựa vào một số đặc điểm thể loại nổi bật. Cụ thể là:

+ Những yếu tố nào của văn bản cho biết tính chất tương tượng về một tương lai rất xa so với thời điểm tác phẩm ra đời?

+ Những yếu tố nào cho thấy người viết có những hiểu biết và dựa vào những thành tựu của khoa học – công nghệ, không có các yếu tố thần kì, siêu nhiên như truyện truyền thuyết, cổ tích?

Để tìm hiểu thêm về thể loại truyện, tiểu thuyết khoa học viễn tưởng, GV có thể lên mạng đọc, tìm hiểu, tham khảo và ghi chép lại các thông tin cần thiết. Chỉ cần vào Internet, dùng công cụ tìm kiếm với cụm từ “truyện khoa học viễn tưởng” là sẽ có rất nhiều tư liệu về thể loại này. GV lựa chọn những tư liệu có nguồn đáng tin cậy để đọc và thu thập thông tin có ích cho bài dạy này, đồng thời, hướng dẫn HS cách tìm các tư liệu ấy.

– Tiểu thuyết *Hai vạn dặm dưới đáy biển* của Giuyn Véc-nơ là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất về truyện khoa học viễn tưởng của một nhà văn được xem là ông tổ của thể loại này. GV cần đọc cả cuốn tiểu thuyết này và tìm hiểu thêm về tác giả qua các phương tiện khác nhau, thuận tiện nhất là qua Internet. Việc vào các nguồn tài nguyên tìm hiểu tư liệu, không chỉ giúp GV thu thập các thông tin để phục vụ trực tiếp cho bài giảng mà còn biết cách để hướng dẫn HS truy cập, thu thập, phân tích, phân loại, lựa chọn và đánh giá các thông tin thu được.

– Tác phẩm *Chất làm gì* của tác giả Rây Brét-bơ-ry – nhà văn nổi tiếng về truyện khoa học viễn tưởng của Mỹ; đã được nhận các giải thưởng Franh-kin (Franklin) và O Hen-ry (O Henry) cho các truyện ngắn. Đây là một văn bản cũng thể hiện rõ đặc điểm của thể loại truyện khoa học viễn tưởng. Nội dung và ý tưởng của truyện rất độc đáo và đầy tính nhân văn: muốn thế giới không còn chiến tranh với việc huỷ hoại hết tất cả các loại vũ khí quân sự, bằng cách tạo ra chất làm gì, ăn mòn và làm tan chảy sắt thép. Cách dựng tình huống truyện của tác giả cũng rất hấp dẫn, bắt ngờ.

– *Nhật trình Sol 6* là một đoạn trích trong cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng *Người về từ Sao Hoả* của tác giả En-đi Uya. Cuốn sách đã được chuyển thể thành phim khoa học viễn tưởng rất nổi tiếng trong những năm qua. Tác phẩm này cũng có đầy đủ trên mạng Internet, GV cần đọc toàn bộ để nắm vững nội dung và hướng dẫn HS đọc văn bản này tốt hơn.

Có thể thấy, bài học này xoay quanh các đề tài nổi bật của thể loại truyện khoa học viễn tưởng. Đó là thám hiểm, chinh phục đáy biển, đại dương (*Bạch tuộc*);

chinh phục khoảng không vũ trụ, bầu trời (*Nhật trình Sol 6*); khám phá bí ẩn trong lòng đất (*Một trăm dặm dưới mặt đất*); dùng khoa học vào mục đích hoà bình (*Chất làm gi*).

– Bài học trong SGK được thiết kế theo hướng tích hợp và có nội dung khá lớn.

Thời lượng mỗi bài là 12 tiết; trong đó, phần *Đọc hiểu* bài này là 7 – 8 tiết, gồm cả 1 tiết *Thực hành tiếng Việt*. GV cần vận dụng linh hoạt, tuỳ vào đối tượng HS lớp mình dạy để phân bổ thời gian một cách hợp lý giữa các bài đọc hiểu chính (*Bạch tuộc*, *Chất làm gi*) và bài thực hành đọc hiểu (*Nhật trình Sol 6*); phần *Tự đánh giá* có thêm đoạn trích *Một trăm dặm dưới mặt đất*, nằm giữa là phần *Viết, Nói và nghe*. Nếu dành nhiều thời gian cho đọc hiểu chính thì bớt tiết ở thực hành đọc hiểu và ngược lại.

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

Văn bản 1

Bạch tuộc

(GIUYN VÉC-NƠ)

Để tổ chức các hoạt động dạy đọc hiểu cho văn bản này, GV cần chú ý dẫn HS chuẩn bị bài trước theo hướng dẫn trong SGK như:

- Đọc văn bản *Bạch tuộc* ở nhà.
- Đọc phần *Yêu cầu cần đạt* và *Kiến thức ngữ văn*.
- Đọc và tìm hiểu các nội dung nêu ở mục *Chuẩn bị*.

Hoạt động 1. Khởi động

Dựa vào mục *Chuẩn bị* đã nêu trong SGK, GV có thể bắt đầu bài học bằng nhiều cách khác nhau. Nhìn chung, nhiệm vụ của hoạt động khởi động hướng tới:

– Tạo không khí cho tiết học (kể chuyện, chiếu video clip, tranh, ảnh, bài hát,...).

– Huy động kiến thức nền của HS về đề tài sẽ học (nêu câu hỏi).

– Giới thiệu bài học (dẫn dắt, nêu vấn đề, giới thiệu).

Với bài này, GV có thể tham khảo cách khởi động bài học như sau:

– Cách 1: GV nêu câu hỏi: “Em nào đã đọc văn bản *Bạch tuộc* trong SGK? Truyện kể về ai, về sự kiện gì? Nhân vật nào để lại cho em ấn tượng nhiều nhất? Vì sao?”.

+ Một số HS trả lời, nội dung có thể khác nhau. Ý chính cần chốt lại: “Truyện *Bạch tuộc* có nhiều nhân vật. Trong đó, nhân vật thuyền trưởng Nê-mô là nhân vật nổi bật.”.

+ Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài: “Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu nội dung và khám phá những điều thú vị trong văn bản *Bạch tuộc*, trích từ tác phẩm *Hai vạn dặm dưới đáy biển* rất nổi tiếng của nhà văn Pháp Giuy-n Véc-nơ.”.

– Cách 2: GV nêu câu hỏi: “Các em đã từng đọc truyện khoa học viễn tưởng chưa? Hãy nhớ và kể tên một truyện mà em đã biết, đã đọc.”.

+ HS phát biểu, trả lời.

+ GV dẫn dắt vào bài: “Em có những hiểu biết gì về truyện khoa học viễn tưởng? Tại sao lại gọi là “khoa học viễn tưởng”? Chúng ta sẽ tìm được các câu trả lời ấy sau khi đọc hiểu truyện *Bạch tuộc* trích từ tác phẩm *Hai vạn dặm dưới đáy biển* rất nổi tiếng của nhà văn Pháp Giuy-n Véc-nơ.”.

– Cách 3: GV chiếu trên màn hình hoặc treo tranh, ảnh lớn về cảnh biển cả, những con tàu ngầm, những con bạch tuộc, cá voi, cá nhà táng,... hoặc những người thợ lặn đang thám hiểm dưới đáy biển,... (những hình ảnh này đều có trên các trang Internet giới thiệu về tác phẩm *Hai vạn dặm dưới đáy biển*).

Từ đó, GV dẫn vào bài học: “Biển cả luôn là một thế giới bí ẩn, kêu gọi con người khám phá, chinh phục,... Không phải chỉ bây giờ mà hàng trăm năm trước, nhà văn Véc-nơ đã nói lên khát vọng ấy bằng tiểu thuyết *Hai vạn dặm dưới đáy biển*. Học đoạn trích *Bạch tuộc*, chúng ta sẽ hiểu điều đó.”.

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

Tổ chức cho HS đọc văn bản, tìm hiểu tác phẩm và những điểm cần lưu ý khi đọc văn bản truyện khoa học viễn tưởng.

– GV yêu cầu HS đọc hoặc kiểm tra việc đọc văn bản ở nhà bằng cách nêu nhiệm vụ:

+ Trình bày lại phần tóm tắt nội dung tác phẩm *Hai vạn dặm dưới đáy biển* đã nêu trong SGK, mục *Chuẩn bị*.

+ Nêu những từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng, điển tích,... khó, cần chú ý và giải thích.

+ Đọc diễn cảm một số đoạn văn.

– GV cũng có thể dựa vào một số câu gợi ý ở bên phải văn bản để kiểm tra việc đọc của HS. Ví dụ: *Hình dung con bạch tuộc qua lời miêu tả của nhân vật “tôi”; Chuyện gì xảy ra với con tàu?... Từ đó, lưu ý HS vì sao khi đọc cần chú ý các gợi ý ở bên phải.*

– GV: Trước khi đọc hiểu văn bản, các em cần lưu ý về truyện khoa học viễn tưởng mà SGK đã nêu lên trong mục *Chuẩn bị* (gọi 1 HS nêu hoặc đọc mục này).

– HS nêu câu trả lời.

– GV chốt lại những điểm cần lưu ý khi đọc truyện khoa học viễn tưởng:

+ Tác giả viết về ai, về sự kiện (đề tài) gì?

+ Những yếu tố nào của văn bản cho biết tính chất tương tượng về một tương lai rất xa so với thời điểm tác phẩm ra đời?

+ Những yếu tố nào cho thấy người viết có những hiểu biết và dựa vào những thành tựu của khoa học, không có các yếu tố thần kì, siêu nhiên như truyện truyền thuyết, cổ tích?

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

Đây là hệ thống câu hỏi trong SGK và các nội dung cần lưu ý. GV lựa chọn, kết hợp bổ sung các câu hỏi khác nếu thấy cần thiết và phù hợp với đối tượng HS.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Đoạn trích <i>Bạch tuộc</i> kể về sự kiện gì? Theo em, tình huống nào trong văn bản được mô tả hấp dẫn nhất?	– Có thể thấy, văn bản tuy dài nhưng chỉ tập trung vào sự kiện chính là: Đoàn thủy thủ tàu No-ti-lôt gặp đàn bạch tuộc khổng lồ và cuộc chiến đấu ác liệt đã xảy ra. – Tình huống hấp dẫn nhất chính là cuộc chiến đấu gay cấn giữa đoàn thủy thủ và những con bạch tuộc.
Câu 2. Nêu ra một số chi tiết cho thấy trí tưởng tượng rất phong phú của nhà văn về bạch tuộc.	Trong truyện có nhiều chi tiết, nhưng cần chú ý các chi tiết cho thấy trí tưởng tượng của nhà văn về bạch tuộc rất phong phú. Có thể nêu ra các chi tiết như: – Các chi tiết miêu tả những con bạch tuộc khổng lồ: dài chừng sáu mét, trên đầu có tám vòi, ngo ngoáy trong nước biển như một bầy rắn; hai hàm rất giống mõ vẹt, nhưng lớn hơn nhiều;... – Các chi tiết miêu tả cuộc chiến đấu ác liệt giữa đoàn thủy thủ và những con bạch tuộc: “Lập tức, một cái vòi dài vươn xuống dưới thang như một con rắn, còn độ hai chục vòi nữa thì ngoằn ngoèo ở phía trên. Thuyền trưởng Nê-mô lấy riu chặt đứt phẳng cái vòi khủng khiếp đó khiến nó lặn xuống. Trong khi chúng tôi cố mở đường lên boong thì hai cái vòi khác lao tới một thủy thủ đứng trước Nê-mô rồi nhấc bổng anh ta lên.”; “Con quái vật có tám vòi thì bảy vòi đã bị chặt đứt. Cái vòi còn lại vẫn quấn chặt người thủy thủ và ngoe nguẩy trên không. Khi Nê-mô và viên thuyền phó vừa lao tới thì quái vật liền phun ra một chất lỏng màu đen. Chúng tôi lập tức bị tối tăm mặt mũi chẳng nhìn thấy gì.”...

Câu 3. Những chi tiết nào trong văn bản <i>Bạch tuộc</i> cho thấy người viết có những hiểu biết dựa vào thành tựu của khoa học?	Dẫn ra các chi tiết liên quan đến hiểu biết dựa vào thành tựu của khoa học như: những hiểu biết về biển, về địa lí, về cơ khí, máy móc, về các loài sinh vật biển, nhất là về bạch tuộc, những sinh vật thân mềm (“Những viên đạn có điện khí xuyên vào thân bạch tuộc mềm không thể nổ được vì không gặp đủ sức cản.”),...
Câu 4. Lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội được thể hiện trong câu chuyện như thế nào?	– Đây là nội dung thể hiện tập trung nhất ở đoạn cuối văn bản – đoạn miêu tả cuộc chiến đấu chống lại những con bạch tuộc khổng lồ. – Phân tích lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội qua một số chi tiết, hình ảnh cụ thể trong đoạn trích. Chú ý, nhân vật tiêu biểu nhất là thuyền trưởng Nê-mô. Có thể dựa vào một số chi tiết như: + Lòng dũng cảm và tinh thần đồng đội: • <i>Lập tức, một cái vôi dài trườn xuống dưới thang như một con rắn, còn độ hai chục vôi nữa thì ngoằn ngoèo ở phía trên. Thuyền trưởng Nê-mô lấy riu chặt đứt phăng cái vôi khủng khiếp đó khiến nó lặn xuống.</i> • <i>Cảnh tượng thật đáng sợ! Người thủy thủ khốn khổ bị vôi bạch tuộc quấn chặt, đang chơi vơi trên không. [...] Nhưng Nê-mô đã xông đến và chặt đứt luôn cái vôi. Viên thuyền phó, các thủy thủ và ba người chúng tôi cũng dùng vũ khí chiến đấu quyết liệt với những con bạch tuộc khác đang bò trên thành tàu.</i> • <i>Tuy vậy, khi anh bạn dũng cảm của tôi chưa kịp quay lại thì đã bị một đôi thủ dùng vôi quật ngã. Cái mỏ đáng sợ của quái vật đã há hốc ra ở phía trên Nét. Tôi lao tới cứu anh ta. Nhưng Nê-mô đã đến trước tôi. Lưỡi riu của Nê-mô cắm phập vào mồm quái vật.</i> + Tình yêu thương: <i>Thuyền trưởng Nê-mô, mình nhướn đầy máu, đứng lặng người bên chiếc đèn pha mà nhìn xuống biển cả vừa mất mắt một người đồng hương của mình. Mắt Nê-mô ứa lệ.</i>
Câu 5. Nhân vật nào trong đoạn trích <i>Bạch tuộc</i> để lại cho em nhiều ấn tượng nhất? Hãy miêu tả (khoảng 4 – 5 dòng) hoặc vẽ trên giấy chân dung nhân vật này.	– GV yêu cầu HS tự xác định ấn tượng của riêng mình về các nhân vật; sau đó, thể hiện ấn tượng ấy bằng cách vẽ hoặc miêu tả bằng lời về nhân vật ấy. – Khuyến khích HS có những suy nghĩ và cách trình bày sáng tạo. Cần lưu ý HS, trong văn bản này, bạch tuộc cũng được coi là “nhân vật”.

Câu 6. Từ câu chuyện trên, em rút ra bài học gì khi gặp những tình huống khó khăn và thử thách nguy hiểm trong cuộc sống?

- GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm (lớn hoặc nhỏ), sau đó trình bày và trao đổi, rút ra kết luận.
- Chú ý: Những liên hệ vận dụng cần trung thực, gần gũi với cuộc sống của HS.

Hoạt động 4. Tổng kết

GV yêu cầu HS nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và nghệ thuật theo nhận thức của HS. GV có thể nêu ý kiến của mình nhằm khái quát và tổng hợp đầy đủ hơn, sâu sắc hơn:

– Về nội dung: HS có thể nêu lên bằng nhiều cách, miễn là tập trung vào ý chính: đề cao lòng dũng cảm; ca ngợi tinh thần đồng đội và tình yêu thương, sự gắn bó, chia sẻ trong khó khăn, nguy hiểm;...

– Về nghệ thuật: cách kể chuyện hấp dẫn, cốt truyện đơn giản nhưng được miêu tả rất sinh động nhờ trí tưởng tượng phong phú của nhà văn; tuy không sử dụng các chi tiết thần kì, siêu nhiên như truyện truyền thuyết, cổ tích,... nhưng vẫn tạo được bối cảnh và tình huống độc đáo, gay cấn, nhằm tô đậm tính cách nhân vật,...

GV nêu những lưu ý về cách / chiến thuật đọc văn bản theo thể loại hoặc kiểu văn bản mà HS cần chú ý: “Khi đọc truyện khoa học viễn tưởng cần chú ý những gì?”.

GV hướng dẫn HS đọc mở rộng và chuẩn bị bài tiếp theo: Đọc trước truyện *Chất làm gì* (Brét-bơ-ry) và tìm hiểu theo mục *Chuẩn bị* trong bài đọc ấy.

Văn bản 2

Chất làm gì

(RÂY BRÉT-BƠ-RY)

Tổ chức các hoạt động dạy đọc hiểu cho văn bản này cũng tương tự đọc hiểu văn bản *Bạch tuộc*, từ các điều kiện đến các hoạt động trên lớp. Tuy nhiên, GV cần lưu ý thêm một số điểm sau.

Hoạt động 1. Khởi động

Dựa vào mục *Chuẩn bị* đã nêu trong SGK, GV có thể bắt đầu bài học bằng nhiều cách khác nhau. Có thể khởi động bài học này bằng cách:

– GV yêu cầu HS nhắc lại những điểm cần chú ý khi đọc truyện khoa học viễn tưởng sau khi đã học văn bản *Bạch tuộc*.

– GV yêu cầu HS nêu những truyện khoa học viễn tưởng mà HS đã học, đã đọc; truyện khoa học viễn tưởng mà em thích nhất.

– GV nêu vấn đề: “Em hiểu gì về chiến tranh? Chiến tranh đã gây ra những hậu quả như thế nào?”.

+ HS trả lời, nêu những hậu quả của chiến tranh.

+ GV dẫn dắt vào bài: “Vì thế, nhân loại tiến bộ ai cũng yêu hoà bình, không muốn có chiến tranh. Mong ước đó được thể hiện qua những tác phẩm văn học, trong đó có truyện khoa học viễn tưởng *Chất làm gỉ*. Chúng ta cùng tìm hiểu câu chuyện về ước mơ ấy.”.

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

Tổ chức cho HS đọc văn bản; tìm hiểu truyện khoa học viễn tưởng và những điểm cần lưu ý khi đọc văn bản thể loại truyện này; thực hiện như đọc văn bản *Bạch tuộc*. Tổ chức kiểm tra việc đọc ở nhà của HS bằng cách yêu cầu tóm tắt câu chuyện hoặc hỏi một số thông tin nêu trong cột bên phải văn bản. Từ đó, cho HS đọc lại một số đoạn văn bản và hướng dẫn HS theo các chủ ý về kĩ thuật đọc đã nêu ở cột bên phải. Cần chú ý yêu cầu HS phải được đọc văn bản dù ở nhà hay trên lớp.

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

a) Cũng như văn bản *Bạch tuộc*, SGK đã nêu lên các câu hỏi cốt lõi nhằm giúp HS tìm hiểu, khám phá văn bản tác phẩm theo ba mức độ. GV cần tổ chức cho HS tìm hiểu văn bản qua 6 câu hỏi của bài đọc hiểu. Tùy vào thời gian (có thể 2 – 3 tiết) để phân chia nhóm, cặp cùng bàn hoặc hoạt động cá nhân để tìm hiểu các lớp câu hỏi nêu trên với 3 bước:

– GV nêu nhiệm vụ.

– HS làm việc.

– Tiến hành trao đổi, thảo luận.

b) Sau đây là một số điểm cần lưu ý về nội dung các câu hỏi để GV tham khảo trong khi tổ chức cho HS đọc hiểu văn bản *Chất làm gỉ*.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Truyện kể về sự kiện gì? Có những nhân vật nào? Ai là nhân vật chính?	Đây là câu hỏi nhằm yêu cầu HS đọc văn bản, nắm được các thông tin bề nổi, dễ thấy, dễ kiểm soát,... Truyện kể về viên trung sĩ chế ra “chất làm gỉ” có thể phá hủy vũ khí kim loại để ngăn chặn chiến tranh. Truyện có nhiều nhân vật nhưng hai nhân vật chính là ông đại tá và viên trung sĩ – người nghĩ ra “chất làm gỉ”.

Câu 2. Em hiểu “chất làm gỉ” là gì? Ý tưởng về “chất làm gỉ” của viên trung sĩ dựa trên cơ sở nào? Đoạn văn nào trong văn bản <i>Chất làm gỉ</i> nêu lên những kiến thức khoa học liên quan đến ý tưởng ấy?	– Dựa vào văn bản, có thể hiểu: “chất làm gỉ” là chất làm cho các vật, nhất là kim loại, bị hoen gỉ, mục nát, hư hỏng, trở nên vô dụng.... – Ý tưởng “chất làm gỉ” ấy có cơ sở khoa học: “gỉ là sản phẩm được tạo ra trên bề mặt của kim loại hay hợp kim do tác động của khí quyển hay môi trường chứa chất oxi hoặc khí ẩm nóng trong không khí. Gỉ làm giảm chất lượng bề mặt và hao mòn kim loại...” (Từ điển bách khoa Việt Nam, tập 2, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2002). – Yêu cầu HS dẫn ra đoạn văn nêu lên những kiến thức khoa học liên quan đến ý tưởng “chất làm gỉ”. Ví dụ đoạn sau: “Phát minh này dựa trên cơ sở cấu trúc của các nguyên tử xác định. Nếu như đại tá nghiên cứu chúng, đại tá hẳn biết rằng các nguyên tử của loại thép vũ khí được sắp đặt theo một trật tự nhất định. Tôi đi tìm một nhân tố nào đó có khả năng phá huỷ sự cân bằng của chúng. Có lẽ đại tá biết là tôi nghiên cứu vật lí và luyện kim... Trong đầu tôi nảy ra ý nghĩ là trong khí quyển bao giờ cũng có chất gây ra sự hoen gỉ: đó là hơi nước. Cần tìm ra phương pháp nào đó để gây ra ở thép một hiệu ứng “sốc thần kinh”. Khi đó, hơi nước sẽ tự làm công việc của nó.”.
Câu 3. Sự hình dung, tưởng tượng rất sinh động, phong phú về tác động của “chất làm gỉ” được tác giả thể hiện rõ ở những đoạn văn nào?	– Thực chất đây là yêu cầu phân tích đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng. – GV cho HS tìm và chỉ ra một số đoạn văn thể hiện sự hình dung, tưởng tượng rất sinh động của tác giả. Ví dụ đoạn sau: “Nền văn minh của chúng ta dựa trên sắt thép, và đa số các sản phẩm thép tôi không muốn phá huỷ. Tôi chỉ muốn vô hiệu hoá các cỗ đại bác, các loại súng, đạn, xe tăng, máy bay chiến đấu, tàu chiến,... Nếu cần, tôi có thể bắt thiết bị của tôi tác động lên cả đồng, nhôm. Chỉ cần đi ngang qua bất kì loại vũ khí nào là tôi có thể bắt nó tan vụn ra thành bụi ngay.”. Hoặc đoạn sau: “Các thiết bị của tôi nhỏ đến nỗi có thể nhét vừa trong bao diêm. Tầm hoạt động của nó là chín trăm dặm. Tôi có thể điều chỉnh nó cho bất cứ loại thép nào và trong vài ngày đi khắp châu Mỹ. Những quốc gia khác không thể sử dụng thiết bị này, vì tôi sẽ huỷ diệt ngay bất cứ phương tiện kĩ thuật nào chống lại chúng ta. Sau đó, tôi sẽ sang châu Âu. Trong vòng một tháng, tôi sẽ làm cho cả thế giới tránh được thảm hoạ chiến tranh.”;...

Câu 4. Ý tưởng dùng “chất làm gỉ” để vô hiệu hoá tất cả các vũ khí làm bằng kim loại của viên trung sĩ có ý nghĩa gì?	– Ý tưởng của viên trung sĩ dùng “chất làm gỉ” để vô hiệu hoá tất cả vũ khí thực sự có ý nghĩa cao cả khi nhìn nhận và đánh giá từ mục đích của việc làm của nhân vật này: “Tôi muốn sống không có chiến tranh. Tôi muốn biết làm cách nào đó để trong một đêm, những cỗ đại bác trên toàn thế giới biến thành sắt gỉ, những vi khuẩn trong ruột các quả bom trở thành vô hại, những chiếc xe tăng bỗng đổ rụi, chui qua mặt đường nhựa và giống như những con quái vật thời tiền sử, chúng nằm im trong các hồ có lớp đầy nhựa đường.”. – GV yêu cầu HS tìm hiểu và trao đổi để rút ra được ý nghĩa nêu trên.
Câu 5. Hãy nêu nhận xét của em về tính cách nhân vật đại tá trong truyện ngắn.	Cần cho HS nhắc lại tính cách nhân vật thường được biểu hiện trên những phương diện nào. Từ đó, HS đưa ra nhận xét về tính cách nhân vật đại tá trong truyện ngắn này.
Câu 6. Người viết gửi gắm mơ ước gì qua câu chuyện? Điều đó còn có ý nghĩa với xã hội hiện nay không? Vì sao?	– Ước mơ của người viết được gửi gắm và thể hiện khá rõ qua ước mơ của nhân vật viên trung sĩ, người nghĩ ra ý tưởng dùng “chất làm gỉ” để huỷ hoại vũ khí, mang lại hoà bình. – Ước mơ được sống trong hoà bình đã đặt ra từ rất lâu và cho đến hôm nay vẫn tràn đầy ý nghĩa. Vì chiến tranh vẫn xảy ra, vẫn để lại rất nhiều nỗi đau cho nhân loại,...

Hoạt động 4. Tổng kết

GV yêu cầu HS nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và nghệ thuật theo nhận thức của HS. GV có thể nêu ý kiến của mình nhằm khái quát và tổng hợp đầy đủ hơn, sâu sắc hơn:

– Về nội dung: đề cao tư tưởng phản đối chiến tranh; ca ngợi, mong ước cuộc sống hoà bình.

– Về nghệ thuật: trí tưởng tượng phong phú, cốt truyện (tình huống và cách giải quyết xung đột) độc đáo.

GV nêu những lưu ý về cách / chiến thuật đọc văn bản theo thể loại hoặc kiểu văn bản mà HS cần chú ý. GV có thể nói thêm về sức hấp dẫn của truyện khoa học viễn tưởng và vai trò, tác dụng của chúng trong việc giáo dục con người.

GV hướng dẫn HS đọc mở rộng và chuẩn bị bài tiếp theo: Tìm hiểu nội dung phần *Thực hành tiếng Việt* và đọc trước truyện *Nhật trình Sol 6* (En-đi Uya); tìm hiểu theo mục *Chuẩn bị* trong bài đọc ấy.

IV. HƯỚNG DẪN DẠY PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Lưu ý

1.1. Yêu cầu chung

Nội dung của phần *Thực hành tiếng Việt* ở bài này là *phó từ, số từ* – hai từ loại dùng để bổ sung ý nghĩa cho các từ loại khác.

Theo hướng thực hành, những kiến thức lí thuyết về phó từ, số từ không được đưa vào nội dung các bài tập mà chỉ được giới thiệu khái quát ở phần *Kiến thức ngữ văn*. Vì vậy, GV không đi sâu vào lí thuyết mà cần tập trung hướng dẫn HS thực hành qua hệ thống bài tập.

Theo hướng tích hợp giữa tiếng Việt và văn học, các bài tập về phó từ và số từ trong sách đều được xây dựng dựa trên ngữ liệu rút ra từ các tác phẩm văn chương được dạy học trong bài. Vì vậy, GV cần hướng dẫn HS tập trung vào việc phân tích các ngữ liệu đó để đạt được các kĩ năng cần thiết về phó từ, số từ.

1.2. Yêu cầu cụ thể

Qua hệ thống bài tập, GV cần giúp HS đạt được các kĩ năng sau:

- Xác định được phó từ, số từ.
- Nêu được tác dụng của phó từ, số từ. (Chúng đi kèm những từ loại nào và bổ sung cho từ trung tâm ý nghĩa gì?).
- Biết dùng phó từ, số từ trong hoạt động tạo lập văn bản.

SGK có 4 bài tập, trong đó có 1 bài tập về phó từ, 2 bài tập về số từ và 1 bài tập thực hành về cả hai từ loại.

Bài tập 1 yêu cầu HS tìm phó từ trong những câu đã cho, xác định cách dùng phó từ và nghĩa mà mỗi phó từ bổ sung cho từ trung tâm. Bài tập này giúp HS rèn luyện kĩ năng nhận diện phó từ, phân tích cách dùng (khả năng kết hợp) và ý nghĩa của phó từ (xét trong mối quan hệ với từ trung tâm). Bài tập gồm 4 câu nên GV có thể chia nhóm và giao cho mỗi nhóm HS thực hiện một câu.

Bài tập 2 yêu cầu HS tìm số từ trong những câu đã cho, xác định nghĩa mà số từ bổ sung cho danh từ và chỉ ra hiện tượng biến đổi thanh điệu hoặc phụ âm đầu ở một số yếu tố cấu tạo trong các số từ là từ ghép. Bài tập này giúp HS rèn luyện kĩ năng nhận diện, xác định nghĩa của số từ và cách cấu tạo các số từ là từ ghép. Bài tập không khó nhưng gồm 4 câu và nhiều nội dung nên hình thức phù hợp để HS thực hiện là làm việc theo nhóm.

Bài tập 3 yêu cầu HS hình dung về loài bạch tuộc qua các tổ hợp “số từ + danh từ” được dùng để miêu tả loài vật này. Bài tập này giúp HS rèn luyện kĩ năng

phân tích tác dụng miêu tả của số từ (khi kết hợp với danh từ). GV nên cho HS làm việc theo nhóm để thực hiện bài tập này. (Mỗi nhóm đưa ra sự hình dung của nhóm mình.).

Bài tập 4 yêu cầu HS thực hành sử dụng phó từ, số từ trong tạo lập văn bản. HS cần làm việc độc lập để thực hiện bài tập này.

2. Gợi ý tổ chức dạy thực hành tiếng Việt

Hoạt động 1. Xác định các khái niệm *phó từ, số từ*

GV có thể yêu cầu HS nêu lại các ví dụ về phó từ, số từ, sau đó, nhắc lại các khái niệm về hai từ loại này nêu ở phần *Kiến thức ngữ văn*.

Hoạt động 2. Xác định phó từ, chỉ ra cách dùng và nghĩa mà phó từ bổ sung cho từ trung tâm

Bài tập 1. GV hướng dẫn HS tìm phó từ trong những câu đã cho, cho biết mỗi phó từ đi kèm với từ loại nào và bổ sung nghĩa gì cho từ trung tâm:

– Ở câu a: phó từ *quá* đi kèm tính từ (*khủng khiếp quá*), chỉ mức độ của tính chất do tính từ biểu thị.

– Ở các câu b, c, d: các phó từ *đang, lại, đang* đi kèm động từ, *đang* chỉ thời gian (thời hiện tại) của hoạt động do động từ (*đổ*) biểu thị, *lại* chỉ sự lặp lại của hoạt động do động từ (*mọc*) biểu thị, *đang* chỉ sự cầu khiến (sự ngăn cản) thực hiện hoạt động do động từ (*để tâm*) biểu thị.

Hoạt động 3. Xác định số từ, phân tích cách dùng, nghĩa, cấu tạo và tác dụng miêu tả của số từ

Hoạt động này được thực hiện qua các bài tập 2, 3.

Bài tập 2. GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu:

– Tìm số từ trong những câu đã cho:

+ Số từ số lượng: *bảy* (ở câu a), *hai mươi* (ở câu b), *mười lăm* (ở câu c).

+ Số từ thứ tự: *thứ hai, thứ ba* (ở câu d).

– Xác định nghĩa mà số từ bổ sung cho danh từ:

+ Các số từ số lượng ở các câu a, b, c chỉ số lượng sự vật mà danh từ trung tâm biểu thị.

+ Các số từ thứ tự ở câu d chỉ thứ tự của sự vật (trong dãy sự vật cùng loại) mà danh từ trung tâm biểu thị.

– Chỉ ra hiện tượng biến đổi thanh điệu hoặc phụ âm đầu ở một số yếu tố cấu tạo trong các số từ là từ ghép: Các số từ là từ ghép trong những câu đã cho gồm:

hai mươi, mười lăm. Các số từ này được cấu tạo trên cơ sở những tiếng vốn được dùng làm từ đơn (*hai, mười, năm*) nhưng trong một số trường hợp bị biến đổi ở phụ âm đầu (*lăm* trong số từ *mười lăm* vốn là *năm* bị biến đổi phụ âm đầu: *n* thành *l*) hoặc ở thanh điệu (*mười* trong số từ *hai mươi* vốn là *mười* bị biến đổi thanh điệu: thanh huyền thành thanh ngang). Sự biến đổi ngữ âm ở một số yếu tố cấu tạo trong các số từ là từ ghép chủ yếu nhằm tạo sự hài hoà về ngữ âm trong từ ghép (so sánh: *hai mươi* với *hai mươi*) hoặc nhằm hạn chế việc tạo ra những đơn vị đồng âm có thể gây hiểu lầm về nghĩa (ví dụ, nhờ sự biến đổi *năm* thành *lăm* mà số từ *mười lăm* được phân biệt rõ với cụm từ *mười năm*).

Bài tập 3. GV hướng dẫn HS đưa ra hình dung về loài bạch tuộc qua các tổ hợp “số từ + danh từ” được dùng để miêu tả loài vật này:

Qua các tổ hợp “số từ + danh từ” (in đậm) trong những câu đã cho, có thể hình dung loài bạch tuộc đã được tác giả Véc-nơ miêu tả là *quái vật vô cùng khủng khiếp với thân hình khổng lồ (dài tám mét, nặng chừng hai mươi, hai lăm tấn)* và có đến tám vòi.

Hoạt động 4. Thực hành về phó từ, số từ qua viết đoạn văn nêu cảm nghĩ sau khi học văn bản *Bạch tuộc*

Bài tập 4. GV hướng dẫn HS lần lượt thực hiện các yêu cầu:

– Viết đoạn văn nêu cảm nghĩ sau khi học văn bản *Bạch tuộc* (trong đó có sử dụng ít nhất ba phó từ và ba số từ): GV có thể hướng dẫn HS viết đoạn văn với yêu cầu trên theo gợi ý từ đoạn văn sau: “Học xong văn bản *Bạch tuộc*, em vô cùng cảm phục trí tưởng tượng hết sức phong phú của nhà văn Véc-nơ thể hiện trong câu chuyện. Trong câu chuyện đó, nhân vật khiến em có ấn tượng sâu sắc nhất là thuyền trưởng Nê-mô, một con người vô cùng dũng cảm, mưu trí, đã cùng các thủy thủ gan dạ của mình thể hiện một tinh thần, ý chí tuyệt vời trong cuộc giáp chiến với những con bạch tuộc khổng lồ có thân hình dài đến tám mét, nặng hai mươi, hai lăm tấn và có đến tám vòi.”.

– Chỉ ra nghĩa của các phó từ, số từ.

+ Các phó từ: *xong* (chỉ sự hoàn thành của hoạt động); *vô cùng, hết sức* (chỉ mức độ của tính chất); *đã* (chỉ thời quá khứ của hoạt động); *các, những* (chỉ số nhiều của sự vật).

+ Các số từ: *một, tám, hai mươi, hai lăm* (chỉ số lượng cụ thể của sự vật hay số lượng đơn vị dùng để miêu tả, tính đếm sự vật).

V. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẦN THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

Văn bản

Nhật trình Sol 6

(EN-ĐI UYA)

Hoạt động 1. Khởi động

GV nêu yêu cầu thực hành đọc hiểu. Ví dụ: Các em đã học đọc hiểu văn bản truyện khoa học viễn tưởng ở các tiết học trước. Bài này, chúng ta vận dụng những hiểu biết về truyện khoa học viễn tưởng mà các em đã có để thực hành đọc hiểu văn bản *Nhật trình Sol 6*.

Hoạt động 2. Đọc và kiểm tra việc đọc văn bản của HS

– GV hỏi HS về việc đọc ở nhà bằng cách yêu cầu tóm tắt truyện, nêu các nhân vật chính hoặc dựa vào các nội dung nêu ở cột bên phải trong văn bản truyện này để kiểm tra việc đọc của HS. Có thể đọc lại một vài đoạn và lưu ý HS quan sát, suy nghĩ các câu hỏi, yêu cầu ở cột bên phải.

– GV yêu cầu HS nhắc lại đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng, cũng như lưu ý về cách đọc văn bản theo thể loại này.

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

Có thể chia nhóm tìm hiểu 5 câu hỏi trong SGK, sau đó trao đổi và nhận xét.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Truyện viết về sự kiện gì? Vì sao truyện này có tính chất “viễn tưởng”?	– Sự kiện nêu trong văn bản <i>Nhật trình Sol 6</i> được trình bày ở phần tóm tắt truyện <i>Người về từ Sao Hoả</i> trong bài học (mục <i>Chuẩn bị</i>). GV yêu cầu HS đọc lại và xác định sự kiện chính của văn bản này. – Câu này tập trung rèn luyện cho HS kĩ năng nhận biết đặc điểm về tính dự báo của truyện khoa học viễn tưởng. + GV gợi mở HS hiểu nghĩa của từ Hán Việt “viễn tưởng”: “viễn” là xa; “tưởng” là tưởng tượng, cảnh trong tưởng tượng; “viễn tưởng” nghĩa chung là: cảnh, sự vật được hình dung, tưởng tượng ở một tương lai xa. + Từ cách hiểu ấy, yêu cầu tìm các chi tiết thể hiện tính chất viễn tưởng trong văn bản. Ví dụ: Văn bản <i>Nhật trình Sol 6</i> viết về cuộc đổ bộ của đoàn phi hành gia lên Sao Hoả, ngôi sao cách Trái Đất 225 triệu ki-lô-mét. Trong khi đó, cho đến nay, con người chỉ mới đặt chân được lên Mặt Trăng; Sao Hoả vẫn còn trong mơ ước. GV tham khảo thêm tư liệu được nêu sau bảng này.

Câu 2. Liệt kê các số từ có trong phần (1) của văn bản <i>Nhật trình Sol 6</i>. Việc tác giả sử dụng nhiều số từ như vậy có ý nghĩa gì?	– Câu hỏi này rèn luyện cho HS kĩ năng nhận biết đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng: thường sử dụng các số liệu. – GV yêu cầu HS nêu ra các số liệu tìm được theo yêu cầu. Ví dụ: “con bão cát với sức gió tận 150 km/h”, “... chúng tôi bị một cơn gió với vận tốc 175 km/h quất một phát.”, “Sau một giờ rưỡi chịu trận ...”, “Kiểm tra thiết bị trên tay áo, tôi thấy bộ áo hiện đã có 85% là khí oxi. So với tỉ lệ khí quyển Trái Đất khoảng 21% ...”, ... – Về ý nghĩa của các số từ, GV yêu cầu HS liên hệ với phần <i>Thực hành tiếng Việt</i> đã học; cho HS chuẩn bị và trình bày ý kiến của mình; sau đó, GV nhận xét và bổ sung, hoàn chỉnh: việc sử dụng nhiều số từ để làm tăng tính chất khoa học, tính chính xác của sự kiện được nói tới.
Câu 3. Em có nhận xét gì về nhân vật “tôi” trong đoạn trích?	– Câu này nhằm hướng dẫn HS kĩ năng phân tích, biểu cảm về một nhân vật trong tác phẩm văn học. – GV cho HS làm việc cá nhân, tự nêu suy nghĩ và nhận xét của bản thân về nhân vật “tôi”.
Câu 4. Những chi tiết nào trong văn bản <i>Nhật trình Sol 6</i> thể hiện tác giả có rất nhiều hiểu biết về ngành khoa học vũ trụ?	– Câu này cũng nhằm giúp HS nhận biết đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng: viết dựa trên những thành tựu khoa học. Ở bài này là khoa học vũ trụ. – GV cho HS tìm các chi tiết trong văn bản theo yêu cầu của câu hỏi. Ví dụ: tác giả sử dụng hàng loạt các từ ngữ liên quan đến khoa học vũ trụ như: chiếc MAV (phương tiện để các nhà du hành rời Sao Hoả về trạm vũ trụ trên quỹ đạo có tên Hơ-mét, sau khi hoàn thành công việc), NASA (Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Quốc gia Hoa Kỳ), Háp (căn nhà trên Sao Hoả để các phi công vũ trụ ở và liên lạc với phương tiện MAV),... Hoặc đoạn văn: “Bộ đồ du hành hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của nó. Khi áp suất bị giảm, nó liên tục tự làm đầy bằng khí lấy từ bình nitơ (nitrogen) của tôi để cân bằng. Một khi lỗ rì có thể tự cầm cự được, nó chỉ phải chậm chậm nhỏ giọt không khí mới để bù vào lượng khí đã mất.”. – HS có thể nêu lên các bằng chứng khác trong văn bản, GV cho HS trình bày, trao đổi và thống nhất.
Câu 5. Giả sử ở trong hoàn cảnh của nhân vật “tôi”, em sẽ có suy nghĩ và hành động như thế nào?	GV yêu cầu HS liên hệ, đặt mình vào tình huống của viên phi công vũ trụ trong văn bản để nêu lên suy nghĩ và hành động của mình; khuyến khích những suy nghĩ sáng tạo, những đề xuất ý tưởng theo hướng khoa học viễn tưởng.

Nếu có thời gian, GV tiến hành thêm *Hoạt động 4. Tổng kết* như tiết đọc hiểu văn bản chính.

*** Tư liệu tham khảo về việc chinh phục Sao Hoả:**

“Từ phía Liên Xô, sau thất bại năm 1971, Mát-xcơ-va (Moskva) đặt mục tiêu cho ngành hàng không vũ trụ là phải là nước đầu tiên đưa người đặt chân lên được Sao Hoả. Mát-xcơ-va sau đó đầu tư khoản tiền khổng lồ nhằm chế tạo động cơ đẩy mạnh hơn ít nhất hai lần các thế hệ tên lửa sẵn có và dốc sức tìm cách giúp phi hành gia sống sót sau quãng thời gian 10 tháng trên không gian từ khi khởi hành từ Trái Đất đến Sao Hoả.

Tuy nhiên, khi mọi thứ dần thành hình, vào những năm 1988, do tình hình chính trị bắt đầu biến động, dự án đã bị đình chỉ cho đến tận ngày nay.

Trong khi đó, sau thành công với Vi-kinh (Viking), Mỹ có thêm 6 lần đưa thành công thiết bị đến Sao Hoả. Nước này hiện vận hành hai thiết bị nghiên cứu, gồm tàu Râu-vơ Cư-ri-ô-xi-ti (Rover Curiosity) đến đây năm 2012 và tàu In-Sai (InSight) hạ cánh năm 2018. Oa-sinh-ton (Washington) dự định gửi thêm tàu Mác Râu-vơ (Mars Rover) đến Hành tinh Đỏ vào năm 2020 với khả năng nghiên cứu tinh vi hơn nhằm chuẩn bị cho các sứ mệnh lớn lao trong tương lai.

Những tiến bộ trên là dấu hiệu cho thấy Mỹ rõ ràng đang có ưu thế lớn trong cuộc đua hiện diện ở Sao Hoả. Tuy vậy, các chuyên gia nhận định, cho đến nay, vẫn chưa có nước nào tự tin rằng mình có thể đưa người đến hành tinh nằm cách Trái Đất 225 triệu ki-lô-mét này...”.

(Theo cand.com.vn)

VI. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẢN VIẾT

Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc

1. Lưu ý

– CT Ngữ văn 2018 quy định ở lớp nào HS cũng phải luyện tập viết đủ các kiểu văn bản: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh và nhật dụng. Bài 3, SGK *Ngữ văn 7* tập trung vào viết văn biểu cảm. Đối tượng biểu cảm là về một con người hoặc một sự việc. Tức là người viết nêu lên những tình cảm, cảm xúc; những suy nghĩ và thái độ của người viết về một người hay một sự việc nào đó trong cuộc sống hoặc trong tác phẩm văn học.

– Nội dung học viết đã nêu trong SGK, gồm hai mục: *Định hướng* và *Thực hành*. Trong đó, thực hành là chính. Để tích hợp với đọc hiểu, đề văn tham khảo trong SGK yêu cầu: *Viết bài văn biểu cảm về một sự việc hoặc nhân vật mà em có ấn tượng hoặc yêu thích trong đoạn trích “Bạch tuộc” (Véc-nơ) đã học*. Tức là biểu cảm trước một đối tượng quen thuộc, đã biết, đã học; cũng là để củng cố lại bài đọc hiểu trước đó theo tinh thần tích hợp (cả nội dung và kĩ năng viết + đọc).

– Phần *Viết* được dành 3 tiết, GV tổ chức cho HS tìm hiểu mục *Định hướng* và nên dành nhiều thời gian (2 – 2,5 tiết) để hướng dẫn HS thực hành viết.

2. Gợi ý tổ chức dạy viết

Hoạt động 1. Định hướng

– GV cho HS đọc mục *Định hướng* trong SGK. Sau đó, tổ chức cho HS tìm hiểu các điểm cần chú ý khi viết bài văn biểu cảm; đặc biệt là mục b) để biết khi viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc, các em cần chú ý những gì.

– GV cho HS trao đổi về định hướng này với câu hỏi “Tại sao...”, gắn với từng yêu cầu nhỏ trong đó. Ví dụ: Tại sao khi viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc, trước hết cần xác định đối tượng biểu cảm?...

Hoạt động 2. Thực hành

GV hướng dẫn HS thực hành theo quy trình 4 bước: *Chuẩn bị, Tìm ý và lập dàn ý, Viết, Kiểm tra và chỉnh sửa* như SGK đã nêu lên.

– Trong 4 bước thì bước *Tìm ý và lập dàn ý, Viết* là chính, dành nhiều thời gian hơn. Tìm hiểu cách tìm ý và lập dàn ý, cách viết mà SGK đã nêu lên về các nhân vật trong truyện *Bạch tuộc* với các phần *mở bài, thân bài và kết bài* để hình dung và biết cách viết bài biểu cảm về một con người hoặc sự việc. GV chú ý giúp HS phân biệt yêu cầu biểu cảm về một con người (nhân vật) với phân tích một nhân vật (sẽ học ở Bài 4). Hai yêu cầu này có liên quan với nhau, nhưng không phải là một. Biểu cảm về một nhân vật là nói lên suy nghĩ và cảm xúc của mình về nhân vật đó. Còn phân tích nhân vật là chỉ ra các đặc điểm (tính cách và phẩm chất) của nhân vật đó. Nội dung bài phân tích nhân vật là nội dung khách quan có trong văn bản; còn nội dung biểu cảm là nội dung xuất phát từ cảm xúc, suy nghĩ chủ quan của người viết bài.

– Nội dung trong SGK nêu lên các gợi ý với nhiều hướng khác nhau để HS tham khảo. Khi dạy, GV nên yêu cầu HS lựa chọn rõ đối tượng biểu cảm (Biểu cảm về nhân vật hay sự việc? Lựa chọn nhân vật và sự việc cụ thể nào trong văn bản *Bạch tuộc*?). Từ đó, dựa vào gợi ý chung trong SGK mà thực hành các bước: *tìm ý và lập dàn ý, viết* theo đối tượng cụ thể đã xác định.

– Việc tổ chức thực hành viết nên thực hiện linh hoạt, tùy vào kế hoạch rèn luyện kỹ năng viết đã lập cho toàn bộ các bài học để xác định hình thức luyện tập ở bài này cho phù hợp. Có thể chỉ tập trung rèn luyện *Tìm ý và lập dàn ý*; có thể kết hợp viết một ý, một phần của bài. Sau đó, HS phải thực hành *Kiểm tra và chỉnh sửa* “sản phẩm” vừa tạo ra của mình. Cuối cùng, GV có thể yêu cầu HS về nhà hoàn chỉnh bài viết.

VII. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẢN NÓI VÀ NGHE

Thảo luận nhóm về một vấn đề

1. Lưu ý

Như SGK đã nêu, nội dung nói yêu cầu HS thảo luận về một vấn đề gắn với các văn bản truyện khoa học viễn tưởng đã học; cụ thể: *Có người cho rằng sự việc và con người được kể trong văn bản “Bạch tuộc” (Véc-nơ) hoặc “Chất làm gì” (Brét-bơ-ry) là không có thực, một số người lại cho là có thực. Trong buổi thảo luận nhóm, em sẽ nêu ý kiến như thế nào?* Vấn đề này liên quan đến đặc điểm của thể loại truyện khoa học viễn tưởng. Vì thế, đây cũng là một dịp để HS ôn lại đặc điểm của thể loại truyện này. GV thực hiện dạy học tích hợp.

2. Gợi ý tổ chức dạy nói và nghe

Hoạt động 1. Định hướng

– Phần này nêu hai nội dung: Thảo luận nhóm về một vấn đề còn gây tranh cãi là thế nào và để thực hiện thảo luận nhóm về một vấn đề, cần phải chú ý điều gì.

– GV lưu ý HS về cách thảo luận (nói, nghe và nói nghe tương tác) như thế nào cho phù hợp.

Hoạt động 2. Thực hành

– GV cho HS chuẩn bị ý kiến của cá nhân hoặc tổ, nhóm theo gợi ý của SGK.

– GV xác định hình thức trao đổi (theo nhóm hay cả lớp), bầu nhóm trưởng – người điều khiển cuộc thảo luận và nêu yêu cầu.

– HS tiến hành thảo luận theo nội dung đã chuẩn bị và tiến trình mà SGK đã nêu lên.

VIII. HƯỚNG DẪN PHẢN TỰ ĐÁNH GIÁ

– SGK nêu đoạn trích truyện khoa học viễn tưởng *Một trăm dặm dưới mặt đất* (Véc-nơ) làm ngữ liệu cho phần *Tự đánh giá* với hai mục đích: a) Cung cấp thêm

cho HS một văn bản truyện khoa học viễn tưởng của Véc-nơ; b) Đưa ra một văn bản mới để HS vận dụng những điều đã học vào ngữ liệu này theo yêu cầu đánh giá năng lực của CT 2018. Thực chất đây là đánh giá năng lực *tự đọc hiểu* của HS về một văn bản tương tự. HS làm ở nhà, nhưng nếu có thời gian, GV có thể cùng HS làm trên lớp để củng cố lại kĩ năng đọc hiểu truyện khoa học viễn tưởng.

– Gợi ý đáp án và trả lời các câu hỏi, bài tập trong SGK

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đáp án	C	A	B	C	A	C	A	C	B

Câu 10. HS cần nêu được lí do nhân vật “tôi” lại “ngắm nhìn, ngắm nghĩ, chiêm ngưỡng mà trong lòng thấy sùng sốt và kinh hãi!”. Việc lí giải vì sao phụ thuộc vào năng lực thực tế của HS.

Bài 4

NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học

Cũng như *Yêu cầu cần đạt* của các bài học khác, yêu cầu của bài học này tập trung vào phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học, với các yêu cầu cụ thể sau:

– Nhận biết được đặc điểm hình thức (cấu trúc, cách nêu ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,...) và nội dung (đề tài, tư tưởng, ý nghĩa,...) của các văn bản nghị luận văn học; mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của bài nghị luận.

Đây là yêu cầu chung cho cả phần *Đọc hiểu văn bản*, bao gồm hai văn bản đọc chính và một văn bản thực hành đọc. Kết quả sau khi học, HS cần nêu được ấn tượng chung về văn bản, chẳng hạn: Văn bản viết về cái gì (đề tài)? Ý kiến của người viết là gì? Để làm sáng tỏ ý kiến ấy, người viết đã nêu lên các lí lẽ và bằng chứng nào? Lí lẽ và bằng chứng ấy có thuyết phục không?...

– Bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học. Biết thảo luận nhóm về một vấn đề.

Đây là yêu cầu về kĩ năng viết và nói – nghe. Nội dung vấn đề của bài đọc hiểu sẽ được vận dụng vào giờ luyện tập kĩ năng viết và kĩ năng nói – nghe.

– Vận dụng được kiến thức, kỹ năng mở rộng các thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị vào đọc hiểu, viết, nói và nghe có hiệu quả.

Đây là yêu cầu về thực hành tiếng Việt.

2. Góp phần phát triển phẩm chất và năng lực chung

Ngoài ra, bài học cũng góp phần phát triển phẩm chất và năng lực chung:

– Yêu thích tìm hiểu, khám phá vẻ đẹp của tác phẩm văn học.

– Biết cách lí giải, thuyết phục người đọc, người nghe bằng các lí lẽ và bằng chứng.

Các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung nêu trên được hình thành và phát triển gắn với nội dung cụ thể của bài học.

II. KIẾN THỨC NGŨ VĂN

Phần này HS cũng đọc ở nhà. Tuy vậy, GV cần hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu các kiến thức ngữ văn đã có trong SGK với một số lưu ý:

– Các khái niệm như *văn nghị luận*, *ý kiến*, *lí lẽ* và *bằng chứng* đã học ở lớp 6 nên lớp 7 không nhắc lại. Tuy nhiên, trong quá trình đọc hiểu, GV cần cùng HS ôn lại các kiến thức ấy. Kiến thức mới ở đây là nêu lên *đặc điểm của văn bản nghị luận văn học*. Kiến thức ấy sẽ được làm sáng tỏ qua các tiết đọc hiểu ba văn bản nghị luận trong bài này.

– Những kiến thức về *giá trị nhận thức của văn học* và *mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị* được nêu ở phần *Kiến thức ngữ văn* để có cơ sở cho HS thực hành làm các bài tập. Thông qua việc thực hành đọc hiểu và làm các bài tập ở phần *Thực hành tiếng Việt*, HS có thể củng cố và hiểu sâu sắc hơn những kiến thức ngữ văn đã nêu.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẢN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (trọng tâm)

1. Lưu ý

– Đọc hiểu văn bản nghị luận nói chung và nghị luận văn học nói riêng là một yêu cầu mới với CT Ngữ văn 2018. Trong CT 2006, văn nghị luận chỉ bắt đầu được đọc hiểu ở lớp 7 với nghị luận xã hội. Với CT 2018, cả nghị luận văn học và nghị luận xã hội đã được học từ lớp 6. Tuy nhiên, văn nghị luận ở cả hai lớp đầu cấp THCS chỉ là những văn bản đơn giản, ở đó, người viết tập trung trả lời câu hỏi: *Vi sao? Tại sao? Đây là ý kiến, lí lẽ và các bằng chứng cụ thể?*...

– Các văn bản nghị luận đọc hiểu ở bài học này đều liên quan tới các bài học đọc hiểu trước đó:

+ Văn bản *Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam”* của Bùi Hồng liên quan đến nội dung đọc hiểu văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng* (trích *Đất rừng phương Nam* – Đoàn Giỏi) ở Bài 1.

+ Văn bản *Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa”* của Đinh Trọng Lạc liên quan đến văn bản đọc hiểu *Tiếng gà trưa* (Xuân Quỳnh) ở Bài 2.

+ Văn bản *Sức hấp dẫn của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển”* của nhà văn Lê Phương Liên liên quan đến văn bản đọc hiểu *Bạch tuộc* (trích *Hai vạn dặm dưới đáy biển* – Véc-nơ) ở Bài 3.

Vì thế, dạy học bài này có mục tiêu kép: vừa giúp HS biết cách đọc văn bản nghị luận, vừa có dịp ôn tập, củng cố những hiểu biết về các bài đọc hiểu đã học.

2. Tổ chức các hoạt động

Văn bản 1

Thiên nhiên và con người trong truyện *Đất rừng phương Nam*

(BÙI HỒNG)

Tổ chức các hoạt động dạy học đọc hiểu cho văn bản này dựa trên các điều kiện sau:

– GV đã nhắc và HS đã đọc văn bản *Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam”* của Bùi Hồng ở nhà.

– HS đã đọc và tìm hiểu các nội dung nêu ở mục *Chuẩn bị* trong SGK.

Hoạt động 1. Khởi động

Dựa vào mục *Chuẩn bị* đã nêu trong SGK, GV có thể bắt đầu bài học bằng nhiều cách khác nhau. Nhìn chung, nhiệm vụ của hoạt động khởi động hướng tới:

- Tạo không khí cho tiết học (kể chuyện, chiếu video clip, tranh, ảnh, bài hát,...).
- Huy động kiến thức nền của HS về đề tài sẽ học (nêu câu hỏi).
- Giới thiệu bài học (dẫn dắt, nêu vấn đề, giới thiệu).

Với bài này, GV có thể khởi động bài học bằng một số cách như sau:

– Cách 1: GV nêu một số câu hỏi, ví dụ: “SGK đã lưu ý em điều gì trước khi đọc văn bản *Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam”*? Em nào đã đọc văn bản này ở nhà? Trong văn bản này, tác giả nêu lên ý kiến gì? Có thể tìm thấy ý kiến ấy ở đâu?”.

Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài: “Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu bài văn nghị luận *Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam”* để hiểu thêm về tiểu thuyết *Đất rừng phương Nam* của nhà văn Đoàn Giỏi, tác giả của đoạn trích *Người đàn ông cô độc giữa rừng* mà các em đã được học ở Bài 1.”

– Cách 2: GV bắt đầu bằng việc chiếu một video clip về phim *Đất phương Nam* hoặc một số tranh, ảnh về đất rừng phương Nam (rừng U Minh – Cà Mau). Từ đó, gợi mở dẫn đến tác phẩm của Đoàn Giỏi và văn bản phân tích thiên nhiên và con người của nhà văn Bùi Hồng.

– Cách 3: Có thể bắt đầu bài học bằng cách nhắc lại bài đọc *Người đàn ông cô độc giữa rừng* (trích *Đất rừng phương Nam* – Đoàn Giỏi) đã học ở Bài 1. Từ đó, GV nêu vấn đề: “Qua văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng*, các em thấy con người và thiên nhiên vùng đất phương Nam hiện lên như thế nào?”

Sau khi HS trả lời, GV dẫn vào bài: “Để hiểu rõ hơn con người và thiên nhiên trong tác phẩm của Đoàn Giỏi, hôm nay, chúng ta cùng đọc hiểu văn bản *Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam”*. Khi đọc, các em hãy chú ý xem tại sao văn bản này là nghị luận văn học.”

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

Tổ chức cho HS đọc văn bản trong SGK; tìm hiểu tác giả, tác phẩm và những điểm cần lưu ý khi đọc văn bản nghị luận.

– Việc 1: Yêu cầu HS đọc hoặc kiểm tra việc đọc văn bản ở nhà; nêu những từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng, điển tích,... khó, cần chú ý và giải thích,... Dựa vào một số câu hỏi hướng dẫn cách đọc (cột bên phải văn bản) để kiểm tra việc đọc của HS. Ví dụ: “Phần (1) nêu khái quát đặc điểm gì của truyện *Đất rừng phương Nam*?” hoặc “Những dòng chữ in nghiêng ở đoạn này lấy từ tác phẩm của ai?”

– Việc 2: Trước khi đọc hiểu văn bản, các em cần lưu ý một số điểm mà SGK đã nêu lên trong mục *Chuẩn bị*. GV gọi một HS nêu hoặc đọc mục *Chuẩn bị* và nêu lại các điểm mà SGK đã lưu ý.

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

a) GV tổ chức cho HS tìm hiểu văn bản theo các câu hỏi đọc hiểu nêu cuối bài đọc. Cách thức tổ chức tùy vào điều kiện cụ thể (thời gian, số lượng HS, không gian lớp học,...) để có thể xác định hình thức tổ chức học tập phù hợp.

b) Dưới đây là hệ thống câu hỏi trong SGK và các nội dung cần lưu ý. GV lựa chọn, kết hợp bổ sung các câu hỏi khác nếu thấy cần thiết và phù hợp với đối tượng HS.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Văn bản <i>Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam”</i> bàn luận về vấn đề gì? Nhan đề của văn bản có liên quan như thế nào với vấn đề ấy?	– Vấn đề của văn bản nghị luận thường được nêu ngay ở nhan đề bài viết. Vấn đề của văn bản này có thể diễn đạt khác nhau nhưng ý chính là: tác phẩm <i>Đất rừng phương Nam</i> của Đoàn Giỏi đã thể hiện một cách sinh động thiên nhiên và con người Nam Bộ. – Từ đó, yêu cầu HS nhận xét về nhan đề của bài viết này. Yêu cầu phải thấy được mối quan hệ giữa nhan đề và ý chính vừa xác định.
Câu 2. Hãy dẫn ra một số ví dụ về lí lẽ và các bằng chứng được tác giả nêu lên trong bài viết. Tham khảo mẫu sau (xem SGK <i>Ngữ văn 7</i> , tập một, trang 87).	– Mục đích chính của câu hỏi này là giúp HS hiểu và nhận biết được lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận cụ thể. – GV hướng dẫn HS tham khảo ví dụ đã có trong SGK để hiểu thế nào là lí lẽ và bằng chứng làm sáng tỏ lí lẽ ấy. Từ đó, đọc và nêu ra các ví dụ tương tự về lí lẽ và bằng chứng cụ thể trong văn bản của Bùi Hồng.
Câu 3. Trong phần (3), tác giả đã so sánh hai nhân vật: ông Hai bán rần và chú Võ Tòng. Dựa vào bài viết, em hãy chỉ ra những điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật này.	– Câu này nhằm rèn luyện cho HS kĩ năng so sánh hai nhân vật trong truyện dựa vào bài phân tích của Bùi Hồng. HS cần tìm ra đoạn người viết so sánh hai nhân vật (ông Hai bán rần và chú Võ Tòng) trước; sau đó, nêu ra các điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật này. – Có thể thấy, cả phần (3) trong văn bản là nội dung so sánh hai nhân vật của nhà văn Bùi Hồng. HS cần đặc biệt chú ý đoạn văn từ: “Tôi muốn nói kĩ hơn hai nhân vật được ông khắc hoạ kĩ lưỡng nhất: ông Hai bán rần và chú Võ Tòng.” đến hết văn bản.
Câu 4. Theo em, mục đích chính của văn bản nghị luận trên là gì? Nội dung của các phần trong văn bản đã làm rõ được mục đích ấy như thế nào?	– Đây là câu hỏi yêu cầu HS xác định mục đích chính của bài văn nghị luận và mối quan hệ giữa mục đích với nội dung các phần trong văn bản. Từ đó, thấy được yêu cầu về cấu trúc ý trong một văn bản nghị luận. – GV cho HS tìm hiểu và trao đổi vấn đề. Sau đó, nhận xét và chốt lại ý kiến cần thống nhất. – Có thể thấy, mục đích của bài viết thể hiện ngay ở nhan đề văn bản: làm rõ vẻ đẹp của thiên nhiên và con người trong tác phẩm <i>Đất rừng phương Nam</i> của Đoàn Giỏi. Nói cách khác, mục đích văn bản trả lời câu hỏi: “Thiên nhiên và con người hiện lên như thế nào trong tác phẩm <i>Đất rừng phương Nam</i>?”. – Từ mục đích này, xem xét và đánh giá nội dung các phần trong bài đã làm sáng tỏ được mục đích ấy hay chưa.

Câu 5. Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được điều gì về đoạn trích <i>Người đàn ông cô độc giữa rừng</i> đã học ở Bài 1?	Đây là câu hỏi yêu cầu HS liên hệ với văn bản đã đọc hiểu ở Bài 1. HS cần xem lại bài <i>Người đàn ông cô độc giữa rừng</i> đã viết về những gì (về con người, thiên nhiên,...). Từ đó, nhận xét bài viết của Bùi Hồng giúp mình hiểu thêm được gì ở văn bản đã đọc hiểu.
Câu 6. Văn bản <i>Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam”</i> đã giúp em hiểu văn học góp phần mở rộng kiến thức về con người và thế giới xung quanh như thế nào?	– Câu này chính là yêu cầu HS vận dụng kết quả đọc hiểu để thấy giá trị nhận thức của văn học. Vấn đề này đã nêu lên trong phần <i>Kiến thức ngữ văn</i>. – Nội dung chính cần làm rõ là vì sao có thể nói “văn học góp phần mở rộng kiến thức về con người và thế giới xung quanh”. Dựa vào bài viết của Bùi Hồng để trả lời: Qua tác phẩm của Đoàn Giỏi, Bùi Hồng thấy được vẻ đẹp của con người và thiên nhiên ở đất rừng phương Nam; còn chúng ta, qua cả tác phẩm của Đoàn Giỏi và bài viết của Bùi Hồng, hiểu thêm được những kiến thức về con người và cuộc sống xung quanh, cụ thể ở đây là con người và thiên nhiên Nam Bộ.

Hoạt động 4. Tổng kết

GV yêu cầu HS nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và nghệ thuật theo nhận thức của HS. GV có thể nêu ý kiến của mình nhằm khái quát và tổng hợp đầy đủ hơn, sâu sắc hơn:

– Về nội dung: làm rõ được vẻ đẹp của con người và thiên nhiên trong tác phẩm *Đất rừng phương Nam* và tình cảm của người viết đối với nhà văn Đoàn Giỏi.

– Về nghệ thuật: thể hiện rõ đặc điểm và yêu cầu của văn bản nghị luận văn học: cách nêu ý kiến, lí lẽ và các bằng chứng; trình bày (bố cục văn bản) rõ ràng, sáng sủa, ngắn gọn, súc tích và dễ hiểu.

GV nêu những lưu ý về cách / chiến thuật đọc văn bản theo thể loại hoặc kiểu văn bản mà HS cần chú ý.

GV hướng dẫn HS đọc mở rộng và chuẩn bị bài tiếp theo: Đọc trước văn bản *Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa”* (Đinh Trọng Lạc) và tìm hiểu theo mục *Chuẩn bị* trong bài đọc ấy.

Văn bản 2

Vẻ đẹp của bài thơ *Tiếng gà trưa*

(ĐINH TRỌNG LẠC)

Đây là bài viết của nhà ngôn ngữ học Đinh Trọng Lạc. Nguyên văn nhan đề chỉ là *Tiếng gà trưa*; khi tuyển vào sách *Ngữ văn 7*, chúng tôi đặt nhan đề cho bài viết

và có lược bớt đoạn cuối cho phù hợp với yêu cầu của bài học cũng như đối tượng tiếp nhận.

Tổ chức các hoạt động dạy đọc hiểu cho văn bản này cũng tương tự đọc hiểu văn bản *Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam”* từ các điều kiện đến các hoạt động đọc hiểu trên lớp. Ở đây, chỉ lưu ý thêm một số điểm sau.

Hoạt động 1. Khởi động

Dựa vào mục *Chuẩn bị* đã nêu trong SGK, GV có thể bắt đầu bài học bằng nhiều cách khác nhau. Có thể khởi động bài học này bằng cách:

– Yêu cầu HS nhắc lại những điểm cần chú ý khi đọc văn bản nghị luận đã nêu ở mục *Chuẩn bị*, bài *Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam”*. Từ đó, dẫn vào bài học này: “Chúng ta sẽ đọc hiểu văn bản *Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa”* để làm sáng tỏ các đặc điểm của văn bản nghị luận vừa nêu.”.

– Cũng có thể bắt đầu bằng việc nhắc lại bài thơ *Tiếng gà trưa* của Xuân Quỳnh đã học ở Bài 2, yêu cầu HS nêu lên một số điểm về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Từ đó, nêu vấn đề: “Để hiểu rõ thêm về đẹp của bài thơ này, chúng ta sẽ cùng đọc hiểu văn bản của nhà ngôn ngữ Đinh Trọng Lạc.”.

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

Tổ chức cho HS đọc văn bản *Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa”*. Tổ chức kiểm tra việc đọc ở nhà của HS bằng cách yêu cầu tóm tắt văn bản hoặc hỏi một số thông tin nêu trong cột bên phải văn bản. Từ đó, cho HS đọc lại một số đoạn văn bản và hướng dẫn HS theo các chú ý về kĩ thuật đọc đã nêu ở cột bên phải. Ví dụ các hướng dẫn như: “Yếu tố nghệ thuật nào của khổ thơ được tác giả chú ý?”, “Ảnh hưởng đối cảm giác là gì?”, “Chú ý tác dụng của các yếu tố nghệ thuật.”; “Nhịp của đoạn thơ này có gì đặc biệt?”;...

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

Cũng như bài *Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam”*, SGK đã nêu lên các câu hỏi cốt lõi nhằm giúp HS tìm hiểu, khám phá văn bản tác phẩm này theo ba mức độ. GV cần tổ chức cho HS tìm hiểu văn bản theo 6 câu hỏi của bài đọc hiểu này. Tùy vào thời gian (có thể 2 – 3 tiết) để phân chia nhóm, cặp cùng bàn hoặc hoạt động cá nhân để tìm hiểu các lớp câu hỏi nêu trên với 3 bước:

- GV nêu nhiệm vụ.
- HS làm việc.
- Tiến hành trao đổi, thảo luận.

Sau đây là một số điểm cần lưu ý về nội dung các câu hỏi để GV tham khảo trong khi tổ chức cho HS đọc hiểu văn bản *Về đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa”*.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Nội dung chính của văn bản nghị luận <i>Về đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa”</i> là gì? Nhan đề của văn bản liên quan đến nội dung chính như thế nào?	– Câu hỏi nhằm giúp HS rèn luyện kĩ năng xác định nội dung chính của một văn bản nghị luận; nhận biết được mối quan hệ của nội dung chính và nhan đề của văn bản. – HS có thể trả lời bằng nhiều cách diễn đạt khác nhau, nhưng ý chính là: văn bản viết về vẻ đẹp nội dung và hình thức của bài thơ <i>Tiếng gà trưa</i> (Xuân Quỳnh). – Như vậy có thể thấy, nhan đề bài viết đã khái quát được nội dung chính của văn bản. Tuy nhiên, HS vẫn có thể đề xuất một nhan đề khác, miễn là thể hiện được ý chính của văn bản.
Câu 2. Bài thơ <i>Tiếng gà trưa</i> được tác giả phân tích theo thứ tự nào? Trong mỗi khổ, người viết đã phân tích những chi tiết, hình ảnh gì?	– Câu hỏi này giúp HS rèn luyện kĩ năng nhận biết cách phát triển ý của bài nghị luận. – Tác giả phân tích bài thơ lần lượt theo thứ tự các khổ từ đầu đến cuối. – Trong mỗi khổ, tác giả đều bắt đầu bằng việc nêu lên các dấu hiệu hình thức ngôn từ, sau đó, chỉ ra tác dụng của hình thức ấy trong việc thể hiện nội dung. Ví dụ các đoạn văn: “Dòng thơ thứ tư <i>Cục... cục</i> tác <i>cục</i> ta với việc lặp âm và dấu chấm lửng đã mô phỏng sát với tiếng gà, làm cho truyện kể như được lồng vào một bức tranh nổi có tiếng gà vang vọng trong không gian.”; hoặc “Lời dùng ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, lấy thính giác (nghe) thay cho thị giác (thấy) và việc lặp lại ba lần ở đầu dòng thơ động từ <i>nghe</i>, có tác dụng đem lại ấn tượng như tiếng gà ngưng lại, làm xao động không gian và cũng làm xao động cả lòng người.”;...
Câu 3. Hãy dẫn ra một ví dụ về ý kiến, lí lẽ và bằng chứng được tác giả nêu lên trong văn bản <i>Về đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa”</i> mà em thấy độc đáo, sâu sắc.	– Câu hỏi nhằm rèn luyện kĩ năng nhận biết các yếu tố ý kiến, lí lẽ và bằng chứng độc đáo trong bài nghị luận. – HS có thể dẫn ra cụ thể các yếu tố trong bài tùy theo ý mình. Nhưng cần nêu được đoạn có cả ý kiến, lí lẽ và bằng chứng. Ví dụ đoạn này: “Những câu tả có kết cấu sóng đôi và lặp từ vựng đều mở đầu bằng từ <i>này</i>, là từ để chỉ và để lưu ý người nghe tưởng tượng: – <i>Này con gà mái mơ</i> – <i>Này con gà mái vàng</i>

	Việc đảo <i>khắp</i> mình lên trước <i>hoa đốm trắng</i> làm cho bức tranh gà mái mơ trở nên đẹp lung lay. Việc dùng so sánh tu từ <i>Lông óng như màu nắng</i> làm cho bức tranh gà mái vàng trở nên đẹp rực rỡ.”. Trong đoạn văn trên, mấy câu đầu “Những câu tả có kết cấu sóng đôi ... để lưu ý người nghe tưởng tượng.” là ý kiến. Các câu: “Việc đảo <i>khắp</i> mình lên trước ... trở nên đẹp rực rỡ.” là lí lẽ và các câu thơ, cụm từ in nghiêng như: <i>khắp mình, hoa đốm trắng; Lông óng như màu nắng...</i> là bằng chứng.
Câu 4. Trong văn bản trên, tác giả rất chú trọng cách phân tích hình thức nghệ thuật (từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...) để làm nổi bật nội dung của bài thơ. Em hãy dẫn ra một ví dụ trong văn bản để làm rõ điều đó.	– Câu này nhằm đáp ứng yêu cầu CT: HS biết phân tích, cảm thụ thơ cần bắt đầu từ các yếu tố hình thức nghệ thuật mà thấy vẻ đẹp nội dung. – HS có thể nêu các ví dụ trong bài khác nhau, vì tất cả các đoạn trong bài viết này, tác giả đều tuân thủ cách phân tích ấy. Ví dụ đoạn sau: “Tất cả sáu dòng thơ của khổ thơ dưới đây chỉ làm thành một câu đơn phát triển với những thành phần chính và phụ được tách biệt ra thành từng dòng riêng. Sáu dòng thơ đều gồm năm tiếng, nhưng mỗi dòng lại có một cách ngắt nhịp khác dòng kia: <i>Cư hằng năm, / hằng năm</i> <i>Khi / gió mùa đông tới</i> <i>Bà lo / đàn gà toi</i> <i>Mong trời / đừng sương muối</i> <i>Đẽ cuối năm / bán gà</i> <i>Cháu được / quần áo mới</i> Do đó, nhịp điệu của các dòng thơ là một nhịp điệu chậm rãi của độc thoại, bên trong đầy chất suy tưởng. Và những dòng thơ cuối cùng của khổ thơ này xuất hiện thật bất ngờ, thật cảm động: <i>Đẽ cuối năm bán gà / Cháu được quần áo mới</i>. Một chi tiết nhỏ bé, đơn giản là thế mà chứa đựng một tình yêu thương sâu sắc, vô bờ bến của bà.”.
Câu 5. Mục đích của văn bản <i>Về đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa”</i> là gì? Các phần trong văn bản đã làm rõ cho mục đích đó như thế nào?	– Câu hỏi rèn luyện cho HS kĩ năng nhận biết mối quan hệ giữa nội dung và mục đích của bài viết. – Mục đích của bài viết là thuyết phục người đọc thấy rõ vẻ đẹp nội dung và hình thức của bài thơ <i>Tiếng gà trưa</i>. Đối chiếu với mục đích ấy, ta thấy nội dung cụ thể của bài nghị luận này đều tập trung làm rõ vẻ đẹp từ hình thức đến nội dung của bài thơ <i>Tiếng gà trưa</i>.

Câu 6. Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được gì về bài thơ *Tiếng gà trưa* đã học ở Bài 2?

Tùy vào nhận thức và kinh nghiệm của mỗi HS, GV gợi ý HS đối chiếu với bài đọc hiểu về văn bản *Tiếng gà trưa* đã học (Bài 2), từ đó, chỉ ra những hiểu biết mới. Chẳng hạn, về tác dụng của một số chi tiết nghệ thuật chưa nêu trong khi đọc hiểu bài thơ này.

Hoạt động 4. Tổng kết

GV yêu cầu HS nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và nghệ thuật theo nhận thức của HS. GV có thể nêu ý kiến của mình nhằm khái quát và tổng hợp đầy đủ hơn, sâu sắc hơn:

– Về nội dung: đã giới thiệu được vẻ đẹp về nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Tiếng gà trưa*.

– Về nghệ thuật: cách phân tích thơ từ hình thức nghệ thuật đến nội dung rất nhất quán; nêu ý kiến, lí lẽ và các bằng chứng phong phú, giàu sức thuyết phục,...

GV nêu những lưu ý về cách / chiến thuật đọc văn bản theo thể loại hoặc kiểu văn bản mà HS cần chú ý: “Khi đọc văn bản này, cần chú ý những gì?”.

GV hướng dẫn HS đọc mở rộng và chuẩn bị bài tiếp theo: Đọc trước phần *Thực hành tiếng Việt* trong bài học này và văn bản *Sức hấp dẫn của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển”* (Lê Phương Liên), tìm hiểu theo mục *Chuẩn bị* trong bài đọc ấy.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẢN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Lưu ý

1.1. Yêu cầu chung

Nội dung của phần *Thực hành tiếng Việt* ở bài này là *mở rộng thành phần chính* (chủ ngữ, vị ngữ) bằng cụm chủ vị. Theo hướng tích hợp và hướng thực hành, các bài tập trong sách đều được xây dựng dựa trên ngữ liệu rút ra từ tác phẩm văn chương được dạy học ở THCS (trong đó có các tác phẩm được dạy trong bài học này) và đều mang tính thực hành. Vì vậy, khi dạy các nội dung trên đây, GV cần tập trung hướng dẫn HS, qua việc phân tích ngữ liệu, rèn luyện đạt được các kĩ năng cần thiết về mở rộng thành phần chính bằng cụm chủ vị.

1.2. Yêu cầu cụ thể

Qua hệ thống bài tập, GV cần giúp HS đạt được các kĩ năng sau:

- Xác định, phân tích chủ ngữ, vị ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị.
- Mở rộng thành phần chính bằng cụm chủ vị qua việc tạo lập văn bản.

SGK có 5 bài tập, trong đó có 4 bài tập về xác định, phân tích thành phần chính (chủ ngữ, vị ngữ) được mở rộng bằng cụm chủ vị, 1 bài tập về thực hành mở rộng thành phần chính qua tạo lập văn bản.

Bài tập 1 yêu cầu HS tìm vị ngữ là cụm động từ trong những câu đã cho, xác định động từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi vị ngữ đó. Bài tập này giúp HS rèn luyện kỹ năng xác định và phân tích những vị ngữ được mở rộng bằng cách dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm vị ngữ. Bài tập gồm 2 câu; GV có thể cho HS thực hiện độc lập hoặc theo nhóm.

Bài tập 2 yêu cầu HS tìm vị ngữ là cụm chủ vị trong những câu đã cho. Bài tập này giúp HS rèn luyện kỹ năng xác định và phân tích những vị ngữ được mở rộng bằng cách dùng cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo vị ngữ. Bài tập không khó nên GV có thể cho HS thực hiện độc lập.

Bài tập 3 yêu cầu HS tìm chủ ngữ là cụm danh từ trong những câu đã cho, xác định danh từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi chủ ngữ đó. Bài tập này giúp HS rèn luyện kỹ năng xác định, phân tích những chủ ngữ được mở rộng bằng cách dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm chủ ngữ. Bài tập gồm 2 câu, lại có nhiều yêu cầu; vì vậy, GV nên cho HS làm việc theo nhóm để thực hiện.

Bài tập 4 yêu cầu HS tìm chủ ngữ là cụm chủ vị trong những câu đã cho. Bài tập này giúp HS rèn luyện kỹ năng xác định những chủ ngữ được mở rộng bằng cách dùng cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo chủ ngữ. Bài tập gồm 2 câu nên hình thức phù hợp để HS thực hiện là làm việc theo nhóm.

Bài tập 5 yêu cầu HS thực hành mở rộng chủ ngữ, vị ngữ bằng cụm chủ vị qua viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về một vấn đề nghị luận đã học. Bài tập này giúp HS rèn luyện kỹ năng mở rộng chủ ngữ, vị ngữ bằng cụm chủ vị qua tạo lập văn bản. HS cần làm việc độc lập để thực hiện bài tập này.

2. Gợi ý tổ chức dạy thực hành tiếng Việt

Hoạt động 1. Xác định khái niệm mở rộng thành phần chính bằng cụm chủ vị

GV hướng dẫn HS nêu lại các ví dụ về mở rộng thành phần chính bằng cụm chủ vị (đã nêu ở phần *Kiến thức ngữ văn*) theo hai cách: a) Dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm chủ ngữ (Ví dụ: *Điều các bạn nghĩ cũng là điều xưa nay tôi mong tưởng.*) hoặc vị ngữ (Ví dụ: *Ấy vậy tôi cho là tôi giỏi.*); b) Dùng cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo chủ ngữ (Ví dụ: *Gió thổi mạnh làm cho Sơn thấy lạnh và cay mắt.*) hoặc vị ngữ (Ví dụ: *Chị Dậu cũng nước mắt chảy qua gò má ròng ròng.*); qua đó, rút ra cách hiểu về mở rộng thành phần chính bằng cụm chủ vị.

Hoạt động 2. Tìm và phân tích vị ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị
Hoạt động này được thực hiện qua các bài tập 1, 2.

Bài tập 1. GV hướng dẫn HS lần lượt thực hiện các yêu cầu: tìm vị ngữ là cụm động từ trong 2 câu đã cho, xác định động từ trung tâm và các thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi vị ngữ đó.

– Ở câu a), vị ngữ là cụm động từ: *tưởng mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên* có động từ trung tâm là *tưởng* và thành tố phụ là cụm chủ vị đứng sau *tưởng* (*mình không còn những ước mơ và khát vọng của tuổi thanh niên*).

– Ở câu b), vị ngữ là cụm động từ: *làm ki ừc ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ* có động từ trung tâm là *làm* và thành tố phụ là cụm chủ vị đứng sau *làm* (*ki ừc ta quay lại với những kỉ niệm của tuổi thơ*).

Bài tập 2. GV hướng dẫn HS tìm vị ngữ là cụm chủ vị trong 2 câu đã cho:

– Ở câu a), vị ngữ là cụm chủ vị: *(vẫn) nét mặt hầm hầm*.

– Ở câu b), vị ngữ là cụm chủ vị: *tay cầm một chiếc nỏ lên ngắm nghía*.

Hoạt động 3. Tìm và phân tích chủ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị

Hoạt động này được thực hiện qua các bài tập 3, 4.

Bài tập 3. GV hướng dẫn HS tìm chủ ngữ là cụm danh từ, xác định danh từ trung tâm và các thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi chủ ngữ đó.

– Ở câu a), chủ ngữ là cụm danh từ: *bộ quần áo bà ba đen mà má nuôi tôi vừa khâu cho tôi* có trung tâm là *bộ quần áo bà ba đen* và thành tố phụ là cụm chủ vị *má nuôi tôi vừa khâu cho tôi*.

– Ở câu b), chủ ngữ là cụm danh từ: *chuyện bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc* có trung tâm là *chuyện* và thành tố phụ là cụm chủ vị *bác Hai và chú kết bạn rồi cùng nhau đánh giặc*.

Bài tập 4. GV hướng dẫn HS tìm chủ ngữ là cụm chủ vị trong hai câu đã cho:

– Ở câu a), chủ ngữ là cụm chủ vị: *trời mưa to*.

– Ở câu b), chủ ngữ là cụm chủ vị: *câu nói ngổa lí của con bé bảy tuổi hình như có một sức mạnh thần bí*.

Hoạt động 4. Thực hành mở rộng chủ ngữ, vị ngữ bằng cụm chủ vị qua viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về một văn bản nghị luận đã học

Bài tập 5. GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu:

– Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về một văn bản nghị luận đã học, trong đó có sử dụng ít nhất một vị ngữ và một chủ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị:

GV có thể hướng dẫn HS viết đoạn văn đáp ứng yêu cầu trên đây theo gợi ý sau: “Trong các văn bản nghị luận đã học, *Khan hiếm nước ngọt* là một trong những văn bản đem lại cho em những nhận thức mới mẻ, sâu sắc. Trước khi học văn bản *Khan hiếm nước ngọt*, em thường nghĩ rằng con người sẽ chẳng bao giờ thiếu nước. Tuy nhiên, những nội dung mà tác giả trình bày trong văn bản này cho thấy nước ngọt ngày càng khan hiếm và muốn có nước sạch để dùng, con người phải chi trả rất tốn kém. Vì vậy, con người ngày càng phải sử dụng nguồn tài nguyên nước một cách hợp lý, tiết kiệm.”.

– Chỉ ra vị ngữ, chủ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị:

+ Ở câu thứ hai trong đoạn văn có vị ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị: *thường nghĩ rằng con người sẽ chẳng bao giờ thiếu nước*.

+ Ở câu thứ ba trong đoạn văn có chủ ngữ được mở rộng bằng cụm chủ vị: *những nội dung mà tác giả trình bày trong văn bản này*.

V. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẢN THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

Văn bản

Sức hấp dẫn của tác phẩm *Hai vạn dặm dưới đáy biển*

(LÊ PHƯƠNG LIÊN)

Hoạt động 1. Khởi động

Tham khảo hoạt động khởi động ở các tiết đọc hiểu văn bản *Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam”* và đọc hiểu văn bản *Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa”* trong bài học này.

Hoạt động 2. Đọc và kiểm tra việc đọc văn bản của HS

GV hỏi HS về việc đọc ở nhà bằng cách yêu cầu tóm tắt văn bản hoặc dựa vào các nội dung nêu ở cột bên phải văn bản này trong SGK để kiểm tra việc đọc của HS. Có thể đọc lại một vài đoạn và lưu ý HS quan sát, suy nghĩ các câu hỏi ở cột bên phải. Ví dụ: “Câu nào là ý kiến của tác giả nêu trong phần (1)?”, “Phần (2) phát triển ý kiến nêu ở phần (1) như thế nào?”, “Chú ý những nhận xét của người viết về tác giả Véc-nơ.”,...

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

Có thể chia nhóm tìm hiểu 4 câu hỏi trong SGK, sau đó, trao đổi và nhận xét.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Nhan đề văn bản cho em biết vấn đề trọng tâm mà tác giả muốn nêu lên là gì?	HS có thể diễn đạt khác nhau, nhưng ý chính là: Nhan đề văn bản đã cho người đọc biết nội dung trọng tâm mà tác giả muốn nêu lên là sức hấp dẫn của tiểu thuyết <i>Hai vạn dặm dưới đáy biển</i> . Nói cách khác, trọng tâm bài viết được nêu ngay trong nhan đề văn bản.
Câu 2. Tóm tắt nội dung các phần của văn bản bằng cách nêu 1 – 2 câu hỏi ngắn gọn cho mỗi phần theo mẫu (SGK <i>Ngữ văn 7</i> , tập một, trang 93).	Dựa vào mẫu ở bảng trong SGK, GV tổ chức cho HS diễn nội dung tóm tắt của từng phần vào vở. Sau đó, cho HS trình bày và trao đổi để nắm vững nội dung của văn bản.
Câu 3. Theo tác giả bài nghị luận, “những giá trị nhân văn” trong tác phẩm của Véc-nơ được thể hiện như thế nào?	– GV hướng dẫn HS tìm hiểu giá trị nhân văn được thể hiện trong văn bản này. – “Giá trị nhân văn” được tác giả nói đến trong bài thể hiện ở một số phương diện như: cuốn sách đã nêu lên khát vọng chinh phục biển cả của con người; ca ngợi sự dũng cảm, lòng can đảm, sự quả quyết của con người qua hình tượng nhân vật thuyền trưởng Nê-mô. Truyện “lại được diễn đạt bằng một giọng văn hài hước, dí dỏm, chan chứa tình cảm yêu thương con người”. Đặc biệt là phần (4), đề cao sức mạnh tinh thần của con người, dù nhỏ bé nhưng “chứa trong tám can “một đại dương””. Ở phần (4), tác giả Lê Phương Liên đã phân tích “giá trị nhân văn” của tác phẩm. Đặc biệt là câu cuối phần này: “Phải chăng đó chính là những giá trị nhân văn khiến người ta đã và sẽ còn tìm đọc Véc-nơ, bởi ông không chỉ đơn giản là người kể chuyện hấp dẫn, những trang sách của ông còn là một đại dương tinh người?”.
Câu 4. Văn bản nghị luận này giúp em hiểu thêm được điều gì về văn bản <i>Bạch tuộc</i> đã học ở Bài 3?	Tuỳ vào nhận thức và kinh nghiệm của mỗi HS, GV gợi ý HS đối chiếu với bài đọc hiểu về văn bản <i>Bạch tuộc</i> đã học (Bài 3), từ đó, chỉ ra những hiểu biết mới, những điều chưa biết trong tiết đọc hiểu đó.

Nếu có thời gian, GV tiến hành thêm *Hoạt động 4. Tổng kết* như tiết đọc hiểu văn bản chính.

Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật

1. Lưu ý

– Phần này luyện viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật. Thường trong các tác phẩm văn xuôi (truyện ngắn, tiểu thuyết,...), nhân vật thể hiện rõ đặc điểm và tính cách thông qua các phương diện: ngoại hình, nội tâm, ngôn ngữ, hành động,... Trong SGK *Ngữ văn 7*, trước bài này, HS đã học về tiểu thuyết và truyện ngắn (Bài 1); truyện khoa học viễn tưởng (Bài 3). Vì thế, ở Bài 4 đã có đủ ngữ liệu để dạy về phân tích đặc điểm nhân vật theo yêu cầu tích hợp dọc giữa các bài. Hoạt động này vừa nhằm thực hành viết, vừa củng cố lại những hiểu biết về nội dung các tác phẩm đã học ở các bài trước.

– Phân tích đặc điểm nhân vật là kiểu văn bản nghị luận văn học lần đầu tiên yêu cầu HS viết bài (các lớp trước chưa có yêu cầu này), nên vừa cần giới thiệu cụ thể cách làm với các ví dụ chi tiết; nhưng cũng cần yêu cầu đơn giản, chỉ cần HS nhận biết và nêu lên được các đặc điểm nổi bật ở một nhân vật nào đó trong tác phẩm. Thực chất là rèn luyện cách suy nghĩ và nhận xét của HS trước một nhân vật văn học.

– Phần *Viết* được dành 3 tiết, gồm hai nội dung *Định hướng* và *Thực hành* viết. GV tự cân đối thời gian trong cả bài học lớn để xác định thời lượng phù hợp cho phần này.

2. Gợi ý tổ chức dạy viết

Hoạt động 1. Định hướng

GV cho HS đọc mục *Định hướng* trong SGK. Sau đó, tổ chức cho HS tìm hiểu các yêu cầu của bài văn phân tích đặc điểm nhân vật thông qua đoạn trích ngắn từ văn bản nghị luận văn học đã học (về nhân vật ông Hai bán rần trong tác phẩm *Đất rừng phương Nam*). Từ ví dụ đó, rút ra cách phân tích đặc điểm nhân vật. Mục b) trong SGK đã lưu ý HS các điểm cần chú ý khi viết bài văn phân tích nhân vật:

- Lựa chọn nhân vật sẽ phân tích trong tác phẩm văn học.
- Đọc kĩ tác phẩm viết về nhân vật đó.
- Ghi chép các chi tiết về nhân vật (lại lịch, hình dáng, những suy nghĩ, lời nói, hành động, việc làm,...).

- Nhận xét, đánh giá về nhân vật.
- Lập dàn ý và viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật theo dàn ý đã lập.

Hoạt động 2. Thực hành

GV cho HS tìm hiểu đề văn nêu trong phần bài tập: *Viết bài văn phân tích nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của nhà văn Đoàn Giỏi.* Sau đó, lần lượt yêu cầu thực hành theo 4 bước.

Trong 4 bước thì bước *Tìm ý và lập dàn ý*, *Viết* là chính, dành nhiều thời gian hơn. Tìm hiểu cách tìm ý và lập dàn ý, cách viết mà SGK đã nêu lên về cách phân tích nhân vật Võ Tòng trong văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng*. Chú ý giúp HS phân biệt yêu cầu biểu cảm về một nhân vật đã học ở Bài 3 với phân tích một nhân vật ở bài này. Hai yêu cầu này có liên quan với nhau, nhưng không phải là một (đã nêu ở Bài 3).

Nội dung trong SGK nêu lên các gợi ý khá chi tiết về nhân vật Võ Tòng để HS tham khảo. Khi dạy, GV nên yêu cầu HS đọc và nhận xét, bổ sung các biểu hiện làm rõ thêm đặc điểm của nhân vật này dựa vào gợi ý trong SGK.

Do bước tìm ý và lập dàn ý đã khá chi tiết nên với bài này, GV nên tổ chức thực hành viết bài một cách linh hoạt. Tùy vào kế hoạch rèn luyện kỹ năng viết đã lập cho toàn bộ các bài học để xác định hình thức luyện tập ở bài này cho phù hợp:

- Trên lớp, có thể chỉ tập trung viết một ý hoặc một phần của bài.
- Sau đó, HS phải thực hành *Kiểm tra và chỉnh sửa* “sản phẩm” của mình.
- Cuối cùng, GV có thể yêu cầu HS về nhà hoàn chỉnh bài viết.

VII. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẦN NÓI VÀ NGHE

Thảo luận nhóm về một vấn đề

1. Lưu ý

Tham khảo một số lưu ý ở phần *VII. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Nói và nghe* (Bài 3, SGK *Ngữ văn 7*, tập một, trang 83).

2. Gợi ý tổ chức dạy nói và nghe

Hoạt động 1. Định hướng

Nội dung mục *Định hướng* của phần này giống như nội dung định hướng rèn luyện kỹ năng nói và nghe ở Bài 3. GV cho HS nhắc lại các điểm cần lưu ý khi thảo luận nhóm về một vấn đề gây tranh cãi với hai yêu cầu:

- a) Thảo luận nhóm về một vấn đề còn gây tranh cãi là như thế nào?
b) Để trình bày, thảo luận nhóm về một vấn đề, HS phải làm gì?

Hoạt động 2. Thực hành

Nội dung thực hành dựa vào bài tập: *Có người cho rằng, phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” (trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam”) của Đoàn Giỏi nghĩa là kể lại câu chuyện về nhân vật ấy. Em sẽ nêu ý kiến như thế nào trong buổi thảo luận nhóm?*

– Vấn đề thảo luận ở đây gắn với vấn đề phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng và kể chuyện về nhân vật ấy. Hai hoạt động này có điểm chung là đều nói về, nói tới nhân vật Võ Tòng. Nhưng kể lại câu chuyện là kể theo trình tự và nội dung khách quan có trong văn bản, không cần ý kiến, nhận xét gì của người kể; còn phân tích nhân vật là người viết phải có ý kiến, lí lẽ và nhận xét của mình. Các yêu cầu này SGK đã nêu khá rõ ràng và chi tiết.

– GV yêu cầu HS thực hiện các bước như quy trình, gồm: chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý; nói và nghe; kiểm tra và chỉnh sửa. GV yêu cầu HS dựa vào gợi ý đã có trong SGK, phác thảo nhanh các ý cho bài nói; ưu tiên thời gian cho việc thực hành nói và nghe.

– GV nhắc nhở và yêu cầu HS tập trung vào các kĩ năng thảo luận nhóm; lưu ý cả về nội dung và thái độ trình bày, thảo luận; nội dung trao đổi và thái độ khi nghe.

VIII. HƯỚNG DẪN PHẢN TỰ ĐÁNH GIÁ

Gợi ý đáp án và trả lời các câu hỏi, bài tập trong SGK:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đáp án	C	B	D	B	A	C	B	D	B

Câu 10. HS tự làm.

Bài 5

VĂN BẢN THÔNG TIN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học

– Nhận biết được một số yếu tố hình thức (cách trình bày, cách triển khai thông tin,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của văn bản giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi.

Đây là mục tiêu chung cho hoạt động đọc hiểu văn bản (bao gồm 2 văn bản đọc chính và 1 văn bản thực hành đọc hiểu). Sau khi đọc văn bản, HS cần:

+ Nhận biết được thông tin chính của văn bản giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi (trả lời các câu hỏi: Văn bản giới thiệu hoạt động hay trò chơi gì? Hoạt động hay trò chơi ấy có quy tắc, luật lệ như thế nào?...).

+ Chỉ ra các thông tin cụ thể được đề cập đến trong văn bản và thông tin đó được triển khai theo trật tự nào (trật tự thời gian, mức độ quan trọng của thông tin hoặc các khía cạnh khác nhau,...).

+ Ngoài ra, cần xác định được đặc điểm văn bản thông tin thể hiện qua các yếu tố hình thức (đã học ở lớp 6) như: nhan đề, sa pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự và dấu đầu dòng, đặc biệt là các hình ảnh, âm thanh,... có trong văn bản; nêu tác dụng của chúng trong việc cung cấp, làm rõ thông tin của văn bản hoặc làm tăng thêm sức hấp dẫn của văn bản.

+ Nêu được ý nghĩa của văn bản giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi đối với người đọc.

– Biết giới thiệu, thuyết minh, giải thích quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi cả trong viết, nói và nghe.

Đây là mục tiêu chung của hoạt động viết và nói – nghe. Bài văn thuyết minh giới thiệu, giải thích quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi của HS cần nêu được các quy định về cách thức tiến hành một hoạt động hay trò chơi mà người tham gia cần tuân thủ và người xem cần biết; trình bày thông tin theo một trật tự nào đó; sử dụng kết hợp giữa ngôn ngữ và các phương tiện khác như tranh, ảnh, biểu đồ, đồ thị,... để truyền tải thông tin và làm tăng tính hấp dẫn cho bài viết; có thể được trình bày theo cách truyền thống hoặc đồ họa thông tin; có thể viết tay hoặc thiết kế trên máy tính.

Lưu ý: Cần phân biệt giới thiệu, thuyết minh về quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi bằng văn bản (ngôn ngữ viết) khác với giới thiệu, thuyết minh về quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi bằng lời (ngôn ngữ nói) như thế nào. Người nói có thể sử dụng các phương tiện khác như tranh, ảnh, sơ đồ, lược đồ, video,... để làm tăng sức hấp dẫn và hiệu quả của hoạt động thuyết minh, giới thiệu.

– Mở rộng được trạng ngữ của câu trong viết và nói.

Đây là mục tiêu của phần *Thực hành tiếng Việt*. Mục tiêu này được thực hiện trong các hoạt động đọc hiểu, viết, nói và nghe cũng như trong tiết học dành riêng cho nội dung tiếng Việt này. Tất cả đều theo yêu cầu tích hợp.

2. Góp phần phát triển các phẩm chất và năng lực chung

Thông qua nội dung các văn bản đọc hiểu, viết và nói – nghe trong bài học này, giáo dục cho HS:

- Yêu quý và trân trọng cảnh vật, con người và truyền thống văn hoá dân tộc.
- Quan tâm đến những hoạt động hoặc trò chơi nổi bật của địa phương, đất nước và thế giới.
- Chủ động tự tìm kiếm, lựa chọn thông tin để phục vụ cho học tập và giao tiếp hằng ngày.

Các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung nêu trên được hình thành và phát triển gắn với nội dung cụ thể của bài học. Ba văn bản đọc hiểu đều thuật lại các hoạt động văn hoá và trò chơi của các vùng miền trên đất nước Việt Nam. Các hoạt động viết, nói và nghe cũng xoay quanh chủ đề này. Vì thế, dạy và học tốt các hoạt động này là đã góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung nói trên.

Lưu ý: Các hoạt động đọc, viết, nói và nghe của HS ở Bài 5 đều liên quan đến văn bản thông tin, hướng đến chủ đề “văn hoá, lễ hội”. GV cần xác định mục tiêu chính của bài học là giúp HS biết cách đọc và viết một văn bản thông tin, không phải là cung cấp và yêu cầu HS nắm được tất cả các kiến thức về văn hoá, lễ hội. Các hoạt động và trò chơi cụ thể chỉ là đề tài, chủ đề của các tiết đọc, viết, nói và nghe.

II. KIẾN THỨC NGŨ VĂN

Phần này HS đọc ở nhà. Tuy vậy, trong quá trình dạy đọc hiểu văn bản, GV cần hướng dẫn HS đọc và tìm hiểu các kiến thức ngữ văn đã có trong SGK với một số lưu ý.

Bài học cung cấp cho HS một số kiến thức ngữ văn chính về *văn bản thông tin giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi* và *mở rộng trạng ngữ*.

Với *văn bản thông tin giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi*, HS cần nắm được mục đích của văn bản (chủ yếu dùng để cung cấp thông tin về các quy tắc, luật lệ,...), cách thức triển khai thông tin trong văn bản (theo trật tự thời gian, mức độ quan trọng của thông tin hoặc các khía cạnh khác nhau). Văn bản giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi là loại văn bản thông tin nêu lên các quy định về cách thức tiến hành một hoạt động hay trò chơi mà người tham gia cần tuân thủ và người xem cần biết.

Với *mở rộng trạng ngữ*, HS cần hiểu có hai cách mở rộng trạng ngữ: a) Dùng từ hoặc cụm từ chính phụ (cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ) bổ sung cho từ

làm trạng ngữ và b) Dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm trạng ngữ hoặc trực tiếp cấu tạo trạng ngữ.

GV yêu cầu HS đọc trước các thông tin này ở nhà và đặt các câu hỏi cho HS (nếu cần). Để kiểm tra việc đọc các kiến thức ngữ văn này của HS, trên lớp, trước khi dạy học, GV có thể tổ chức hoạt động khởi động cho toàn bài bằng cách đặt một số câu hỏi để HS trả lời hoặc thảo luận.

Thông thường, cũng như các bài học khác, GV không dạy các kiến thức ngữ văn này như một nội dung độc lập mà chỉ đề cập đến khi HS cần vận dụng thực hành làm bài tập trong quá trình học bài. Khi đó, GV sẽ gọi cho HS trở lại với kiến thức ấy và vận dụng nó vào việc đọc, viết hoặc nghe, nói.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẢN ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (trọng tâm)

1. Lưu ý

– Văn bản thông tin đã được học từ các lớp dưới. Sách *Ngữ văn 7* có hai bài: Bài 5 và Bài 10. Bài 5 tập trung vào văn bản thông tin giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi. Bài 10 tập trung vào các loại văn bản có cách triển khai và trình bày thông tin theo cách phân loại đối tượng; có cước chủ và tài liệu tham khảo. Tuy nhiên, cần xem lại hướng dẫn dạy đọc hiểu văn bản thông tin nói chung, lồng ghép vào phần hướng dẫn dạy học đọc hiểu văn bản của Bài 5 (SGV *Ngữ văn 6*, tập một).

– *Phản Đọc hiểu văn bản* của Bài 5. *Văn bản thông tin* yêu cầu HS đọc hai văn bản dưới sự hướng dẫn của GV (*Ca Huế và Hội thi thổi cơm*); thực hành đọc một văn bản (*Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang*). Phần *Tự đánh giá* với văn bản *Trò chơi dân gian của người Khmer Nam Bộ*. Có thể thấy, các văn bản này đều được viết theo phương thức thuyết minh với đề tài và chủ đề đều về văn hoá, lễ hội đặc sắc trên cả ba vùng miền Bắc – Trung – Nam; chú ý cả trò chơi, hoạt động văn hoá của các dân tộc thiểu số (Khmer).

– Cũng như các bài học khác, bài đọc hiểu văn bản thông tin trong SGK gồm hai mục: *Chuẩn bị* và *Đọc hiểu*.

+ Mục *Chuẩn bị* ở mỗi bài đọc thường lưu ý HS xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản hoặc áp dụng hướng dẫn đọc văn bản ở mục *Chuẩn bị* của bài đọc trước vào đọc hiểu bài đọc sau. Ngoài ra, mục *Chuẩn bị* của mỗi bài còn có thể cung cấp thêm những yếu tố về nội dung và hình thức của văn bản mà HS phải đọc được cũng như cách đọc / chiến thuật đọc để tiếp nhận được những yếu tố nội dung và hình thức ấy; đồng thời, yêu cầu HS tìm hiểu trước về

nội dung văn bản và ghi lại những thông tin cần thiết, cũng như nguồn cung cấp các thông tin ấy.

Ngoài ra, GV cũng nên cung cấp cho HS một số chiến thuật đọc văn bản thông tin, chẳng hạn: i) *Đọc lướt* văn bản, chú ý nhan đề và các đề mục để tìm các thông tin chính (những thông tin quan trọng nhất của văn bản mà người viết muốn truyền tải tới độc giả, thường được nêu trực tiếp trong một câu chủ đề ở đầu hoặc cuối phần, cuối đoạn hay đề mục của mỗi phần, mỗi đoạn đó); ii) *Đọc kĩ* nội dung dưới mỗi mục để tìm các thông tin chi tiết, cụ thể; iii) *Ghi chú trong khi đọc* bằng cách đánh dấu những thông tin quan trọng và những phương tiện giúp làm nổi bật thông tin đó. GV yêu cầu HS đọc trước mục *Chuẩn bị* ở nhà. Khi hướng dẫn HS đọc trên lớp, GV lưu ý lại HS các nội dung này.

+ Mục *Đọc hiểu* sẽ được GV tổ chức thành các hoạt động: khởi động, hướng dẫn đọc hiểu văn bản, tổng kết và tự đánh giá về văn bản. GV lưu ý cách tổ chức như sau:

Đề mục *Đọc hiểu* (gồm cả văn bản được dạy học chính thức và văn bản thực hành đọc) trên lớp được thực hiện tốt, phát huy được tính chủ động, tích cực của HS, GV có thể hướng dẫn HS thực hiện trước một số hoạt động ở nhà như:

i) *Đọc thầm văn bản lần thứ nhất*: Văn bản cần tìm hiểu trong SGK được trình bày thành hai phần (2 cột): phần bên trái là văn bản mà HS cần đọc hiểu; phần bên phải là những câu hỏi hoặc lưu ý HS thực hiện trong khi đọc từng phần / đoạn văn bản của tác giả. Khi đọc xong từng phần / đoạn của văn bản ở bên trái, HS tạm dừng và đọc thầm sang các ô bên phải tương ứng (nếu có) để thực hiện việc trả lời một số câu hỏi, thực hiện các nhiệm vụ hoặc lưu ý một số vấn đề mà SGK đã nêu ra.

Ngoài việc tạm dừng ở cuối mỗi phần / đoạn để tiếp nhận và thực hiện các hướng dẫn đọc hiểu trong khi đọc, GV cũng hướng dẫn HS tạm dừng ở các từ ngữ có kí hiệu chú thích và đọc nội dung chú thích cho các từ ngữ này ở phần chân trang để hiểu nghĩa của chúng trong văn bản, tránh tình trạng HS không đọc chú thích chân trang hoặc đọc hết văn bản rồi mới đọc lần lượt từng chú thích thì hiệu quả đọc hiểu cũng không cao.

ii) *Đọc thầm lại hoặc đọc to toàn bộ văn bản ít nhất một lần nữa* (không dừng lại ở mỗi phần / đoạn hay chú thích) để cảm nhận chung / tổng thể về văn bản.

iii) *Trả lời các câu hỏi nêu ở sau văn bản đọc hiểu*: Thông thường, với mỗi văn bản, có 4 – 6 câu hỏi hướng dẫn HS đọc hiểu, trong đó có các câu ở mức hiểu, phân tích, nhận xét và mở rộng, nâng cao. GV yêu cầu HS tự trả lời ít nhất 4 câu hỏi đầu

(từ câu 1 đến câu 4) và ghi câu trả lời vào vở soạn, các câu hỏi còn lại không bắt buộc HS phải trả lời trước khi được GV hướng dẫn đọc hiểu văn bản trên lớp.

– Trước khi đọc văn bản thông tin, HS sẽ tập trung tìm hiểu xuất xứ của văn bản (Văn bản được in hoặc đăng ở sách, báo hoặc phương tiện nào? Được in hoặc đăng vào thời điểm nào? Việc in hoặc đăng vào thời điểm đó có ý nghĩa gì?). Nếu văn bản có ghi tên tác giả, HS nên tìm hiểu chung về tác giả (tên tuổi, nghề nghiệp, hướng nghiên cứu hoặc viết bài).

– Với văn bản thông tin, HS không đọc diễn cảm mà tập trung đọc rõ ràng, lưu loát văn bản.

Sau đây là những hướng dẫn dạy học từng văn bản cụ thể.

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

Văn bản 1

Ca Huế

(Theo dsvh.gov.vn)

Hoạt động 1. Khởi động

GV có thể tổ chức khởi động bằng nhiều hình thức khác nhau. Dưới đây là một số gợi ý:

– Cách 1: Yêu cầu cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ sau: “Em đã đến thành phố Huế lần nào chưa? Hãy nêu lên những hiểu biết của em về xứ Huế (về thiên nhiên, cảnh vật, danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, con người, đặc sản ẩm thực và văn hoá, văn học,...)”.


Gọi một số HS phát biểu và bổ sung. Từ các điều HS biết, GV dẫn dắt vào bài: “Đọc văn bản này, chúng ta sẽ hiểu về ca Huế – một hoạt động văn hoá rất nổi tiếng của xứ Huế.”.

– Cách 2: Yêu cầu HS nêu những hoạt động văn hoá âm nhạc nổi tiếng của các vùng miền mà em biết (Bắc, Trung, Nam) và trả lời câu hỏi: “Theo em, xứ Huế có hoạt động âm nhạc lâu đời nào nổi tiếng?”. Từ đó, GV dẫn vào bài như đã nêu ở cách 1.

– Cách 3: Trình chiếu video clip hoặc tranh, ảnh về xứ Huế và cảnh hát ca Huế trên sông Hương. Từ đó, nêu vấn đề và dẫn vào bài học.

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

– Đọc văn bản (còn gọi là đọc thông) và phát biểu ấn tượng hoặc cảm nhận chung về văn bản: GV có thể cho HS đọc lại văn bản (sau khi đã đọc ở nhà) hoặc

dựa vào phần chuẩn bị bài ở nhà để xác định phương thức tạo lập văn bản (ở đây là phương thức thuyết minh) và đề tài / chủ đề của văn bản (giới thiệu một hoạt động văn hoá âm nhạc).

– Tổ chức cho HS đọc văn bản, tìm hiểu những từ ngữ khó như: *hát cửa quyền, diễn xướng, nhạc thính phòng* và những lưu ý về cách đọc (cột bên phải). Ví dụ: “Chú ý nguồn gốc của ca Huế.”, “Ở phần (2), những thông tin nào thể hiện quy tắc, luật lệ của ca Huế?”,...

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

Sau khi HS đã đọc văn bản, GV linh hoạt hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi / thực hiện các nhiệm vụ trong SGK (bao gồm cả những câu hỏi trong khi đọc – nếu HS chưa tự mình giải đáp được) để tìm hiểu văn bản cả về nội dung và hình thức theo đặc trưng của văn bản. Ngoài những câu hỏi / nhiệm vụ trong SGK, GV có thể đặt thêm các câu hỏi / nhiệm vụ khác cho HS thực hiện hoặc cụ thể hoá hơn các câu hỏi / nhiệm vụ trong sách cho phù hợp với HS. Mỗi câu hỏi / nhiệm vụ đều được tổ chức theo hướng:

- GV nêu câu hỏi / nhiệm vụ.
- HS làm việc (cá nhân, theo cặp hoặc nhóm).
- HS trình bày kết quả, trao đổi và thảo luận để thống nhất, rút ra kết luận.

Dưới đây là một số gợi ý về cách tổ chức và nội dung HS cần tìm hiểu, thực hiện nhiệm vụ.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Văn bản <i>Ca Huế</i> giới thiệu về hoạt động nghệ thuật nào?	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời sau khi <i>đọc thầm văn bản lần thứ nhất</i>. Cũng có thể bắt đầu từ nhan đề <i>Ca Huế</i>. – Văn bản giới thiệu hoạt động ca Huế, một hoạt động âm nhạc truyền thống lâu đời và rất nổi tiếng của xứ Huế.
Câu 2. Văn bản <i>Ca Huế</i> gồm ba phần. Có ý kiến cho rằng: Phần (1) nêu giá trị, phần (2) nói về nguồn gốc và phần (3) nêu môi trường diễn xướng của ca Huế. Ý kiến này chưa đúng, em hãy sắp xếp lại nội dung từng phần cho phù hợp.	– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp để trả lời. – Đây là câu hỏi yêu cầu HS xác định bố cục của văn bản; nắm được ý chính bao quát toàn bộ văn bản. – Ý kiến nêu ở câu hỏi chưa đúng, cần chỉnh lại: Văn bản gồm ba phần: phần (1) nêu nguồn gốc, phần (2) nêu môi trường diễn xướng và phần (3) nêu giá trị của hoạt động ca Huế.

Câu 3. Văn bản giới thiệu các đặc điểm của ca Huế nhưng cũng chính là nêu lên các quy tắc, luật lệ trong hoạt động ca Huế. Hãy làm sáng tỏ điều đó bằng cách nêu quy định cụ thể của các quy tắc, luật lệ ở phần (2) theo mẫu (SGK <i>Ngữ văn 7</i>, tập một, trang 105).	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời. – Đây là câu hỏi yêu cầu HS tìm hiểu chi tiết vào văn bản. SGK đã nêu lên bảng và cho ví dụ mẫu. – HS cần nhận biết các hoạt động đã nêu trong cột bên trái của bảng, từ đó, đối chiếu với các nội dung cụ thể có trong phần (2) của văn bản để nêu lên các quy định cụ thể của các quy tắc, luật lệ của hoạt động ca Huế. Ví dụ: + Môi trường diễn xướng: thường ở trong một không gian hẹp. + Số lượng nhạc công: từ 5 đến 6 người. + Số lượng nhạc cụ: 4 hoặc 5 nhạc cụ. + Phong cách biểu diễn: có 2 hình thức (biểu diễn truyền thống và biểu diễn cho du khách).
Câu 4. Câu văn nào trong văn bản đã khái quát được giá trị của ca Huế?	– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm để trả lời. – Câu hỏi yêu cầu HS biết tìm câu / đoạn văn có thông tin khái quát (thông tin chính) nêu bật được giá trị của hoạt động ca Huế. – Dựa vào bố cục văn bản, có thể thấy phần (3) là nội dung khái quát giá trị của ca Huế: “Là thể loại âm nhạc kết hợp giữa dân gian, chuyên nghiệp và bác học của ca nhạc thính phòng, một thể loại âm nhạc đỉnh cao trong toàn bộ các di sản âm nhạc truyền thống Việt Nam, ca Huế đã được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đưa vào <i>Danh mục Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia</i> theo Quyết định số 1877/QĐ-BVHTTDL ngày 08 tháng 6 năm 2015.”.
Câu 5. Dựa vào các thông tin từ văn bản trên, hãy viết một đoạn văn (khoảng 6 – 8 dòng) tóm tắt những hiểu biết của em về ca Huế.	Câu hỏi này yêu cầu HS tích hợp kĩ năng đọc hiểu và viết. GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời.
Câu 6. Hãy nêu một hoạt động ca nhạc truyền thống của quê hương em hoặc các vùng miền khác có hình thức tương tự như hoạt động ca Huế.	Đây là câu hỏi yêu cầu HS liên hệ với thực tiễn của quê hương hoặc các vùng miền khác về các hoạt động văn hoá. Cần thống nhất “quê hương” theo cả nghĩa hẹp và nghĩa rộng: có thể ngay một làng, xã; nhưng cũng có thể là huyện, tỉnh.

Hoạt động 4. Tổng kết

Sau khi hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi / thực hiện các nhiệm vụ ở *Hoạt động 3*, GV yêu cầu HS nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và hình thức theo nhận thức của HS bằng cách đặt câu hỏi cho HS trả lời:

– Qua văn bản, em có thêm hiểu biết gì về hoạt động ca Huế và ý nghĩa của hoạt động ấy?

– Để cung cấp thông tin về hoạt động ca Huế, người viết đã sử dụng hình thức thuyết minh như thế nào (bố cục, cách diễn đạt (dùng từ, đặt câu, sử dụng hình ảnh,...))?

Sau đó, GV nhắc lại những lưu ý về cách / chiến thuật đọc văn bản thông tin giới thiệu về quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi (như đã nêu ở mục *Chuẩn bị*).

Cuối cùng, GV hướng dẫn HS đọc mở rộng và chuẩn bị bài tiếp theo: Đọc trước văn bản *Hội thi thổi cơm* và thực hiện các nhiệm vụ nêu ở mục *Chuẩn bị*, trong khi đọc và sau khi đọc văn bản.

Văn bản 2

Hội thi thổi cơm

(Theo dulichvietnam.org.vn)

Cách thức tổ chức dạy học tương tự như văn bản *Ca Huế*.

Hoạt động 1. Khởi động

GV có thể tổ chức khởi động bằng nhiều hình thức khác nhau. Dưới đây là một số gợi ý:

– Cách 1: Yêu cầu HS làm việc nhóm thực hiện nhiệm vụ sau: “Từ văn bản *Hội thi thổi cơm* đã đọc ở nhà, em hãy nêu lên một số trò chơi dân gian có hình thức các cuộc thi tài và những quy định, luật lệ độc đáo mà em biết.”. Từ đó, GV dẫn vào bài học.

– Cách 2: Yêu cầu HS làm việc cá nhân thực hiện nhiệm vụ sau: “Nếu phải thuyết minh một cách thật ngắn gọn về một trò chơi hay cuộc thi nào đó, em sẽ đưa vào những thông tin chính nào và lựa chọn cách trình bày ra sao?”.

– Cách 3: GV chiếu một video clip về một hội thi dân gian ở các vùng miền (gắn với lớp / địa phương mình dạy). Từ đó, dẫn vào bài đọc hiểu *Hội thi thổi cơm*.

Hoạt động 2. Đọc và tìm hiểu chung

Xem lại cách tổ chức hoạt động này đối với văn bản *Ca Huế*, thực hiện tương tự.

Lưu ý HS:

– Phân biệt nghĩa giống và khác nhau giữa chữ *thổi com* trong nhan đề và chữ *nấu com*, tìm thêm các từ khác cùng nghĩa với từ *nấu com* và *thổi com* ở các địa phương.

– Chú ý nội dung phần sa pô của văn bản và tác dụng của phần sa pô này: ngắn gọn nhưng đã nêu bật được nội dung chính của hội thi thổi com.

– Tìm hiểu ảnh minh hoạ và mối quan hệ với nội dung văn bản.

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

Xem lại cách tổ chức hoạt động này đối với văn bản *Ca Huế*, thực hiện tương tự.

Dưới đây là một số gợi ý về cách tổ chức và nội dung HS cần tìm hiểu, thực hiện nhiệm vụ.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Chỉ ra bố cục của văn bản <i>Hội thi thổi com</i> . Mỗi phần của văn bản cung cấp cho người đọc thông tin gì? Theo em, thông tin nào là quan trọng nhất? Vì sao?	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời. – HS cần biết được bố cục văn bản, bao gồm: phần sa pô mở đầu (in đậm); tiếp đến là các phần có tiêu đề phụ nêu địa điểm của từng hội thi (4 địa điểm). – Chỉ ra được câu trúc của mỗi phần (mỗi cuộc thi) và xác định thông tin chung cũng như thông tin quan trọng nhất. Có thể thấy, cách trình bày có khác nhau, nhưng nhìn chung các mục đều nhằm cung cấp cho người đọc: + Nội dung các cuộc thi thổi com. + Thông tin quan trọng nhất là các quy định về (thể lệ) cuộc thi.
Câu 2. Các thông tin trong văn bản được sắp xếp theo trật tự nào? (Gợi ý: trật tự thời gian, quan hệ nguyên nhân – kết quả, mức độ quan trọng hoặc các đối tượng được phân loại). Cách sắp xếp thông tin đó tạo ra hiệu quả như thế nào?	– GV yêu cầu HS làm việc theo cặp để trả lời. – Câu hỏi này yêu cầu HS nhận biết cách thức triển khai, trình bày thông tin trong văn bản. – Có thể thấy, nhìn chung các mục trong văn bản triển khai, trình bày thông tin theo đối tượng được phân loại. Cụ thể, mỗi cuộc thi phân loại đối tượng dự thi và cách thi. – Cách trình bày này giúp người đọc nắm được các yêu cầu chung (mô hình nội dung chính) của văn bản nhanh chóng, cũng từ đó, biết cách viết văn bản giới thiệu luật lệ, quy tắc của một trò chơi.

Câu 3. Chỉ ra những điểm giống nhau và khác nhau trong hội thi thổi cơm của các địa phương được nói tới trong văn bản.	– GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm để trả lời. – Câu hỏi này yêu cầu HS cần thấy được văn bản cung cấp thông tin chính về 4 hội thi thổi cơm ở 4 địa phương khác nhau. HS có thể dễ dàng chỉ ra điểm giống nhau và khác nhau của những hội thi đó. Ví dụ về điểm giống nhau: các hội thi đều có các quy định (luật lệ) về cách thức tiến hành và quy định phân loại thắng – thua.
Câu 4. Mục đích của văn bản <i>Hội thi thổi cơm</i> là gì? Phân tích một số nội dung cụ thể trong văn bản để thấy người viết đã đạt được mục đích đó.	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời. – Câu hỏi yêu cầu HS cần nhận biết được mục đích và mối quan hệ giữa mục đích với nội dung của văn bản. – Mục đích của văn bản là nêu lên các nét đặc sắc của hội thi thổi cơm ở một số địa phương miền Bắc. – Nội dung cụ thể đã làm sáng tỏ được các quy định (thể lệ) rất độc đáo của mỗi hội thi. HS cần nêu ví dụ về những quy định độc đáo của mỗi hội thi.
Câu 5. Văn bản trên giúp em hiểu thêm điều gì về hội thi thổi cơm? Hãy chỉ ra luật thi và cách thi thổi cơm của một địa phương được nêu trong văn bản mà em thấy thú vị.	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp để tìm ra câu trả lời. – Tùy vào thu hoạch và hiểu biết của mỗi HS, GV cho HS phát biểu và dẫn ra các chi tiết cụ thể trong văn bản.
Câu 6. Văn bản <i>Hội thi thổi cơm</i> chỉ có một ảnh minh họa. Nếu vẽ thêm minh họa cho bài viết, em sẽ chọn nội dung nào? Vì sao em lại chọn nội dung đó để vẽ?	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp để tìm ra câu trả lời. – Văn bản thông tin thường sử dụng kênh hình như một phương tiện chuyển tải nội dung (văn bản đa phương thức) nên việc minh họa là rất cần thiết. – GV cho HS đề xuất nội dung minh họa và lí giải vì sao lại chọn nội dung ấy.

Hoạt động 4. Tổng kết

- Xem lại cách tổ chức hoạt động này ở văn bản *Ca Huế*, thực hiện tương tự.
- GV yêu cầu HS đọc trước ở nhà phần *Thực hành tiếng Việt* và văn bản *Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang*; thực hiện các nhiệm vụ trong và sau khi đọc văn bản.

IV. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẢN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Lưu ý

1.1. Yêu cầu chung

Nội dung của phần *Thực hành tiếng Việt* ở bài này là mở rộng trạng ngữ.

Để đảm bảo yêu cầu tích hợp và yêu cầu thực hành, khi dạy nội dung trên đây, GV cần hướng dẫn HS tập trung vào việc phân tích ngữ liệu rút ra từ các tác phẩm văn chương (chủ yếu là các tác phẩm được dạy ở Bài 5 hoặc ở các bài học khác trong SGK *Ngữ văn 6*, *Ngữ văn 7*); qua đó, đạt được các kĩ năng cần thiết về mở rộng trạng ngữ.

1.2. Yêu cầu cụ thể

Qua hệ thống bài tập, GV cần giúp HS đạt được các kĩ năng sau:

- Xác định, phân tích trạng ngữ mở rộng.
- Sử dụng trạng ngữ mở rộng trong tạo lập văn bản.

SGK có 4 bài tập.

Bài tập 1 yêu cầu HS tìm trạng ngữ là cụm danh từ, xác định danh từ trung tâm và các thành tố phụ trong mỗi cụm danh từ đó. Bài tập này giúp HS rèn luyện kĩ năng xác định, phân tích những trạng ngữ được mở rộng bằng cách dùng cụm danh từ bổ sung cho từ làm trạng ngữ. Bài tập không khó nên HS có thể thực hiện bằng hình thức làm việc độc lập.

Bài tập 2 yêu cầu HS tìm trạng ngữ là cụm danh từ, xác định danh từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi cụm danh từ đó. Bài tập này giúp HS rèn luyện kĩ năng xác định, phân tích những trạng ngữ được mở rộng bằng cách dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm trạng ngữ. Bài tập gồm 2 câu; GV có thể hướng dẫn HS làm việc độc lập để giải quyết.

Bài tập 3 yêu cầu HS tìm trạng ngữ là cụm chủ vị trong những câu đã cho; chỉ ra các kết từ được dùng để nối trạng ngữ với vị ngữ. Bài tập này giúp HS rèn luyện kĩ năng xác định trạng ngữ được mở rộng bằng cách dùng cụm chủ vị trực tiếp cấu tạo trạng ngữ, đồng thời, củng cố kĩ năng xác định kết từ. Khi hướng dẫn HS thực hiện bài tập này, GV cần chú ý những điểm sau:

- Theo cách hiểu trong *Ngữ văn 7* (CT 2018), trạng ngữ (cũng như chủ ngữ, vị ngữ) có thể được biểu hiện bằng cụm chủ vị.
- Từ loại mà sách *Ngữ văn* (CT 2006) gọi là *quan hệ từ* thì trong sách *Ngữ văn 7* (CT 2018) được gọi là *kết từ*.

Bài tập này tuy không khó nhưng gồm 3 câu và có nhiều nội dung nên GV có thể cho HS làm việc theo nhóm để thực hiện.

Bài tập 4 yêu cầu HS viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ sau khi học xong văn bản *Ca Huế*, trong đó có sử dụng ít nhất một trạng ngữ là cụm chủ vị. Bài tập này giúp HS rèn luyện kĩ năng mở rộng trạng ngữ bằng cụm chủ vị. HS cần làm việc độc lập để thực hiện bài tập này.

2. Gợi ý tổ chức dạy thực hành tiếng Việt

Hoạt động 1. Xác định khái niệm mở rộng trạng ngữ

GV có thể yêu cầu HS nêu lại các ví dụ về mở rộng trạng ngữ (nêu ở phần *Kiến thức ngữ văn*) theo hai cách: a) dùng từ hoặc cụm từ chính phụ (cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ) bổ sung cho từ làm trạng ngữ (Ví dụ: “*Hồi ấy, rừng này còn nhiều hổ lắm.*”, “*Trong chuyến đi về Hà Tĩnh, quan Phó bảng Sắc lưu lại huyện Đức Thọ một thời gian.*”); b) dùng cụm chủ vị bổ sung cho từ làm trạng ngữ hoặc trực tiếp cấu tạo trạng ngữ (Ví dụ: “*Khi tôi cảm tạ muối lên thì thấy chủ đã ngồi xổm xuống cạnh bếp.*”, “*Tôi không trả lời mẹ vì tôi muốn khóc quá.*”), qua đó, rút ra cách hiểu về mở rộng trạng ngữ.

Hoạt động 2. Tìm và phân tích trạng ngữ mở rộng trong câu

Hoạt động này được thực hiện qua các bài tập 1, 2, 3.

Bài tập 1. GV hướng dẫn HS tìm trạng ngữ là cụm danh từ trong 3 câu đã cho, xác định danh từ trung tâm và các thành tố phụ trong mỗi cụm danh từ đó:

– Ở câu a), trạng ngữ là cụm danh từ: *hai lần bất cung liên tiếp* có trung tâm là *lần* và các thành tố phụ là *hai, bất cung liên tiếp*.

– Ở câu b), trạng ngữ là cụm danh từ: *ngghi lễ bái tổ* có trung tâm là *ngghi lễ* và thành tố phụ là *bái tổ*.

– Ở câu c), trạng ngữ là cụm danh từ: *hỏi trống lệnh* có trung tâm là *hỏi* và thành tố phụ là *trống lệnh*.

Bài tập 2. GV hướng dẫn HS tìm trạng ngữ là cụm danh từ trong 2 câu đã cho, xác định danh từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị trong mỗi cụm danh từ đó:

– Ở câu a), trạng ngữ là cụm danh từ: *ngày công chúa bị mất tích* có trung tâm là danh từ *ngày* và thành tố phụ là cụm chủ vị *công chúa bị mất tích*.

– Ở câu b), trạng ngữ là cụm danh từ: *khi tiếng trống châu vang lên* có trung tâm là danh từ *khi* và thành tố phụ là cụm chủ vị *tiếng trống châu vang lên*.

Bài tập 3. GV hướng dẫn HS tìm trạng ngữ là cụm chủ vị trong những câu đã cho và chỉ ra các kết từ được dùng để nối trạng ngữ với vị ngữ:

– Ở câu a), trạng ngữ là cụm chủ vị: (chắc) Trũi được vô sự được nối với vị ngữ bằng kết từ vì (chỉ nguyên nhân).

– Ở câu b), trạng ngữ là cụm chủ vị: tàu đang đỗ ở chỗ nước trong được nối với vị ngữ bằng kết từ vì (chỉ nguyên nhân).

– Ở câu c), trạng ngữ là cụm chủ vị: cụ cảm châu phân xử theo đúng luật lệ của vật dân tộc được nối với vị ngữ bằng kết từ để (chỉ mục đích).

Hoạt động 3. Thực hành sử dụng trạng ngữ mở rộng bằng cụm chủ vị qua hoạt động viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ sau khi học xong văn bản *Ca Huế*

Bài tập 4. GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu:

– Viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ sau khi học xong văn bản *Ca Huế*, trong đó có sử dụng trạng ngữ là cụm chủ vị: GV có thể hướng dẫn HS viết đoạn văn với yêu cầu trên theo gợi ý từ đoạn văn sau: “Văn bản *Ca Huế* cung cấp cho người đọc những thông tin rất thú vị, bổ ích về một loại hình ca nhạc độc đáo của dân tộc. Được sáng tạo bởi các nghệ nhân tài danh, ca Huế gồm nhiều bài bản, điệu thức, nhiều cách hát khác nhau. Là loại hình ca nhạc bậc học, chuyên nghiệp, ca Huế có yêu cầu rất cao về kỹ thuật hát (về phát âm, nhả chữ, luyến láy,...), về nhạc đệm (với các nhạc công tài năng và nhiều loại nhạc cụ trong dàn “ngũ tuyệt”). Mong muốn của em là ca Huế sẽ được bảo tồn lâu dài và được phổ biến rộng rãi hơn để nhân dân cả nước được thưởng thức loại hình ca nhạc đặc sắc này.”.

– Chỉ ra trạng ngữ là cụm chủ vị: (để) nhân dân cả nước được thưởng thức loại hình ca nhạc đặc sắc này.

V. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẢN THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU

Văn bản

Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang

(Theo dulichbacgiang.gov.vn)

Các văn bản dùng để HS thực hành đọc hiểu được viết cùng thể loại và có chủ đề tương tự như văn bản HS được dạy đọc chính thức. Mục đích cho HS thực hành đọc hiểu các văn bản này là để rèn cách đọc văn bản thông tin (giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi). Tuy nhiên, thời gian để hướng dẫn HS thực hành sẽ ít hơn thời gian hướng dẫn HS đọc hiểu các văn bản chính thức.

Với văn bản thực hành đọc hiểu, SGK cũng nêu mục *Chuẩn bị* của HS, bao gồm việc xem lại hướng dẫn nêu trong mục *Chuẩn bị* ở các văn bản trước đó để

sẵn sàng đọc văn bản này và thực hiện thêm một số yêu cầu mang tính trải nghiệm. Với các văn bản này, số lượng câu hỏi sau khi đọc ít hơn so với văn bản đọc chính (thường gồm 4 câu), tập trung yêu cầu HS chỉ ra những đặc điểm chính về nội dung, hình thức của văn bản và đánh giá khái quát về văn bản đó. HS cần vận dụng cách đọc văn bản thông tin ở những văn bản đọc hiểu chính để thực hành đọc văn bản ở phần này.

Với mỗi văn bản thực hành đọc hiểu, GV cũng yêu cầu HS đọc trước ở nhà, trả lời các câu hỏi / thực hiện nhiệm vụ trong khi đọc, sau khi đọc và ghi lại những thắc mắc để hỏi GV ở trên lớp liên quan đến xuất xứ của văn bản, phương thức tạo lập, đề tài / chủ đề, nội dung của văn bản (bao gồm thông tin chính và các thông tin cụ thể), hình thức của văn bản (bao gồm bố cục, cách triển khai thông tin, ngôn ngữ và các phương tiện truyền tải thông tin).

Ở trên lớp, nếu ít thời gian, GV không cần tổ chức Hoạt động 1 (Khởi động), Hoạt động 4 (Tổng kết) mà tập trung vào Hoạt động 2 (Đọc và kiểm tra việc đọc văn bản của HS) và Hoạt động 3 (Tổ chức đọc hiểu văn bản). Cách tổ chức hai hoạt động này tương tự như với hai văn bản *Ca Huế*, *Hội thi thổi cơm*. Tuỳ thuộc vào khả năng của HS mà GV linh hoạt sử dụng các câu hỏi này, miễn là đáp ứng được mục tiêu dạy đọc hiểu của Bài 5.

Dưới đây là một số gợi ý hướng dẫn HS đọc văn bản *Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang*.

Hoạt động 2. Đọc và kiểm tra việc đọc văn bản của HS

GV dựa vào các nội dung nêu ở cột bên phải văn bản để kiểm tra việc đọc ở nhà của HS, hoặc yêu cầu HS đọc lại văn bản và lưu ý HS quan sát, suy nghĩ các câu hỏi ở cột bên phải.

Hoạt động 3. Tổ chức đọc hiểu văn bản

Có thể chia nhóm tìm hiểu bốn câu hỏi trong SGK, sau đó, trao đổi và nhận xét.

GV nêu nhiệm vụ	Những điểm cần lưu ý
Câu 1. Nhan đề <i>Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang</i> cho người đọc biết gì về nội dung chính được nói tới trong văn bản? Em hãy phân biệt “sới vật” và “hội vật”.	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp để tìm ra câu trả lời. – Nội dung chính của bài viết nằm ở tiêu đề của văn bản: <i>Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang</i>. – Phân biệt “sới vật” và “hội vật”: + Hội vật: chỉ hội thi vật nói chung. + Sới vật: chỉ một khoảng không gian cụ thể, nơi diễn ra cuộc thi vật: “sới vật hình tròn được đặt trước sân đình hình vuông”.

Câu 2. Theo văn bản, để tổ chức một hội vật, cần chuẩn bị và tiến hành những nghi lễ, nghi thức nào?	– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm để tìm ra câu trả lời. – Đây chính là câu hỏi tìm hiểu các quy định (luật lệ) của cuộc thi vật. GV yêu cầu HS dựa vào văn bản để nêu các nghi thức này: + Chuẩn bị: chọn hai đô thực hiện kéo vật thờ. + Mở đầu, hai đô vật thờ tiến hành nghi lễ bái tổ; sau đó là nghi thức xe dài; sau xe dài là kéo vật thờ chính thức diễn ra.
Câu 3. “Kéo vật thờ” diễn ra theo trình tự như thế nào và có những quy tắc gì?	– GV cho HS làm việc theo cặp hoặc nhóm, chỉ ra trình tự và nêu lên các quy tắc của “kéo vật thờ”. – Câu này tiếp tục tìm hiểu cụ thể quy tắc của “kéo vật thờ”. Ví dụ: + Giới thiệu rất trang trọng về 2 đô vật thờ (tên tuổi, địa chỉ, thành tích đã đạt được, những số trường trong thi đấu,...). + Hai đô vật “chân quỳ vai sánh”, “hai tay chấp sườn” nghênh diện. + Hai đô vật chấp tay, đồng thời khom lưng “bái tổ” theo thể ba bước tiến lên, ba bước lùi xuống,... + Hai đô thực hiện nghi thức “xe dài”, như xe dài ở Bắc Giang: đó là những thế “đại bàng tung cánh, sư tử vờn cầu”; hay hiện hoà và uốn lượn như “dòng sông Cầu nước chảy lơ thơ”, “dòng sông Thương nước chảy đôi dòng”. + Kéo vật thờ chính thức diễn ra với nhiều miếng / mẹo vật được giới thiệu: miếng bốc, miếng gồng; miếng mồi, miếng sườn,...
Câu 4. Văn bản mang lại cho em những hiểu biết gì về hội vật? Hãy nêu một hội thi truyền thống của quê hương em hoặc các vùng miền khác có hình thức tương tự như hội vật ở Bắc Giang.	– HS nêu lên những thu hoạch, hiểu biết của cá nhân về hội vật. – Nêu được một hoạt động hội thi truyền thống của quê hương em hoặc các vùng miền khác có hình thức tương tự như hội vật ở Bắc Giang. Chú ý giới thiệu được các quy định (luật lệ) của hội thi đó.

Hoạt động 4. Tổng kết (nếu có thời gian)

– Xem lại cách tổ chức hoạt động này ở văn bản *Cà Huế, Hội thi thổi cơm* và thực hiện tương tự.

– GV yêu cầu HS đọc mở rộng các văn bản thông tin tương tự các văn bản đã học và chuẩn bị trước ở nhà phần *Viết, Nói và nghe*, thực hiện các nhiệm vụ trong SGK.

VI. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẢN VIẾT

Viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi

1. Lưu ý

Mục *Định hướng* trong SGK có hai nội dung: nêu cách hiểu về phương thức thuyết minh và cách thức viết văn bản thuyết minh (còn gọi là những chiến lược viết), phân tích ví dụ (còn gọi là phân tích mẫu để tìm ra các chiến lược viết). GV yêu cầu HS đọc trước cả hai mục này ở nhà, lưu ý HS tìm thông tin và các phương tiện (như tranh, ảnh, biểu đồ, bản đồ,...) từ nhiều nguồn khác nhau như: sách, báo, Internet,... để có tư liệu tạo lập văn bản.

Trên lớp, GV yêu cầu HS nhắc lại các chiến lược viết và tập trung hướng dẫn HS phân tích ví dụ theo những gợi dẫn của SGK. Các ví dụ ở đây là những văn bản được đưa vào phần *Đọc hiểu văn bản* và *Thực hành đọc hiểu*. Dưới đây là một số cách thức tổ chức cho HS nhận biết cách thức viết một bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi:

– Cách 1: GV yêu cầu HS từ các văn bản đọc hiểu trong SGK, nêu lên các đặc điểm của văn bản thuyết minh về quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi. Từ đó, rút ra cách hiểu về kiểu văn bản này (ý a), mục *Định hướng*).

– Cách 2: GV cho HS đọc nội dung mục *Định hướng* trong SGK và đặt các câu hỏi về đặc điểm, cách thức tạo lập văn bản thuyết minh về quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi mà SGK đã nêu lên và yêu cầu HS trả lời để nắm vững về những đặc điểm đó.

Tuỳ thuộc vào khả năng của HS, GV lựa chọn một trong hai cách trên hoặc có cách hướng dẫn khác để tổ chức cho HS nắm được li thuyết sơ bộ.

2. Gợi ý tổ chức dạy viết

Mục *Thực hành* trong SGK nêu bài tập và hướng dẫn HS làm bài tập đó. Cũng như ở các bài học trước, ngoài bài tập này, GV có thể tìm thêm hoặc thay thế bằng bài tập khác cho phù hợp với nhu cầu, khả năng của HS lớp mình. Mục *Thực hành* luôn được thực hiện theo hướng: i) GV nêu đề bài / yêu cầu; ii) HS

làm việc (cá nhân, theo cặp hoặc nhóm) và iii) HS trình bày kết quả, trao đổi và thảo luận để thống nhất, rút ra kết luận.

Bài tập trong SGK: Dựa vào các văn bản đã học ("*Ca Huế*", "*Hội thi thổi cơm*", "*Những nét đặc sắc trên "đất vật" Bắc Giang*"), hãy viết bài văn thuyết minh về một số quy tắc, luật lệ cho một trong các hoạt động hay trò chơi đã được giới thiệu hoặc các hoạt động hay trò chơi tương tự của địa phương em.

Trước hết, GV yêu cầu HS đọc kĩ đề bài. Sau đó, GV yêu cầu HS:

- Đọc trước và thực hiện mục a) *Chuẩn bị* ở nhà hoặc trước khi tiết học bắt đầu.
- Trả lời các câu hỏi và yêu cầu ở mục b) *Tìm ý và lập dàn ý*.
- Tiến hành viết theo hướng dẫn ở mục c) *Viết*.
- Kiểm tra và chỉnh sửa bài viết theo yêu cầu của mục d) *Kiểm tra và chỉnh sửa*.

Tùy thuộc vào điều kiện và kế hoạch dạy viết để xác định ở bài học này, hoạt động nào là chính trong bốn bước trên.

VII. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY PHẢN NÓI VÀ NGHE

Giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi

1. Lưu ý

Mục *Định hướng* trong SGK nêu lên cách hiểu về hoạt động *giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi* và những điểm cần chú ý để tiến hành việc giới thiệu bằng lời (ngôn ngữ nói).

GV yêu cầu HS đọc mục *Định hướng* và tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận để chốt lại cách giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi.

2. Gợi ý tổ chức dạy nói và nghe

Nội dung thực hành trong SGK cung cấp bài tập: Dựa vào văn bản "*Những nét đặc sắc trên "đất vật" Bắc Giang*", giới thiệu một số quy tắc, luật lệ của hoạt động *đấu vật ở Bắc Giang* hoặc ở địa phương em.

Cũng như ở phần *Viết*, ngoài bài tập này, GV có thể tìm thêm hoặc thay thế bằng bài tập khác cho phù hợp với nhu cầu, khả năng của HS lớp mình.

Quy trình thực hành nói – nghe diễn ra như sau:

(1) GV nêu bài tập.

(2) HS làm việc (cá nhân, theo cặp hoặc nhóm) theo gợi ý của các mục a) *Chuẩn bị*, b) *Tìm ý và lập dàn ý*, c) *Nói và nghe* và d) *Kiểm tra và chỉnh sửa* trong SGK.

Cần lưu ý HS: nội dung nói – nghe đã có sẵn ở các tiết đọc hiểu và viết nên không cần mất thời gian nhiều vào các bước *chuẩn bị*, *tìm ý và lập dàn ý*, mà dành nhiều thời lượng cho HS thực hành giới thiệu bằng lời những gì mình đã chuẩn bị.

(3) GV nhận xét hoặc tổ chức cho HS nhận xét bài nói của nhau, rút kinh nghiệm về cách giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi.

VIII. HƯỚNG DẪN PHẢN TỰ ĐÁNH GIÁ

Gợi ý đáp án và trả lời các câu hỏi, bài tập trong SGK:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Đáp án	C	B	A	C	B	C	B	A	B

Câu 10. HS tự làm.

ÔN TẬP VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Khác với các bài học khác trong sách *Ngữ văn 7*, bài *Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì I* chủ yếu giúp HS hệ thống lại những gì đã học và tự đánh giá kết quả học tập của mình, nên bài này hướng tới hai mục tiêu cơ bản là:

1. Trình bày được các nội dung cơ bản đã học trong học kì I, gồm các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.

2. Nêu được các yêu cầu về nội dung và hình thức tự kiểm tra, giúp các em tự đánh giá kết quả học tập cuối học kì I.

Là bài ôn tập nên GV chủ yếu tổ chức cho HS làm bài tập và hệ thống hoá lại các nội dung chính cần lưu ý.

II. KIẾN THỨC NGŨ VĂN

GV nên yêu cầu HS lập bảng tổng kết về hệ thống kiến thức trong phần *Kiến thức ngữ văn*, sách *Ngữ văn 7*, tập một. Cụ thể, SGK đã nêu lên những đơn vị kiến thức nào; trong đó, những kiến thức nào mới so với lớp 6? Ví dụ:

Bài	Tên đơn vị kiến thức	
	Tiếng Việt	Văn học
1	Ngôn ngữ của các vùng miền (phương ngữ)	a) Tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua ý nghĩ của các nhân vật khác, qua lời người kể chuyện b) Tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể
2		
3		
4		
5		

Trong quá trình trao đổi các câu hỏi, nếu liên quan đến các kiến thức tiếng Việt hay văn học đã học, GV lưu ý HS gắn với các tình huống cụ thể, vận dụng để nhận diện, phân tích ý nghĩa và tác dụng của các đơn vị kiến thức ấy.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY BÀI ÔN TẬP (trọng tâm)

1. Lưu ý

– Cấu trúc bài *Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì I* khác các bài học khác ở chỗ, bài chủ yếu nêu lên hệ thống câu hỏi, bài tập theo các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói – nghe và tiếng Việt. Sau đó là định hướng và gợi ý đánh giá cả về nội dung và hình thức để kiểm tra nhằm giúp GV và HS tham khảo, ôn luyện và chuẩn bị. HS làm các câu hỏi, bài tập sẽ nắm được yêu cầu ôn tập và đạt được mục tiêu của bài học. Chính vì thế, GV cần nhắc nhở HS đọc và tìm hiểu bài tập ở nhà trước. Trong trường hợp HS chưa đọc và chưa chuẩn bị các bài tập này thì GV tổ chức cho HS thực hiện trên lớp luôn. Toàn bộ bài học nêu lên 9 bài tập và được thực hiện trong 4 tiết.

– GV tiến hành tổ chức cho HS tìm hiểu bài ôn tập theo hướng sau: 2 tiết đầu tổ chức làm các câu hỏi và trao đổi, tổng kết; 2 tiết sau làm bài tự đánh giá cuối học kì. Sự phân bổ cần linh hoạt nhưng trong khoảng thời lượng 4 tiết dành cho ôn tập và tự kiểm tra, đánh giá cuối học kì. Chẳng hạn, sau đây là một cách tổ chức các hoạt động.

2. Gợi ý tổ chức các hoạt động dạy học

Hoạt động 1 (Tiết 1 và 2). Tổ chức ôn tập

Thông qua 9 câu hỏi là: 4 câu ôn tập về kĩ năng đọc hiểu (từ câu 1 đến câu 4); 3 câu về kĩ năng viết (từ câu 5 đến câu 7) và 2 câu sau (câu 8, câu 9) về kĩ năng nói – nghe và tiếng Việt.

Gợi ý cách thức:

– GV có thể chia nhóm để tiết kiệm thời gian, dành nhiều thời lượng để HS trao đổi, thảo luận.

– Các nội dung ôn tập qua các câu hỏi phần lớn là các kiến thức cơ bản, cần chính xác, khách quan, ít phụ thuộc vào chủ quan của mỗi HS như đọc hiểu và viết. Vì thế, GV cần chuẩn bị trước các ý kiến để tổng kết và nêu lên sau khi HS đã trao đổi.

+ Nội dung các câu hỏi (câu 1, 2, 3, 5, 6, 9) hầu hết mang tính thông kê nên không cần gợi ý, GV chỉ hướng dẫn HS cách thông kê theo mẫu trong SGK.

+ Câu 4. Hãy giới thiệu tóm tắt một văn bản trong sách *Ngữ văn 7*, tập một có nội dung gần gũi, giàu ý nghĩa đối với đời sống hiện nay và với chính bản thân em.

GV nhắc HS trong *Ngữ văn 7* đã học những văn bản nào; chẳng hạn, các bài về truyện như *Người đàn ông cô độc giữa rừng* (trích *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi), *Buổi học cuối cùng* (Đô-đê), *Đọc đường xứ Nghệ* (trích *Búp sen xanh* của Sơn Tùng); thơ như các bài *Mẹ* (Đỗ Trung Lai), *Ông đồ* (Vũ Đình Liên), *Tiếng gà trưa* (Xuân Quỳnh); truyện khoa học viễn tưởng như *Bạch tuộc* (trích *Hai vạn dặm dưới đáy biển* của Véc-nơ), *Chất làm gì* (Brét-bơ-ry), *Nhật trình Sol 6* (trích *Người về từ Sao Hoả* của Uya),... Ngoài ra, còn có các văn bản nghị luận văn học viết về cái hay, cái đẹp của các tác phẩm đã học và văn bản thông tin viết về các di sản văn hoá, lễ hội,... Từ đó, HS tự xác định văn bản nào có nội dung “gần gũi, giàu ý nghĩa đối với đời sống hiện nay và với chính bản thân em” để giới thiệu.

+ Câu 7. Nêu một số điểm khác biệt giữa văn bản phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học với văn bản giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi (Gợi ý: về mục đích, nội dung, hình thức, lời văn,...).

Câu này đòi hỏi HS phải so sánh để chỉ ra sự khác biệt giữa hai kiểu văn bản. Để thấy sự khác biệt ấy, SGK cũng đã có gợi ý, HS cần dựa vào các tiêu chí như mục đích, nội dung, hình thức, lời văn,... của mỗi loại văn bản để thấy sự khác biệt. Chẳng hạn: Mục đích của văn bản phân tích đặc điểm nhân vật

trong tác phẩm văn học là làm rõ nhân vật ấy có đặc điểm gì thông qua các yếu tố như: ngoại hình, suy nghĩ nội tâm, cách ăn mặc, ngôn ngữ,...; qua nhận xét của các nhân vật khác hoặc của người kể chuyện,... Còn mục đích của văn bản giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi lại nhằm giới thiệu cho người đọc những quy định (luật lệ) cần tuân thủ khi tham gia một hoạt động hay trò chơi.

Từ việc so sánh về mục đích như trên, GV hướng dẫn HS so sánh các tiêu chí còn lại để thấy sự khác nhau giữa hai kiểu văn bản này.

+ Câu 8 tương tự như câu 7. Có rất nhiều nội dung nói và nghe liên quan chặt chẽ tới đọc hiểu và viết. HS hoàn toàn có thể xem lại hoặc nhớ lại các nội dung này ở mỗi bài để tìm ra và phân tích mối liên hệ đó.

Hoạt động 2 (Tiết 3 và 4). Thực hành đánh giá

GV cho HS thực hành làm bài tự đánh giá cuối học kì; để kiểm tra có thể do tổ chuyên môn hoặc cá nhân GV soạn nhưng cần theo định hướng đánh giá (nội dung và hình thức) mà CT và bài học này đã nêu lên.

IV. PHÂN TÍCH YÊU CẦU TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

1. Phân tích đề tự đánh giá

Đề tham khảo nêu trong SGK *Ngữ văn 7*, tập một tập trung vào kĩ năng đọc hiểu và viết, bao gồm hai phần: các câu hỏi trắc nghiệm (10 câu) và viết (chọn 1 trong 2 đề). Với tính chất và yêu cầu tự đánh giá cuối học kì cần toàn diện về kĩ năng và kiến thức của các bài học trong cả học kì I nên cần chọn hình thức kiểm tra kết hợp trắc nghiệm với tự luận. Dạng trắc nghiệm có thể quét nhiều đơn vị kiến thức, kĩ năng cần đánh giá.

– Phần trắc nghiệm đọc hiểu (10 câu) chia làm 2 phần:

+ Sáu câu đầu kiểm tra những hiểu biết của HS về thơ năm chữ với ngữ liệu mới (một đoạn thơ 8 dòng), trích từ bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh. Thơ bốn chữ, năm chữ là một trọng tâm của các bài học trong SGK *Ngữ văn 7*, tập một. Tất nhiên, GV cũng có thể kiểm tra về truyện hoặc văn bản nghị luận văn học,... Đồng thời, cũng thông qua phần này để kiểm tra kiến thức tiếng Việt.

+ Bốn câu sau (từ câu 7 đến câu 10) kiểm tra đọc hiểu văn bản thông tin có đề tài tương tự với các văn bản thông tin mà HS đã được đọc hiểu trong học kì I nhưng với ngữ liệu mới. Đó là văn bản thuyết minh, giới thiệu quy tắc khi đi thang máy – một vấn đề rất cần trang bị cho HS như một kĩ năng và vốn hiểu biết văn hoá nơi công cộng.

– Phân yêu cầu viết nêu lên 2 đề để gắn với các nội dung đã học.

+ Đề 1. Phân tích đặc điểm một nhân vật trong tác phẩm truyện đã học ở sách *Ngữ văn 7*, tập một mà em có ấn tượng và yêu thích.

Về nội dung, HS đã được đọc hiểu một số văn bản truyện có những nhân vật rất đáng nhớ, chẳng hạn: nhân vật Võ Tòng trong văn bản *Người đàn ông cô độc giữa rừng* (trích *Đất rừng phương Nam* – Đoàn Giỏi), nhân vật Nguyễn Sinh Cung (Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày còn nhỏ) trong đoạn trích *Độc đường xứ Nghệ* (trích tiểu thuyết *Búp sen xanh* – Sơn Tùng), nhân vật thuyền trưởng Nê-mô trong đoạn trích *Bạch tuộc* (trích tiểu thuyết *Hai vạn dặm dưới đáy biển* – Véc-nơ),... Vì thế, HS có thể viết bài phân tích đặc điểm của một nhân vật trong số tác phẩm đã học đó. Yêu cầu về ý ở đề này chỉ cần HS nêu lên theo lô gích sau:

- Nhân vật trong tác phẩm truyện đã học ở sách *Ngữ văn 7*, tập một mà em có ấn tượng và yêu thích là nhân vật nào?

- Phân tích đặc điểm nhân vật ấy thông qua các phương diện: ngoại hình, suy nghĩ nội tâm, ngôn ngữ, trang phục,...; qua lời các nhân vật trong truyện hoặc qua lời người kể chuyện.

- Cảm nghĩ, nhận xét, đánh giá của em về nhân vật đã phân tích.

+ Đề 2. Nêu suy nghĩ và cảm xúc của em sau khi đọc hai khổ thơ trích từ bài thơ *Sang thu* (Hữu Thỉnh) nêu trên.

Đó là hai khổ thơ mở đầu bài *Sang thu* của Hữu Thỉnh đã nêu ở phần đọc hiểu:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về*

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu*

Nêu cảm nhận (suy nghĩ và cảm xúc) về một đoạn thơ, bài thơ cũng là một trọng tâm cần ôn luyện và kiểm tra, đánh giá. Kiểu bài ở đề này cũng là kiểu bài HS đã học và được làm quen từ lớp 6. Như thế, cả đề tài, nội dung và kiểu bài đều không có gì xa lạ với HS; chủ yếu là yêu cầu HS vận dụng những gì đã học vào ngữ liệu mới để viết bài. Với đề này, HS trước hết phải hiểu ý của hai khổ thơ

(Viết về cái gì? Thể hiện được tâm trạng nào của người viết? Nói hộ được người đọc những gì?,...). Hình thức, ngôn từ của hai khổ thơ có gì độc đáo? Từ đó, HS phát biểu cảm nhận của mình.

2. Đáp án cho các câu trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	D	C	A	A	C	B	C	A	C



MỤC LỤC

Lời nói đầu

Trang

PHẦN MỘT: Những hiểu biết chung về sách *Ngữ văn 7*

I. Thông tin chung	5
II. Cấu trúc chung của SGK <i>Ngữ văn 7</i>	5
III. Cấu trúc bài học trong SGK <i>Ngữ văn 7</i>	8
IV. Nội dung cụ thể và thời lượng thực hiện	10
V. Những điểm mới của sách	14
VI. Một số lưu ý chung	17
VII. Về yêu cầu tổ chức dạy học theo hoạt động	20

PHẦN HAI: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể

BÀI MỞ ĐẦU

I. Yêu cầu cần đạt	25
II. Kiến thức ngữ văn	25
III. Hướng dẫn tổ chức dạy <i>Bài Mở đầu</i>	26

BÀI 1. TIỂU THUYẾT VÀ TRUYỆN NGẮN

I. Yêu cầu cần đạt	33
II. Kiến thức ngữ văn	34
III. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Đọc hiểu văn bản	35
• <i>Người đàn ông cô độc giữa rừng</i> (Đoàn Giỏi)	35
• <i>Buổi học cuối cùng</i> (Đô-đê)	40
IV. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành tiếng Việt	44
V. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành đọc hiểu	47
<i>Độc đường xứ Nghệ</i> (Sơn Tùng)	47

VI. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Viết	49
<i>Viết bài văn kể về một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử</i>	49

VII. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Nói và nghe	50
<i>Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống</i>	50

VIII. Hướng dẫn phần Tự đánh giá	51
----------------------------------	----

BÀI 2. THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ

I. Yêu cầu cần đạt	51
II. Kiến thức ngữ văn	52
III. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Đọc hiểu văn bản	53
• Mẹ (Đỗ Trung Lai)	53
• Ông đồ (Vũ Đình Liên)	56
IV. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành tiếng Việt	58
V. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành đọc hiểu	61
<i>Tiếng gà trưa</i> (Xuân Quỳnh)	61
VI. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Viết	63
• Tập làm thơ bốn chữ, năm chữ	63
• Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ	64
VII. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Nói và nghe	64
<i>Trao đổi về một vấn đề</i>	64
VIII. Hướng dẫn phần Tự đánh giá	65

BÀI 3. TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG

I. Yêu cầu cần đạt	65
II. Kiến thức ngữ văn	66
III. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Đọc hiểu văn bản	66

• <i>Bạch tuộc</i> (Giuyon Véc-nơ)	68
• <i>Chất làm gỉ</i> (Rây Brét-bơ-ry)	72
IV. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành tiếng Việt	76
V. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành đọc hiểu	79
<i>Nhật trình Sol 6</i> (En-đi Uya)	79
VI. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Viết	81
<i>Viết bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc</i>	81
VII. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Nói và nghe	83
<i>Thảo luận nhóm về một vấn đề</i>	83
VIII. Hướng dẫn phần Tự đánh giá	84
BÀI 4. NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	
I. Yêu cầu cần đạt	84
II. Kiến thức ngữ văn	85
III. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Đọc hiểu văn bản	85
• <i>Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam”</i> (Bùi Hồng)	86
• <i>Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa”</i> (Đinh Trọng Lạc)	89
IV. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành tiếng Việt	93
V. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành đọc hiểu	96
<i>Sức hấp dẫn của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển”</i> (Lê Phương Liên)	96
VI. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Viết	98
<i>Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật</i>	98
VII. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Nói và nghe	99
<i>Thảo luận nhóm về một vấn đề</i>	99
VIII. Hướng dẫn phần Tự đánh giá	100

BÀI 5. VĂN BẢN THÔNG TIN

I. Yêu cầu cần đạt	100
II. Kiến thức ngữ văn	102
III. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Đọc hiểu văn bản	103
• <i>Ca Huế</i> (Theo dsvh.gov.vn)	105
• <i>Hội thi thổi cơm</i> (Theo dulichvietnam.org.vn)	108
IV. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành tiếng Việt	111
V. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Thực hành đọc hiểu	113
<i>Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang</i> (Theo Phi Trường Giang)	113
VI. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Viết	116
<i>Viết bài văn thuyết minh về quy tắc, luật lệ trong một hoạt động hay trò chơi</i>	116
VII. Hướng dẫn tổ chức dạy phần Nói và nghe	117
<i>Giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi</i>	117
VIII. Hướng dẫn phần Tự đánh giá	118
ÔN TẬP VÀ TỰ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I	118

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

280 An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 301 303 - 39 381 382 - Fax: (028) 39 381 382

Email: nxb@hcmue.edu.vn

Website: <http://nxb.hcmue.edu.vn>

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập

LÊ THANH HÀ

Biên tập:

NGUYỄN THỊ NGỌC NHƯ

TRẦN THANH NGA

Trình bày bìa:

TRẦN TIÊU LÂM

Thiết kế sách:

VŨ HOÀNG VŨ

Sửa bản in:

ĐÀO THỊ CẨM NHUNG

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm bản quyền nội dung:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch Hội đồng Quản trị: NGUYỄN NGỌC TRẦN ÁI

Tổng Giám đốc: VŨ BÁ KHÁNH

*Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà hỗn hợp AZ Lâm Viên, 107 đường Nguyễn Phong Sắc,
P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.*

**NGŨ VĂN 7, TẬP MỘT
SÁCH GIÁO VIÊN**

Mã số:

ISBN:

In ..., khổ 17 x 24cm, tại ...

Địa chỉ:

Cơ sở in:

Số xác nhận đăng kí xuất bản:

Quyết định xuất bản số:

In xong và nộp lưu chiểu

**Mang cuộc sống vào bài học
Đưa bài học vào cuộc sống**



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7

Cánh Diều

1. Ngữ văn 7 (Tập một, Tập hai)
2. Toán 7 (Tập một, Tập hai)
3. Giáo dục công dân 7
4. Lịch sử và Địa lí 7
5. Khoa học tự nhiên 7
6. Công nghệ 7
7. Tin học 7
8. Giáo dục thể chất 7
9. Âm nhạc 7
10. Mỹ thuật 7
11. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7
12. Tiếng Anh 7 Explore English

TÌM ĐỌC

**CÁC SÁCH BỔ TRỢ VÀ THAM KHẢO LỚP 7 (Cánh Diều)
THEO TỪNG MÔN HỌC**



**SỬ DỤNG
TEM CHỐNG GIẢ**

Quét mã QR hoặc dùng trình duyệt web
để truy cập website bộ sách Cánh Diều:
www.hoc10.com

ISBN: 978-604-367-003-5

